

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Nghệ An, tháng 9 năm 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Nghệ An, tháng 9 năm 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng
(Kèm theo Quyết định số: 122/QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Trần Bá Tiến	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Trưởng khoa Kinh tế	Phó Chủ tịch	
4	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thư ký	
5	Ông Hoàng Vĩnh Phú	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên	
8	Bà Đặng Thị Thu	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên	
9	Ông Đinh Đức Tài	Phó Trưởng phòng PT phòng KH&HTQT	Thành viên	
10	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
11	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào	Thành viên	
12	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên	
13	Bà Hồ Mỹ Hạnh	Phó Trưởng khoa Kinh tế	Thành viên	
14	Ông Đặng Thành Cương	TBM Tài chính - Ngân hàng	Thành viên	
15	Hoàng Thị Thanh Huyền	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên	
16	Nguyễn Đình Tiến	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên	
17	Hoàng Thị Việt	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên	
18	Nguyễn Thị Bích Thủy	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên	
19	Hoàng Minh Kỳ	Sinh viên lớp 60B1, Tài chính - Ngân hàng	Thành viên	

Danh sách này gồm có 19 người./.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	ii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG	vi
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề	1
1.2. Tổng quan chung	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	11
Tiêu chuẩn 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	11
Tiêu chuẩn 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	21
Tiêu chuẩn 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	32
Tiêu chuẩn 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY HỌC	43
Tiêu chuẩn 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	59
Tiêu chuẩn 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.....	76
Tiêu chuẩn 7. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN.....	111
Tiêu chuẩn 8 NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	124
Tiêu chuẩn 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	143
Tiêu chuẩn 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	163
Tiêu chuẩn 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA.....	188
PHẦN III. KẾT LUẬN	203
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...	213
PHẦN IV. PHỤ LỤC	215

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
1	BGH	Ban giám hiệu
2	CLB	Câu lạc bộ
3	CTĐT	Chương trình đào tạo
4	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
5	ĐGN	Đánh giá ngoài
6	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
7	GV	Giảng viên
8	NCKH	Nghiên cứu khoa học
9	SV	Sinh viên
10	TCNH	Tài chính - Ngân hàng

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG

Bảng 2.2: So sánh đề cương môn học của khóa 57, 58 và 61 ngành TCNH	25
Bảng 6.1.1: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu Khoa Kinh tế theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2020-2021 (tính đến tháng 07/2021)	78
Bảng 6.1.2: Thống kê số liệu đội ngũ GV, NCV được tuyển mới của Khoa Kinh tế và ngành TCNH trong 5 năm qua	79
Bảng 6.2.1. Số GV ngành TCNH năm 2021	84
Bảng 6.2.2. Tỷ lệ GV/SV của ngành TCNH giai đoạn 2015 - 2020	84
Bảng 6.3.1. Số lượng giảng viên được tuyển dụng từ 2015-2020	90
Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2015-2020	99
Bảng 8.4. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT	136
Bảng 10.1: Các công trình khoa học đã công bố của Khoa Kinh tế giai đoạn 2016 - 2021	176
Bảng 10.2: Một số đề tài được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập ngành TCNH năm 2016-2020	176
Bảng 11.1. Tỷ lệ sinh viên thôi học giai đoạn 2016-2020 ngành Tài chính - Ngân hàng	189
Bảng 11.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2016-2020 ngành Tài chính - Ngân hàng	190
Bảng 11.3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2016-2020 ngành Tài chính - Ngân hàng	192
Bảng 11.4. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của người học giữa các CTĐT trong Trường Đại học Vinh	193
Bảng 11.5. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp Ngành Tài chính - Ngân hàng	195
Bảng 11.6. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng	197
Bảng 11.7. Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong 5 năm gần đây	200

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng đào tạo của một trường đại học. Với chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước trong những năm qua đã đặt ra yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho hội nhập quốc tế. Do vậy, việc nâng cao chất lượng CTĐT khối ngành kinh tế nói chung và tài chính ngân hàng nói riêng càng trở nên bức thiết. Trong nhiều năm qua, khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh hiện nay thường xuyên quan tâm đến chất lượng CTĐT, đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng (TCNH). Do đó, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài (ĐGN) CTĐT ngành TCNH theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), theo các Công văn hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020, Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Việc tự đánh giá CTĐT ngành TCNH đã giúp Nhà trường, khoa Kinh tế tự rà soát, đánh giá thực trạng đào tạo của Ngành làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT, là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Để triển khai kế hoạch tự đánh giá CTĐT, ngành TCNH, Trường Đại học Vinh đã căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT (ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT) để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại. Để làm tốt công tác tự đánh giá CTĐT ngành

TCNH đòi hỏi có sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong trường. Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành TCNH được thành lập theo Quyết định số 122-QĐ/ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh gồm Ban Giám hiệu, cán bộ giảng viên khoa Kinh tế, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Thông tin phản hồi của các bên liên quan (SV, cựu SV, giảng viên, nhà tuyển dụng,...) cũng là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Ban giám hiệu (BGH) chỉ đạo chung, Trung tâm Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo tự đánh giá kèm hồ sơ minh chứng.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành TCNH bao gồm 4 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng cần mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ **Phần II:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) *Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể*; (2) *Nêu những điểm mạnh của CTĐT*; (3) *Điểm tồn tại*; (4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng* và (5) *Tự đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí*.

+ **Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành TCNH dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành 1 phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT ngành TCNH được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp

tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đạt được của cả CTĐT ngành TCNH trong chu kì đánh giá.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành theo **Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH** của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Đây là quá trình nhằm giúp cho ngành TCNH và Khoa kinh tế tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo,

từng bước xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu và thực hành TCNH đứng đầu cả nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của Khoa Kinh tế quản lý ngành TCNH trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội của ngành TCNH.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Ngoài ra, tự đánh giá sẽ phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành TCNH theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Trên cơ sở đó, Nhà trường đăng kí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá: quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 1 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021. Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: *1. Mô tả; 2. Điểm mạnh; 3. Tồn tại; 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng; 5. Tự đánh giá.*

Sau khi có quyết định thành lập *Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành*, Nhà trường đã ban hành *Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành TCNH*; thành lập các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

+ Nhóm 1: TS. Nguyễn Thị Thu Cúc làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1, 2;

+ Nhóm 2: TS. Hoàng Thị Việt làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 3, 4;

+ Nhóm 3: TS. Đặng Thành Cương làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5, 8;

- + Nhóm 4: TS. Hồ Mỹ Hạnh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6, 7;
- + Nhóm 5: TS. Hồ Mỹ Hạnh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 9;
- + Nhóm 6: TS. Đặng Thành Cương làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 10, 11.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT do Khoa Kinh tế tổ chức, ngành TCNH đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành TCNH, tiến hành họp cán bộ toàn ngành để phổ biến kế hoạch và phân công công việc rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng...* Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng. Khoa giao cho một cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Ban Lãnh đạo Khoa cập nhật báo cáo. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong Khoa.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá: Việc tự đánh giá CTĐT ngành TCNH được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu... Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ sinh viên (SV) năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

1.2. Tổng quan chung

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học

và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Ngày 25/4/2001, Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính phủ kí quyết định đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kỹ thuật với chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ".

Đến ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước".

Như vậy, sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ “Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013) Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ*”. Như vậy, sứ mạng của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Trong thời gian vừa qua, Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được một bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và trước xã hội.

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khoa Kinh tế được giao nhiệm vụ đào tạo 6 mã ngành Đại học chính quy hệ cử nhân kinh tế: Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư), Kinh tế nông nghiệp, Thương mại điện tử và 4 mã ngành đào tạo Đại học hệ vừa làm vừa học gồm Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Tài chính - ngân hàng, Kinh tế.

Hiện nay, Khoa kinh tế có đội ngũ cán bộ gồm 02 phó giáo sư, 26 tiến sĩ và 26 thạc sĩ. Đội ngũ GV có trình độ cao được đào tạo tại các trường có uy tín trong và ngoài nước ĐBCL, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Khoa Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, Khoa Kinh tế còn thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- Đào tạo Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp, Cử nhân Thương mại điện tử.
- Đào tạo trình độ Thạc sĩ Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành Quản lý kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
- Đào tạo trình độ Tiến sĩ Kinh tế: chuyên ngành Quản lý kinh tế.
- Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.
- Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về Kinh tế và Quản lý kinh tế.
- Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.
- Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

Các cán bộ của Khoa Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa Kinh tế đã xây dựng, định kì rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành TCNH. Ngành TCNH đã và đang tham gia đào tạo hơn 2500 cử nhân chính quy, đây chính là nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CDR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành TCNH được thiết kế dựa trên 3 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành). Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của cử nhân TCNH, được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan, sinh viên tốt

ng nghiệp chương trình ngành TCNH có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về tài chính - ngân hàng; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường hội nhập quốc tế. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành TCNH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Khoa Kinh tế có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ chuyên môn tốt, tỉ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên đạt 100%.

Khoa Kinh tế đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành TCNH và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành TCNH có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa Kinh tế.

Bản “Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu (BGH), Hội đồng Trường Đại học Vinh, Khoa Kinh tế, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên mục tiêu và CĐR là cách tiếp cận hướng đến người học, nhằm vừa đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của trường đại học, vừa đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi vốn được xây dựng dựa trên nhu cầu của các bên liên quan.

Chương trình đào tạo ngành TCNH hiện nay được xây dựng theo phương pháp sơ đồ ngược, khởi đầu từ việc xây dựng mục tiêu và CĐR với sự tham gia của tất cả các bên liên quan thông qua các cuộc khảo sát lấy ý kiến. Mục tiêu và CĐR được thường xuyên rà soát bổ sung, cập nhật những yêu cầu mới của xã hội cũng như những định hướng phát triển của nghề nghiệp sư phạm trong nước và trên thế giới.

Tiêu chí 1.1: *Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học*

1. Mô tả

Căn cứ vào Khung trình độ quốc gia Việt Nam, điều 5 - Luật giáo dục đại học về mục tiêu của giáo dục đại học, và Sứ mệnh, Tầm nhìn của trường Đại học Vinh [H1.01.01.01] mục tiêu tổng quát CTĐT của ngành TCNH được xác định là “Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có kiến thức nền tảng về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, có thái độ và phẩm chất của người làm lĩnh vực tài chính - ngân hàng và có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá, cải tiến các hoạt động tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế”.

Mục tiêu CTĐT ngành TCNH thì Hội đồng Khoa học Khoa Kinh tế, Ban soạn thảo CTĐT cùng với các cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy trong Bộ môn TCNH đã được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động [H1.01.01.02] theo các bước: (1) lập kế hoạch rà soát mục tiêu CTĐT [H1.01.01.03] từ

cấp trường xuống Hội đồng khoa học khoa; (2) thực hiện lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan chủ yếu là từ thị trường lao động [H1.01.01.02]; (3) Sau khi có kết quả khảo sát thì mục tiêu CTĐT được tuyên bố và công khai thông qua nhiều phương thức khác nhau [H1.01.01.04]. Công tác xây dựng, rà soát, sửa đổi, hoàn thiện mục tiêu CTĐT được thực hiện sau mỗi khóa học. Trong giai đoạn 2016-2021 mục tiêu CTĐT của ngành TCNH được xây dựng, rà soát, sửa đổi 2 lần với 3 khóa K58,61. Vì vậy, mục tiêu CTĐT của ngành TCNH được xây dựng rõ ràng, theo quy trình rõ ràng từ lập kế hoạch, thực hiện, cải tiến.

Theo Điều 5 điểm 2 Mục tiêu cụ thể của Luật giáo dục đại học, mục tiêu chung của giáo dục đại học là: (1) Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; (2) Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ, đào tạo, có sức khỏe có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân [H1.01.01.01]. Mục tiêu cụ thể CTĐT ngành TCNH được trình bày bao gồm 4 mục tiêu nhỏ như sau:

Mục tiêu 1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, tiếng anh và có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

Mục tiêu 2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng nghề nghiệp

Mục tiêu 3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

Mục tiêu 4: Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Mục tiêu này cũng phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 QĐ 1982 về phê duyệt Khung trình độ quốc gia [H1.01.01.01]. Bên cạnh đó, khi tiến hành đối sánh mục tiêu CTĐT của ngành TCNH của Đại học Vinh với một số trường Đại học trong và ngoài nước có đào tạo ngành TCNH cho thấy các mục tiêu CTĐT có nhiều điểm tương đồng [H1.01.01.06]. Như vậy, các mục tiêu của CTĐT ngành TCNH xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học được quy định trong Luật giáo dục đại học [H1.01.01.06].

Khi xây dựng Mục tiêu của CTĐT, các thành viên soạn thảo gồm các chuyên

gia, nhà nghiên cứu, giảng viên của Ngành đã lồng ghép tinh thần của Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, cũng như định hướng kế hoạch phát triển trong giai đoạn tới của Nhà trường vào Mục tiêu của CTĐT [H1.01.01.05]. Hội đồng khoa học của Khoa/Viện đã tổ chức phản biện, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt CTĐT [H1.01.01.01] [H1.01.01.02] [H1.01.01.03], [H1.01.01.04].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu CTĐT của ngành TCNH được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học; được xác định và mô tả rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; được định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu CTĐT còn hạn chế. Quá trình khảo sát thị trường lao động chưa được toàn diện, rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn (mở rộng các doanh nghiệp, ngân hàng trên cả nước)	Bộ phận ĐBCL, bộ môn Tài chính Ngân hàng	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT ngành TCNH	Ban phát triển CTĐT, Hội đồng KHĐT ngành	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và các yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành TCNH xác định những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV ngành TCNH đạt được khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu của CTĐT [H1.01.02.01] và được công bố rộng rãi cho người học, GV và các bên liên quan [H1.01.02.01]. CĐR cũng chính là cam kết của Nhà trường với người học và xã hội về chất lượng của ngành đào tạo.

CĐR của CTĐT ngành TCNH được mô tả lần đầu tiên vào năm 2014 được công bố theo quyết định số 3242/QĐ-ĐHV [H1.01.02.02]. Hằng năm CĐR được rà soát, điều chỉnh và phát triển theo quy trình chặt chẽ phù hợp với quy định theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, dựa trên sứ mạng và mục tiêu chung của nhà trường, mục tiêu của CTĐT đã được xây dựng [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Việc xây dựng và phát triển CĐR được tiến hành bởi Hội đồng Khoa học Khoa Kinh tế, Ban soạn thảo CTĐT cùng với các cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy trong Bộ môn TCNH [H1.01.02.05], với sự tham gia của các bên liên quan qua khảo sát và góp ý, được thẩm định và phê duyệt bởi hội đồng KHĐT Khoa.

Công tác xây dựng, rà soát, sửa đổi, hoàn thiện mục tiêu CTĐT được thực hiện sau mỗi khóa học. Trong giai đoạn 2016 -2021 CĐR CTĐT của ngành TCNH được xây dựng, rà soát, cập nhật và chỉnh sửa 2 lần với khóa 58, 61. Vì vậy, CĐR CTĐT của ngành TCNH được xây dựng rõ ràng, theo quy trình rõ ràng từ lập kế hoạch, thực hiện, cải tiến.

CĐR đã xác định rõ những yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt đối với người học tốt nghiệp. CĐR của CTĐT nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. Nội dung này được thể hiện rõ trong ma trận kiến thức, kỹ năng ngành tài chính ngân hàng và hồ sơ sản phẩm “Nghiên cứu xây dựng chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận CDIO ngành tài chính ngân hàng” [H1.01.02.05] và trên trang thông tin điện tử của CSGD/khoa có đề cập đến CĐR của CTĐT [H1.01.02.01]. Cụ thể:

Về nội dung kiến thức, người học tốt nghiệp phải nắm vững kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm các Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng; Nắm vững các văn bản qui phạm pháp luật về tài chính ngân hàng; Có kiến thức cơ bản về quản trị cơ sở dữ liệu và tổ chức tài liệu, dữ liệu tài chính ngân hàng; Có kiến thức tin học tương đương trình độ B; Có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

Về kỹ năng, người học tốt nghiệp phải thành thạo việc các hoạt động tài chính ngân hàng; Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp; Có kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đàm phán, thương lượng; khả năng trình bày, thuyết trình; khả năng tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập.

Về thái độ, người học tốt nghiệp phải có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, trung thực khách quan, chính xác; có ý thức kỉ luật và tác phong công nghiệp; Có tinh thần cải tiến, sáng tạo và linh hoạt trong công việc.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành tài chính ngân hàng thể hiện được triển vọng việc làm trong tương lai. Chuẩn đầu ra được xây dựng theo Công văn hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra của Bộ GDĐT [H1.01.02.01], phù hợp với Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H1.01.02.01]. Bên cạnh đó, khi tiến hành đối sánh Chuẩn đầu ra CTĐT của ngành TCNH của Đại học Vinh với một số trường Đại học trong và ngoài nước có đào tạo ngành TCNH cho thấy Chuẩn đầu ra CTĐT có nhiều điểm tương đồng [H1.01.01.07]. Chuẩn đầu ra được xây dựng dựa trên ý kiến người học, của các chuyên gia và đặc biệt là nhu cầu của nhà tuyển dụng lao động [H1.01.02.07]. Chất lượng đầu ra của sinh viên đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nhân lực của khối các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức tài chính ngân hàng như: “Phòng Tài chính ở các loại hình doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp và tổ chức chính trị - xã hội; Nghiên cứu, giảng dạy tài chính ngân hàng (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành tài chính ngân hàng được xác định rõ ràng làm căn cứ để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Hoạt động dạy học và đánh giá kết quả

người học được xác định rõ ràng bởi các kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng, thái độ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT	Bộ phận ĐBCL, Bộ môn TCNH	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật ý kiến người học tốt nghiệp về CĐR của CTĐT đáp ứng các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và triển vọng việc làm trong tương lai.	- Ban phát triển CTĐT; - Hội đồng KHĐT ngành; - Khoa Kinh tế.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 1.3: CĐR của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính ngân hàng là bản cam kết của Trường Đại học Vinh với người học, xã hội về trình độ tối thiểu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực thực hành nghề nghiệp [H1.01.03.01]. Trong quá trình xây dựng và cập nhật Chuẩn đầu ra của CTĐT, Khoa đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động; nhà quản lý; giảng viên; sinh viên năm cuối và cựu sinh viên) [H1.01.03.02]. Thông tin phản hồi từ các bên liên quan là cơ sở quan trọng để Khoa xây dựng và cập nhật. Vì vậy, CĐR của CTĐT ngành Kế toán đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động [H1.01.03.03].

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Tài chính ngân hàng được rà soát, điều chỉnh và cập nhật qua các phiên bản hàng năm để phù hợp với thực tế. CĐR phiên bản năm 2017, có sự điều chỉnh và cập nhật lớn trên cơ sở Nhà trường xây dựng và phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO, CĐR được xây dựng dựa trên 4 trụ cột là (1) kiến thức; (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (kỹ năng CDIO), CĐR thể hiện rõ trình độ năng lực của người học đạt được, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập suốt đời của sinh viên [H1.01.03.04]. Hàng năm dựa trên kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT của Nhà trường, CĐR ngành Kế toán được rà soát, điều chỉnh và cập nhật để phù hợp với yêu cầu của xã hội, đặc biệt là thị trường lao động, bối cảnh của xã hội cũng như bối cảnh của đơn vị kế toán. Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019 của Hiệu trưởng Nhà trường cũng đã quy định rõ việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo được thực hiện hàng năm [H1.01.03.05].

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Tài chính ngân hàng được công bố rộng rãi, công khai cho người học và các bên liên quan trên các phương tiện như website của Nhà trường, subweb của khoa Kinh tế; sổ tay sinh viên; các tài liệu quảng bá tuyển sinh và bản tin về CTĐT ngành Kế toán [H1.01.03.06]. CĐR của CTĐT được công bố công khai tạo điều kiện để Nhà trường, giảng viên thiết kế và vận hành chương trình dạy học; người học xây dựng kế hoạch học tập đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng,

thái độ và năng lực thực hành nghề nghiệp chuyên môn, vị trí việc làm có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp; là căn cứ để nhà sử dụng lao động đánh giá và tuyển dụng các vị trí công việc cũng như là cơ sở để các bên liên quan kiểm tra và giám sát hoạt động đào tạo.

Trong giai đoạn 2016 đến 2020, CDR của CTĐT trình độ đại học ngành Tài chính ngân hàng đã được xây dựng và thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung và cập nhật dựa trên các yêu cầu của các bên liên quan, xu hướng của thế giới và thực tiễn dạy học, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của Nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình. Việc xây dựng, cập nhật và công khai CDR của CTĐT là cơ sở để nhà trường cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. [H1.01.03.07]

2. Điểm mạnh

- CDR của CTĐT đã được xây dựng một cách khoa học, có chú trọng đến ý kiến đóng góp của các bên liên quan. CDR cơ bản phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có nhấn mạnh đến vị trí việc làm và khả năng học tập của người học sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, CDR được rà soát, bổ sung và cập nhật để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của thế giới việc làm.

- CDR được công bố công khai rộng rãi là cơ sở để sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học, phản ánh sứ mạng của Nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về CDR chưa được thực hiện một cách rộng rãi. Số lượng các nhà sử dụng lao động, người học đóng góp ý kiến về CDR là chưa nhiều và chưa đảm bảo yêu cầu khách quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	(1) Hàng năm, Khoa cần xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình và công cụ; điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát; bổ sung phương pháp khảo sát. Mở rộng	Nhà trường Khoa/Viện;		Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		quy mô khảo sát đặc biệt chú trọng lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động; (2) Căn cứ vào kế hoạch xây dựng và phát triển CĐR, CTĐT hàng năm của Nhà trường, Hội đồng KHĐT Khoa cần thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CĐR để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và nâng cao chất lượng đào tạo; (3) Mở rộng hình thức công bố công khai CĐR CTĐT như thông qua các trang mạng xã hội như facebook, instagram, zalo, youtube... bên cạnh các kênh truyền thông như website, tờ rơi quảng bá, cắm nang sinh viên, truyền hình.			
2.	Phát huy điểm mạnh	Phát huy và duy trì tốt những điểm mạnh đã có	Khoa/Viện		Hàng năm

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Kế toán được xây dựng phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, được mô tả rõ ràng và được công khai trên website của Nhà trường. Việc rà soát, chỉnh sửa và cập nhật được thực hiện thường xuyên và kịp thời. CDR của CTĐT được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển năng lực người học, được mô tả cụ thể, rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CDR đã chú trọng đến các yêu cầu của các bên liên quan và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa và cập nhật, đáp ứng yêu cầu xã hội. Tuy nhiên, việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đặc biệt là nhà sử dụng lao động còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 1:

- Số điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0/7,0
- Số tiêu chí đạt: 3/3
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 2

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về CTĐT ngành TCNH cho người học và các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT ngành TCNH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường Đại học Vinh ban hành, theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của Nhà nước, có đầy đủ các thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát bổ sung để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa trong từng thời kỳ.

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH được công bố công khai, dễ tiếp cận, cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình, cấu trúc khóa học, CDR cần đạt được của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, thể hiện chi tiết các thông tin về PP tiếp cận trong dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần một cách logic,... tạo điều kiện cho người học, người dạy và các nhà quản lý dễ dàng triển khai thực hiện, từ đó thuận lợi đề xuất các biện pháp cải tiến CTĐT.

Tiêu chí 2.1: *Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật*

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT được xây dựng dựa trên các yêu cầu của các văn bản pháp lý [H2.02.01.01], [H2.02.01.02]:

- Thông tư số 08/2011/TT - BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội được thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại

học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo QĐ của Thủ tướng CP, số: 1982/QĐ - TTg ban hành ngày 18/10/2016.

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH được Khoa Kinh tế thiết kế và biên soạn dựa trên các văn bản hướng dẫn được Trường Đại học Vinh ban hành, được Hiệu trưởng phê duyệt sau khi Hội đồng KHĐT Khoa/Viện thông qua. Bản mô tả CTĐT ngành TCNH năm 2016 bao gồm các nội dung chính [H2.02.01.03]:

1) Thông tin chung: giới thiệu các thông tin chung về CTĐT: tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là trường Đại học Vinh; tên gọi của văn bằng: Bằng tốt nghiệp cử nhân Kinh tế, ngành Tài chính - Ngân hàng; tên CTĐT là Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học, loại hình đào tạo chính quy tập trung.

2) Mục tiêu của CTĐT: bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể.

3) Các quy định chung của CTĐT: thời gian đào tạo 4 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa 125 tín chỉ, đối tượng tuyển sinh và các yêu cầu tiêu chí tuyển sinh áp dụng theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT.

4) Thang đánh giá kết quả học tập: quy định theo thang điểm chữ.

5) Nội dung và cấu trúc của chương trình học được mô tả thành khối kiến thức đại cương và khối kiến thức thể hiện cấu trúc của CTĐT, tạo thuận lợi cho việc quản lý và phát triển CTĐT.

6) Chương trình dạy học được mô tả dưới chương trình khung và kế hoạch dạy học dự kiến và mô tả vắn tắt môn học.

7) Các thông tin và điều kiện thực hiện CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai, dễ tiếp cận với nhiều hình thức khác nhau [H2.02.01.04] và sẽ được cập nhật những vấn đề mới nhất định kỳ hàng năm.

Năm 2016, Nhà trường xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO. Website của Trường có trang thông tin và hướng dẫn về xây dựng CTĐT tiếp cận CDIO. Theo đó, năm 2017, bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo tiếp cận CDIO, trên cơ sở nhận sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan [H2.02.01.05]. Năm 2019, bản mô tả đã được rà soát và cập nhật theo văn bản hướng dẫn mới bao gồm các nội dung chính:

1) Thông tin chung

2) Mục tiêu CTĐT

3) CDR của CTĐT

4) Nội dung CTĐT: mô tả 4.1) Số tín chỉ tổng cộng và phân theo từng khối kiến thức; 4.2) kế hoạch giảng dạy dự kiến; 4.3) Mô tả tóm tắt các học phần.

5) Ma trận CDR (ma trận kỹ năng)

6) Cách thức đánh giá kết quả học tập

7) Điều kiện thực hiện CTĐT

8) Hướng dẫn thực hiện CTĐT

Những thông tin trong các nội dung trên bao hàm đầy đủ các thông tin như phiên bản trước, điểm mới của bản mô tả này là ma trận CDR và nâng cao tỷ trọng đánh giá quá trình. Từ năm 2016 đến nay, CTĐT đã được rà soát, cập nhật 3 lần [H2.02.01.06], trung bình ít nhất 2 năm/lần, qua đó đã cập nhật các yêu cầu về nội dung và hình thức [H2.02.01.07]. Qua các lần rà soát, các nội dung CDR được đối sánh với CDR của một số CTĐT trong và ngoài nước, qua đó cập nhật các năng lực cần thiết vào CDR của CTĐT [H2.02.01.08].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng dạy, hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản mô tả CTĐT ngành TCNH cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước nhưng chưa nhiều và thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao	Bộ môn Tài chính - Ngân hàng, Bộ phận ĐBCL	Định kỳ hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		động tích cực hơn. - Đối sánh CDR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết.			
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Bản mô tả CTĐT ngành TCNH	Bộ môn Tài chính - Ngân hàng, Khoa Kinh tế, Ban PTCT, Phòng Đào tạo	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 2.2. *Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật*

1. Mô tả

Kể từ năm 2017, Nhà trường giao nhiệm vụ xây dựng đề cương môn học cho giảng viên và bộ môn quản lý thông qua các đề tài khoa học cấp trường trọng điểm [H2.02.02.01]. Khoa/Bộ môn TCNH phân công cán bộ biên soạn đề cương môn học theo yêu cầu, hướng dẫn của Nhà trường. 100% đề cương môn học trong CTĐT ngành TCNH có đầy đủ các thông tin gồm: (1) Thông tin tổng quát như thông tin về giảng viên, về môn học; (2) Mô tả môn học; (3) Mục tiêu môn học; (4) Chuẩn đầu ra môn học; (5) Đánh giá môn học; (6) Nội dung và kế hoạch dạy - học; (7) Nguồn học liệu; (8) Quy định môn học; và (9) Phụ trách môn học [H2.02.02.02]. Nội dung đề cương môn học là một chuỗi thông tin gắn kết và bổ sung lẫn nhau trong việc triển khai: Mục

tiêu, chuẩn đầu ra môn học - hoạt động dạy học - kiểm tra, đánh giá. Khi xây dựng đề cương môn học, Bộ môn cũng đã rà soát phân nhiệm kiến thức - kỹ năng phù hợp với đặc thù từng môn học nhằm giúp sinh viên đạt CĐR của CTĐT [H2.02.02.03]. Hoạt động dạy - học được căn cứ trên thiết kế nội dung và kế hoạch giảng dạy, phần chuẩn bị của sinh viên trước khi lên lớp. Đánh giá môn học theo hướng dẫn và quy định của Nhà trường gồm đánh giá quá trình (thái độ, chuyên cần, hồ sơ môn học, đánh giá giữa kỳ), đánh giá cuối kỳ (tự luận, trắc nghiệm, thực hành, kết hợp tự luận và thực hành, đồ án môn học) [H2.02.02.04]. Hiện nay, Nhà trường đã hoàn thành 1 chu kỳ đổi mới đào tạo tiếp cận CDIO, một số đề cương môn học, đặc biệt là các môn học xây dựng đề cương năm 2017, chưa phản ánh được đầy đủ phương pháp đánh giá nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT, vấn đề này đã được khắc phục trong việc triển khai xây dựng đề cương học phần năm 2021 áp dụng kể từ khóa 61.

Hàng năm, Khoa/Bộ môn thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật đề cương môn học theo kế hoạch của Nhà trường [H2.02.02.05]. 100% đề cương môn học trong CTĐT ngành TCNH đều được Khoa/Bộ môn/Giảng viên rà soát và cập nhật dựa trên góp ý của các bên liên quan. Hàng năm, căn cứ vào kết luận của Hiệu trưởng về việc xây dựng và phát triển CTĐT, các bộ môn rà soát, điều chỉnh CTĐT, đề cương môn học nhằm cải tiến chất lượng [H2.02.02.06]. Có thể thấy rõ sự điều chỉnh, cập nhật đề cương các môn học ngành TCNH qua bảng sau đây:

Bảng 2.2: So sánh đề cương môn học của khóa 57, 58 và 61 ngành TCNH

Đặc điểm	Khóa 57 (2016 - 2020)	Khóa 58 (2017 - 2021)	Khóa 61 (2021 - 2024)
1. Cấu trúc	15 mục	9 mục	9 mục
2. Mục tiêu học phần	Tuyên bố chung về kiến thức, kỹ năng và thái độ	Gắn với khả năng đáp ứng CĐR CTĐT, thang đo năng lực	Gắn với kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được; thể hiện được sự học tập chủ động của sinh viên
3. CĐR học phần	Không có	Phát biểu CĐR, tương quan mức độ dạy học ITU, thang	Thể hiện sự đóng góp của môn học để đạt được CĐR CTĐT;

Đặc điểm	Khóa 57 (2016 - 2020)	Khóa 58 (2017 - 2021)	Khóa 61 (2021 - 2024)
		đo năng lực	
4. Đánh giá học phần	Chuyên cần (10%), giữa kỳ (20%-GV tự tổ chức), cuối kỳ (70%)	Chuyên cần (10%), giữa kỳ (20%-test online), hồ sơ học phần (20%), cuối kỳ (50%)	Đánh giá thường xuyên (30%), đánh giá giữa kỳ (20%) và cuối kỳ (50%); Bộ tiêu chí đánh giá (Rubric) cho từng bài đánh giá.
5. Kế hoạch giảng dạy	Nội dung buổi học, số tiết lý thuyết/ thực hành	Nội dung buổi học, hoạt động dạy học, bài đánh giá, đáp ứng CDR	Nội dung buổi học, phương pháp dạy học, bài đánh giá, đáp ứng CDR
6. Hướng dẫn tự học	Không	Nhiệm vụ của sinh viên; chuẩn bị của sinh viên; nội dung tự học	Nhiệm vụ của sinh viên; chuẩn bị của sinh viên; nội dung tự học

Nguồn: Bộ môn TCNH

Khi triển khai thực hiện đề cương môn học, dưới sự khuyến cáo của các chuyên gia, Khoa/Bộ môn cũng đã có sự điều chỉnh đề cương môn học để có sự phù hợp với thực tiễn. Ví dụ: học phần Nhập môn ngành dùng cho khóa 58, gồm 3 tín chỉ lý thuyết, đánh giá cuối kỳ bằng hình thức tự luận; kể từ khóa 59, gồm 3 tín chỉ (2 lý thuyết, 1 thực hành), với tín chỉ thực hành hướng dẫn đồ án nhập môn, giúp người học bước đầu tiếp cận với công việc chuyên ngành, như tổ chức hội chợ, ngày hội nhập môn [H2.02.02.07]. Kể từ năm 2021, đề cương các học phần triển khai theo hình thức tổ chức dạy học đồ án được thiết kế tối thiểu 4 tín chỉ và được hướng dẫn xây dựng nhằm tăng cường khả năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên [H2.02.02.08].

2. Điểm mạnh

100% đề cương môn học trong CTĐT ngành TCNH đầy đủ thông tin và được

định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh và cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Đề cương của một số môn học chưa phản ánh được đầy đủ phương pháp đánh giá nhằm đáp ứng CDR của CTĐT

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Từ năm 2020 - 2021: Khoa Kinh tế chỉ đạo điều chỉnh, cập nhật đề cương môn học đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ của bản đề cương nhằm cải tiến chất lượng.	Khoa Kinh tế	Tháng 12/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đưa vào kế hoạch hàng năm: Ban phát triển CTĐT đề xuất việc rà soát và cập nhật đề cương môn học nhằm nâng cao chất lượng; - Đưa vào kế hoạch hàng năm: Khoa Kinh tế chỉ đạo việc cập nhật đề cương môn học cần tăng cường tham chiếu ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	- Ban phát triển CTĐT; - HĐ KHĐT ngành; - Khoa Kinh tế. - Bộ môn phụ trách môn học	Tháng 9/2022	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 2.3: *Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận*

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT đã phê duyệt được công bố công khai và giới thiệu bằng nhiều hình thức khác nhau, như công bố trên website Nhà trường và Khoa/Viện [H2.02.03.01], công bố trên trang đăng ký học của SV, giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong sổ tay SV [H2.02.03.02]. Hàng năm, khi tiếp đón tân SV, Khoa tổ chức gặp mặt và giới thiệu về các CTĐT cũng như truyền thống lịch sử phát triển của Khoa, qua đó CTĐT được truyền thông một cách hiệu quả [H2.02.03.03]. Một số thông tin về CTĐT được cung cấp cho các bên liên quan qua tài liệu quảng bá về Khoa [H2.02.03.04], qua bài viết giới thiệu ngành đào tạo trên website [H2.02.03.05]. Tất cả đề cương chi tiết của các học phần đều được cung cấp kèm theo bản mô tả CTĐT [H2.02.03.06] [H2.02.03.07], công bố công khai cho SV, được giảng viên giới thiệu chi tiết trước khi học mỗi học phần.

Nhà trường đã sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS, Learning Management System, e-learning), qua đó thông tin về đề cương học phần, học phần và giao tiếp dạy học của giảng viên và SV được kết nối và lưu trữ phục vụ quản lý và đánh giá kết quả dạy học một cách thuận lợi [H2.02.03.08]. Hệ thống LMS và E-learning bước đầu đã hỗ trợ việc học và dạy của GV và SV cũng như hỗ trợ quản lý đào tạo hết sức hiệu quả.

Theo quy định của Nhà trường, đề cương chi tiết của học phần phải được giảng viên cung cấp và giới thiệu cụ thể cho SV vào buổi đầu tiên của học phần, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CĐR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần của mình cần đạt được [H2.02.03.09].

CTĐT ngành TCNH theo tiếp cận CDIO có học phần *Nhập môn ngành Kinh tế* với thời lượng 02 tín chỉ để giúp SV năm thứ nhất tiếp cận với nghề nghiệp tương lai, trong đó có các nội dung giới thiệu về CTĐT TCNH, cấu trúc, logic và yêu cầu của CTĐT [H2.02.03.10].

Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy học CTĐT

một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng đào tạo, Trung tâm TH-TN, Trung tâm ĐBCL, trưởng các Khoa/Viện, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa/Viện đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình lưu trữ và truyền tải các dữ liệu cần thiết liên quan đến CTĐT trên trang website của nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập. Trong thời gian qua trường đã có nhiều biện pháp cải tiến để các dữ liệu liên quan đến CTĐT ngày càng dễ tiếp cận hơn nữa.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà quản lý, doanh nghiệp vẫn chưa thực sự được họ chú ý và quan tâm để góp ý cho chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Góp ý về CTĐT của các bên liên quan	Tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả chương trình đào tạo từ phía doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các đơn vị sử dụng lao động cụ thể mời chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo và kết quả đầu ra của sinh viên.	Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp	Tháng 6 hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Tiếp tục chia sẻ về bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần trên nhiều kênh công khai khác nhau	Hoàn thiện hệ thống thông tin tương tác giữa học sinh, giáo viên, nhà trường, đơn vị sử dụng lao động như hệ thống CMC, LMS, và các kênh truyền thông xã hội khác. Hoàn thiện phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin phục vụ tốt quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của sinh viên, giảng viên và các nhà quản lý	Trung tâm công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào	Cải tiến hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận tiêu chuẩn 2

Bản mô tả chương trình đào tạo và bản mô tả học phần đầy đủ thông tin và cập nhật được chuẩn hóa trong toàn bộ chương trình. Đề cương các học phần được thể hiện trong Bản đề cương môn học/học phần với đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nhà trường cần thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT và đối sánh để làm căn cứ cho sửa đổi bổ sung bản mô tả chương trình đào tạo. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin, phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin và mời các chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo, kết quả đầu ra của sinh viên.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 2:

- Số điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4.7/7,0
- Số tiêu chí đạt: 3/3
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 3

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Chương trình dạy học ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại (theo hướng tiếp cận CDIO), dựa trên yêu cầu của chuẩn đầu ra với việc tích hợp kiến thức, kỹ năng, năng lực và thái độ, phù hợp với nhu cầu xã hội. Các học phần có sự đóng góp rõ ràng cho chuẩn đầu ra, các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của người học theo trình tự: đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, từ lý thuyết đến thực hành.

Tiêu chí 3.1: *Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra*

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành TCNH được khoa Kinh tế xây dựng dựa chương trình khung của Bộ GD&ĐT ban hành và các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H3.03.01.01]; [H3.03.01.02]. Tính đến thời điểm CTĐT được thẩm định, khoa đã nhiều lần xây dựng và điều chỉnh CTĐT ngành TCNH nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT. Từ năm 2016, trường ĐHV đã triển khai xây dựng CĐR và CTDH theo hướng tiếp cận CDIO và đưa vào áp dụng đào tạo tất cả các khối ngành trong đó có ngành TCNH từ K58 [H3.03.01.02].

Để có cơ sở thực tiễn xây dựng CTDH, Khoa đã tiến hành tham vấn và lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT nhằm phù hợp với các vấn đề phát sinh trong thực tế, những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế [H3.03.01.05], đồng thời tham khảo và đối sánh với các CTDH ngành TCNH của các trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Đại học Thương Mại, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh... và một số trường đại học nước ngoài [H3.03.01.06].

Chương trình dạy học đại học hệ chính quy ngành TCNH theo tiếp cận CDIO, ban hành theo quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng trường

Đại học Vinh đã được xây dựng dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp cũng như mức độ đòi hỏi về kiến thức ngành đối với ngành TCNH. Cụ thể, thiết kế CTDH ngành TCNH được thực hiện theo quy trình: dựa trên mục tiêu đào tạo ngành học, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, từ đó thiết kế ma trận ITU (Introduce, Teach, Utilise), ma trận năng lực và xây dựng chuẩn đầu ra, đề cương chi tiết học phần [H3.03.01.02]; [H3.03.01.03]. CTDH được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo chi tiết với các thông tin về đơn vị đào tạo; thông tin về học phần; thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, CDR học phần, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo [H3.03.01.03].

Trong chương trình có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể, với ngành TCNH trình độ đại học, thời gian đào tạo là 4 năm, 8 học kì. Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể [H3.03.01.03]. Bên cạnh đó, thực hiện CDR, chương trình đào tạo được thiết kế gồm các khối kiến thức: *khối kiến thức đại cương*, *khối kiến thức cơ sở ngành* và *khối kiến thức chuyên ngành*. Trong đó, khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành chiếm 75%, kiến thức chuyên ngành chiếm 25% khối lượng chương trình. Khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành làm tiền đề cho khối kiến thức chuyên ngành TCNH. Các môn học trong chương trình đào tạo ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo... cần thiết cho sinh viên ngành TCNH khi ra trường được thể hiện thông qua ma trận kỹ năng [H3.03.01.03].

Về phương pháp dạy học các học phần trong CTDH không tập trung vào một phương pháp dạy học duy nhất mà phối kết hợp nhiều phương pháp và hình thức dạy học khác nhau, trong đó ưu tiên sử dụng các phương pháp có tính chất hoạt động nhóm, seminar, thực hành và thảo luận. Kiểm tra/đánh giá cũng đã cải tiến đáng kể qua việc tăng trọng số đánh giá quá trình học tập của sinh viên với nhiều hình thức kiểm tra linh động (trắc nghiệm, thuyết trình, báo cáo, thực hành,...). Tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong CTDH phù hợp với CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc

đạt CDR [H3.03.01.04].

Định kỳ hàng năm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Kinh tế tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy học phần trong đề cương chi tiết góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR [H3.03.01.07]. Nhà trường đã tiến hành triển khai thực hiện các đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường các năm 2017, 2018 và 2019 nhằm mục đích đổi mới về nội dung, PP dạy học và đánh giá các khối kiến thức theo tiếp cận năng lực. Các đề tài này nhằm giúp hoàn thiện CTDH nói chung và CTĐT ngành TCNH nói riêng [H3.03.01.08].

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Vinh triển khai xây dựng và phát triển CTĐT một cách khoa học theo tiếp cận CDIO, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ GD&ĐT, đưa ra các văn bản hướng dẫn cụ thể và thay đổi CTDH theo hướng tiếp cận CDIO để đáp ứng CDR của từng ngành học, đặc biệt là ngành TCNH. Khoa Kinh tế và ngành TCNH đã cập nhật kịp thời và có những thay đổi chương trình học phù hợp với CDR đã công bố.

3. Điểm tồn tại

Một số thay đổi trong CTDH đang dựa vào tính chủ quan của người biên soạn đề cương và người dạy mà chưa thực sự chú trọng đến phản hồi của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại	Chủ động rà soát CTDH trên cơ sở góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học...).	Bộ môn/CBGD	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật kịp thời và có những thay đổi CTDH phù hợp với CDR đã công bố	Khoa/Phòng đào tạo	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 3.2. *Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng*

1. Mô tả

Tất cả học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp vào việc đào tạo nhằm đạt chuẩn CDR của người học. Nội dung các môn học đều hướng tới những đóng góp trong việc đạt được CDR của CTĐT, với khối lượng 125 tín chỉ các học phần được phân nhiệm vào các chủ đề của CDR: Kiến thức và lập luận ngành (Nhập môn ngành kinh tế, Lịch sử các học thuyết kinh tế, Tiếng Anh, Tin học ứng dụng, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô...); Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp (Nhập môn ngành kinh tế, Lịch sử các học thuyết kinh tế, Toán cho các nhà kinh tế, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Phân tích hoạt động kinh doanh...); Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (Nhập môn ngành kinh tế, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Văn hóa kinh doanh, Nguyên lý kế toán, Marketing căn bản, Quản trị học, Quản trị tài chính...); Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và hoàn thiện chương trình các học phần Tài chính - Ngân hàng chuyên sâu (Tài chính doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp hiện đại, Tín dụng ngân hàng, Định giá Tài sản, Kế toán Ngân hàng...). Mỗi học phần được xây dựng căn cứ vào mục tiêu của CTĐT về cả kiến thức, kỹ năng, năng lực và thái độ với người học sau khi hoàn thành chương trình. Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và được xây dựng chi tiết đảm bảo các phân nhiệm ITU trong CTĐT công bố thông qua bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/học phần [H3.03.02.01], [H3.03.02.02].

Sự đóng góp của mỗi học phần trong việc giúp người học đạt được CDR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu, khung năng lực, ma trận môn học - CDR

và ma trận ITU [H3.03.02.01], [H3.03.02.02].

Đồng thời, CĐR của các học phần trong CTĐT đã được thiết kế với các mục tiêu rõ ràng, các phương pháp giảng và học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR [H3.03.02.03].

Để đánh giá người học đạt được CĐR của mỗi học phần, bên cạnh điểm thi kết thúc học phần, kết quả học tập còn chú trọng đến đánh giá quá trình (bao gồm điểm chuyên cần, thảo luận đóng góp trong học tập, thí nghiệm, thực hành, dự án học tập, kiểm tra thường kỳ...) đáp ứng CĐR môn học. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân thủ theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học [H3.03.02.04].

Khối kiến thức đại cương tập trung giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về vấn đề lý luận chính trị, kinh tế, tập trung các kỹ năng cơ bản như kỹ năng làm việc nhóm, làm slide, kỹ năng thuyết trình như môn Lịch sử các học thuyết kinh tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng, nguồn gốc và sự phát triển của kinh tế chung. Khối kiến thức cơ sở ngành giúp sinh viên nhận biết, quy luật và phân tích được sự biến động kinh tế hiện nay và trang bị cho sinh viên các kỹ năng chuyên sâu như kỹ năng phân tích, tổng hợp, ứng xử, giải quyết tình huống... Ví dụ, môn quản lý nhà nước về kinh tế cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong quản lý nhà nước về kinh tế như sự cần thiết khách quan và mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế; các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm soát của nhà nước; nguyên tắc và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế. Môn văn hóa kinh doanh cung cấp các kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh, cách thức xây dựng và phát triển văn hóa của các tổ chức trong hoạt động kinh tế; trang bị và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng ứng dụng công cụ văn hóa kinh doanh trong quản lý điều hành, đạo đức nghề nghiệp kinh doanh, xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn để đánh giá văn hóa cá nhân người lãnh đạo, tạo được bản sắc riêng về các giá trị văn hóa của doanh nghiệp; nắm được hệ thống các quy tắc ứng xử, giao tiếp trong doanh nghiệp và cuộc sống. Đến khối kiến thức chuyên ngành tập trung trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp như môn Tài chính doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực tài chính doanh

ng nghiệp như đòn bẩy, thẩm định dự án đầu tư, chi phí sử dụng vốn, kế hoạch hóa tài chính, tình trạng sát nhập, hợp nhất, phá sản doanh nghiệp. Sinh viên có kỹ năng vận dụng, đánh giá và giải quyết các vấn đề tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn nền kinh tế... Các môn học trong CTĐT ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho SV ngành Tài chính - Ngân hàng khi ra trường được thể hiện thông qua mục tiêu, khung năng lực và CĐR của CTĐT [H3.03.02.03]. CTĐT được thiết kế thành các khối kiến thức, thiết kế kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kì, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kì [H3.03.02.03]. [H3.03.02.04].

Trường ĐH Vinh đã xây dựng và công bố CĐR cho ngành Tài chính - Ngân hàng, CĐR này được xây dựng dựa trên chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, trên cơ sở khảo sát các bên liên quan và các CTĐT được thông báo trên các tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, tuyển sinh đầy đủ [H3.03.02.08].

Đề cương chi tiết các học phần đều dựa trên ma trận môn học - CĐR và phân nhiệm ma trận ITU trong CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng. Định kỳ căn cứ trên sự phản hồi của người học, các bên liên quan [H3.03.02.06], [H3.03.02.07] hội đồng khoa học và đào tạo Khoa/Viện đánh giá và điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học do các Bộ môn đề xuất [H3.03.02.09], [H3.03.02.10].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận môn học - CĐR và phân nhiệm ma trận ITU. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Do CTDH mới được xây dựng theo tiếp cận năng lực (CDIO) từ Năm học 2016-2017 nên vẫn còn có sự chông chéo về kiến thức giữa một vài môn học để đáp ứng CĐR. Có môn học phục vụ quá nhiều CĐR và cũng còn một số CĐR có ít môn học đảm nhiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại phân nhiệm cho các môn học, đảm bảo không bị chồng chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng 01 CDR. Đồng thời, khi xây dựng đề cương cũng như bài giảng chương trình các môn học cần căn cứ vào CDR chung của ngành để tránh trường hợp trùng lặp hoặc bỏ sót các yêu cầu của CDR ngành Tài chính - Ngân hàng. Định kỳ rà soát, điều chỉnh để các học phần đạt được CDR của CTĐT	Viện/Phòng Đào tạo	Năm 2020	
1.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT để điều chỉnh nội dung cho phù hợp CDR	Viện/Phòng Đào tạo	Hằng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Trên cơ sở Luật Giáo dục đại học, Quy chế đào tạo trình độ đại học, Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 30/8/2016, trường Đại học Vinh ban hành Quyết định số 1002/QĐ-ĐHV về Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, trong đó có ngành Tài chính - ngân hàng. Các quyết định ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Chương trình dạy học đại học hệ chính quy được xây dựng dựa trên ma trận kỹ năng, nội dung, chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ được xác định căn cứ theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/04/2017 trường Đại học Vinh đã ban hành [H3.03.03.01]. Theo cách thức tiếp cận này, chương trình đào tạo ngành Tài chính - ngân hàng có 125 tín chỉ, trong đó có 09 tín chỉ tự chọn, tỉ lệ khối kiến thức chung và cơ sở ngành chiếm 75%, kiến thức chuyên ngành chiếm 25% khối lượng chương trình. Để có thể xây dựng được chuẩn đầu ra CTĐT tiếp cận CDIO, Bộ môn Tài chính - ngân hàng đã họp, thảo luận lấy ý kiến và tiếp thu các ý kiến xây dựng, góp ý từ Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa và dựa trên những hướng dẫn của nhà trường [H3.03.03.02]. Bộ môn Tài chính - ngân hàng cùng khoa Kinh tế liên tục quảng bá chương trình dạy học, giới thiệu về chương trình dạy học cho các đối tượng quan tâm trên các phương tiện thông tin đại chúng [H3.03.03.03]. Trên cơ sở Quyết định công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo, các quy định về chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, kỹ năng mềm,... chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng được xây dựng. Trong đó trình tự các môn học được sắp xếp logic, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ 4: đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, từ lý thuyết đến thực hành. Sinh viên có thời gian hợp lý trong việc học tập trên giảng đường và thực hiện các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp,... Chương trình đào tạo cũng chỉ rõ loại học phần bắt buộc hay tự chọn, tiên quyết hay ràng buộc và thời gian kế hoạch học tập cụ thể [H3.03.03.04].

CTĐT ngành Tài chính - ngân hàng được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm

với 8 học kì, khối lượng là 125 tín chỉ, trung bình 15,6 tín chỉ/1 học kỳ. Tuy nhiên, với quy định sinh viên được lựa chọn xây dựng thời khóa biểu cá nhân tối thiểu 15 tín chỉ/1 học kỳ và tối đa 30 tín chỉ/1 học kỳ đã phát huy tính linh hoạt của chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ giúp sinh viên chủ động trong xây dựng chương trình học của mình và có thể hoàn thành chương trình đào tạo chỉ trong 6 học kỳ. Ngoài ra, chương trình có tính liên thông giữa các ngành, các khóa để người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập; tạo điều kiện cho sinh viên học cùng lúc 2 chương trình đào tạo; mỗi học kì sinh viên có thể đăng kí học từ 14 đến 30 tín chỉ tùy vào năng lực và thời gian của mình. Thông qua các cuộc họp Bộ môn, họp Hội đồng khoa học và trên cơ sở tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan như sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các đơn vị liên kết,... để thay đổi các thứ tự học phần trong chương trình đào tạo; các học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp, các điều kiện tiêu quyết, điều chỉnh CTĐT... [H3.03.03.05], [H3.03.03.06], [H3.03.03.07], [H3.03.03.08].

Chương trình dạy học ngành Tài chính - ngân hàng của khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh được xây dựng theo hướng phân bổ hợp lý tỉ lệ thời lượng giữa lý thuyết và thực hành. Từ năm 2017 CTDH của ngành Tài chính - ngân hàng theo hướng tiếp cận CDIO đã được xây dựng trên cơ sở tăng cường kĩ năng nghề nghiệp như tăng thời lượng thực hành, tổ chức các chương trình tham quan, nghiên cứu để sinh viên tiếp cận thực tế tại các doanh nghiệp. Đồng thời nội dung chương trình dạy học được cập nhật liên tục. Khoa và Bộ môn Tài chính - ngân hàng tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình dạy học thường xuyên ít nhất 2 năm một lần [H3.03.03.05].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH ngành Tài chính - ngân hàng được cấu trúc đảm bảo logic các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, phù hợp với quy định của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành và Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

Chương trình dạy học đại học ngành Tài chính - ngân hàng theo hướng tiếp cận CDIO được xây dựng bắt đầu từ năm 2017 đã dần được cập nhật để hoàn thiện, thống nhất hơn theo hướng tăng các học phần thực hành, tăng kỹ năng nghề nghiệp, sinh viên được tiếp cận thực tế nghề nghiệp nhiều hơn. Các học phần trong Chương trình

dạy học nội dung cập nhật và có tính tích hợp được bố trí hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần.

3. Điểm tồn tại

Chưa có Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT và đối sánh làm căn cứ cho việc sửa đổi bổ sung CTĐT theo hướng tiếp cận sát với nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong nước và nước ngoài và việc chỉnh sửa bổ sung các học phần trong chương trình đào tạo cần có sự tham gia sâu hơn nữa của các bên liên quan. Trung tâm Kiểm định, Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT và đối sánh làm căn cứ cho việc sửa đổi bổ sung CTĐT theo hướng tiếp cận sát với nhu cầu xã hội. Tăng cường số môn học và tín chỉ mang tính thực hành, kỹ năng, cũng như số tín chỉ/môn học trong các học phần tự chọn.	Trường/Trung tâm kiểm định/ Trung tâm ĐBCL/ Phòng ĐT/Khoa KT	Năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật, định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung những thay đổi CTDH phù hợp với CĐR đã công bố	Khoa Kinh tế	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế theo hướng tiên tiến, có tham khảo đối sánh với các chương trình đào tạo của các trường đại học trong nước và quốc tế, bám sát chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học của ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong chương trình đào tạo nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp; Chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho sinh viên; Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học; Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Bên cạnh đó, Chương trình được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, tương thích về nội dung giữa các học phần, giảm tải các nội dung hàn lâm, tích hợp về kiến thức và năng lực người học và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã công bố.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 3:

- Số điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0/7,0
- Số tiêu chí đạt: 3/3
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 4

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY HỌC

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Cũng như các chương trình khác, Chương trình đại học ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Kể từ năm học 2017-2018, nhà trường áp dụng việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, ngành Tài chính - Ngân hàng đã nhấn mạnh đến phương pháp tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó, chú trọng hơn đến phương pháp dạy học phát triển năng lực sinh viên, nhấn mạnh các chuẩn đầu ra theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kỹ năng và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và giáo dục.

Tiêu chí 4.1. *Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan*

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được ghi rõ trong Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Vinh, đó là: *Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Vinh hiện nay là nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia và là thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á.* Những mục tiêu này được trình bày lại trong Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 với mục tiêu tổng quát là: *Tạo dựng môi trường học thật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công và mục tiêu cụ thể trong từng lĩnh vực hoạt động của Nhà trường.* Và được cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, trong Nghị quyết của Hội đồng trường, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ trường các nhiệm kỳ [H4.04.01.01].

Trường Đại học Vinh có văn bản tuyên bố chính thức về Triết lý giáo dục. Triết lý giáo dục của trường được thể hiện trong Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 12 năm 2019 về Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục. Với Triết lý giáo dục là “**Hợp tác - sáng tạo**” với nội dung cụ thể: “*Trường Đại học Vinh xác định **Hợp tác** (Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. Hợp tác là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan. Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác. Trường Đại học Vinh coi **Sáng tạo** (Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm*”. Trong đó **Sứ mạng** được Nhà trường xác định: “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”. **Tầm nhìn** của trường Đại học Vinh: “Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN” với mục tiêu tổng quát là “Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công”. **Giá trị cốt lõi** là: “Trung thực, Trách nhiệm, Say mê, Sáng tạo và Hợp tác”. [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên, người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc vận dụng vào trong

việc thiết kế chương trình dạy học. Triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo của từng Khoa, Viện và được thể hiện trong Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ và Quyết định ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Vinh trong đó Mục tiêu chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng là: Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực Tài chính - ngân hàng. Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - ngân hàng có kiến thức nền tảng về kinh tế và chuyên sâu về lĩnh vực tài chính ngân hàng; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động tài chính, ngân hàng trong môi trường hội nhập [H4.04.01.03]. Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Tài chính - ngân hàng và mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục của trường Đại học Vinh. Trong đó, chuẩn đầu ra của ngành Tài chính ngân hàng đặt ra là người học cần đạt được các yêu cầu: (1) Người học có kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp, vận dụng thành thạo các kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng để phân tích đánh giá giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành; (2) Phương pháp học tập của sinh viên ngành Tài chính - ngân hàng nhấn mạnh vào khả năng hiểu chứ không phải học thuộc, giúp người học nhớ lâu hơn và từ đó người học có thể ứng dụng vào thực tiễn công việc; (3) Người học có thể sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp; (4) Người học có kỹ năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, có khả năng giao tiếp tốt, tự tin, năng động trong công việc, chủ động giải quyết vấn đề một cách mạch lạc và rõ ràng. Những mục tiêu giáo dục hay chương trình học, chuẩn đầu ra được công khai, phổ biến trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường [H4.04.01.03].

Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Văn bản tuyên bố chính thức về Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường được đăng tải trên Trang thông tin điện tử <http://vinhuni.edu.vn/gioi-thieu/seo/truong-dai-hoc-vinh-tu-gioi-thieu-95550> của trường.

Triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục của nhà trường được giới thiệu/phổ biến tới

các bên liên quan gồm sinh viên đang học, sinh viên đã tốt nghiệp, học viên, phụ huynh, các đơn vị liên kết,... thông qua việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính,... có đáp ứng các yêu cầu nhằm đạt được mục tiêu đề ra không. Từ kết quả đó để giảng viên, khoa và nhà trường có những điều chỉnh cho phù hợp. Để thực hiện điều này, Trường Đại học Vinh đã ban hành các Quyết định Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện kế hoạch lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh [H4.04.01.04]; Triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học (các hệ chính quy, vừa làm vừa học, giáo dục từ xa, học viên cao học) với sinh viên đang học tập tại trường và cả sinh viên đã tốt nghiệp về hoạt động giảng dạy, các hoạt động của Nhà trường, các đơn vị hành chính. Ngoài sự đóng góp ý kiến của người học về chương trình đào tạo và giảng viên, Nhà trường cũng đã khảo sát ý kiến các đơn vị liên kết về công tác đào tạo hệ vừa làm vừa học và đào tạo từ xa; Triển khai thực hiện lấy ý kiến người học và đo lường sự hài lòng của người dân với dịch vụ giáo dục công. Bên cạnh những khảo sát của trường, Khoa Kinh tế cũng thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng,... về đề cương chi tiết môn học thuộc ngành Tài chính - ngân hàng, chương trình đào tạo ngành Tài chính - ngân hàng để đánh giá mục tiêu đào tạo ngành Tài chính - ngân hàng [H4.04.01.05]. Từ các kết quả thu thập được, Trường và khoa đã đưa ra báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, ý kiến người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính, ý kiến về chương trình đào tạo, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết ngành Tài chính - ngân hàng. Việc xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Tài chính - ngân hàng được tiến hành xây dựng trên cơ sở kết quả của việc xử lý thông tin, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu giáo dục của nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.01.06].

Để đánh giá kết quả đào tạo, kết quả thực hiện các mục tiêu giáo dục đề ra và nhằm thu nhận thông tin khách quan của các nhà tuyển dụng cũng như thế giới việc làm về “sản phẩm” đào tạo của Trường Đại học Vinh, giúp Nhà trường có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội, trường Đại học Vinh đã thành lập Ban liên lạc cựu HSSV và khảo sát việc làm của

sinh viên, đưa ra kế hoạch khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp, triển khai lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp các năm [H4.04.01.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 12 năm 2019 Về việc ban hành sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục Trường Đại học Vinh. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và người học nắm rõ trên hệ thống website của nhà trường. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên và người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận CDIO từ khóa đào tạo thứ 58 của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa đôi khi chưa hiệu quả tới các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và khoa Kinh tế tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn thông qua website của trường, của khoa, qua mạng xã hội, trực tiếp,... đặc biệt vào các thời điểm như dịp hè, thời điểm tuyển sinh, kết thúc các kỳ học, năm học để các bên liên quan đều có thể biết đến Trường Đại học Vinh, khoa Kinh tế và ngành Tài	- Khoa Kinh tế - Phòng Đào tạo trường Đại học Vinh - Ban truyền thông trường Đại học Vinh	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		chính - Ngân hàng, biết rõ Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu về trường, khoa và ngành Tài chính - Ngân hàng một cách dễ dàng.			
2	Phát huy điểm mạnh	Ban truyền thông Khoa Kinh tế có các chương trình, hoạt động đặc biệt ở các thời điểm vào kỳ hè, chuẩn bị năm học mới và kết thúc năm học tại các địa phương nhiều hơn nữa để truyền bá được mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa và mục tiêu của ngành Tài chính - Ngân hàng. Khoa Kinh tế là một trong những đơn vị có số lượng học viên và sinh viên nhiều nhất trường, vì vậy khoa có thể sử dụng đội ngũ cựu sinh viên, cựu học viên tại các địa phương để phổ biến, giới thiệu tới các bên liên quan hiểu rõ Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của trường, của khoa và ngành Tài chính - Ngân hàng	Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Các chương trình dạy học được thiết kế để tương thích và đạt được các chuẩn đầu ra. Khi thay đổi chương trình đào tạo, Trường Đại học Vinh sẽ ban hành những quy định về chương trình đào tạo và những chuẩn đầu ra tương ứng. Ngày 30/08/2016, Trường ban hành Quyết định số 1002/QĐ-ĐHV về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Ngày 27/4/2017 ban hành Quyết định số 747/QĐ-ĐHV về chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ; Ngày 04/09/2019, ban hành Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H4.04.02.01]. Các chương trình dạy học được nhà trường có kế hoạch đánh giá và chỉnh sửa, bổ sung để phù hợp đạt CĐR: Bản mô tả chương trình đào tạo; Bổ sung học liệu phục vụ CTĐT tiếp cận CDIO; tổ chức hội nghị về xây dựng và phát triển CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO; Quyết định số 06/QĐ-ĐHV về kế hoạch phát triển, thành lập kiểm tra mục tiêu, CĐR các CTĐT tiếp cận CDIO; Kế hoạch ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh CTĐT hệ chính quy tiếp cận CDIO; Thông báo về kết luận của hiệu trưởng tại hội nghị về xây dựng và phát triển CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO [H4.04.02.02]. Ngoài ra, Khoa Kinh tế và bộ môn TCNH có các buổi họp và seminar để rà soát, chỉnh sửa và bổ sung CTĐT để phù hợp đạt CĐR thông qua các biên bản họp, seminar [H4.04.02.03].

Trường Đại học Vinh và Khoa Kinh tế đã có những cuộc hội thảo liên quan đến việc thảo luận trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy, tổ hợp giảng dạy đa dạng, hiệu quả trong hoạt động dạy học để đạt CĐR. Năm 2018, trường Đại học Vinh

đã đưa ra thông tư về các cuộc hội thảo, tập huấn về xây dựng và phát triển khung CTĐT theo tiếp cận CDIO; Số 43/TT-ĐHV ngày 06/12/2019 về cuộc hội nghị, hội thảo tập huấn giảng dạy và kiểm tra đánh giá; Nhà trường tổ chức các chương trình thi tìm hiểu CTĐT, giảng viên trẻ dạy giỏi qua các thông tư, Công văn như số 32/CV-CD ngày 25/5/2018; Số 36/TB-ĐHV ngày 09/03/2020... Năm 2018, khoa Kinh tế đã có chương trình hội nghị trao đổi kinh nghiệm đổi mới phương pháp giảng dạy tiếp cận CDIO khối ngành Kinh tế để đánh giá những kết quả đạt được, đề xuất những giải pháp và nhấn mạnh nhiệm vụ, tiếp tục triển khai chương trình đào tạo tiếp cận CDIO đạt hiệu quả cao [H4.04.02.04]. Khoa Kinh tế, bộ môn TCNH có xây dựng và chỉnh sửa bổ sung các phương pháp giảng dạy hiệu quả trong hoạt động dạy học để đạt CĐR thông qua biên bản dự giờ, họp và seminar [H4.04.02.05]. Bên cạnh đó, trường Đại học Vinh còn triển khai kế hoạch xây dựng tổ hợp công nghệ dạy học hiệu quả trong hoạt động dạy học để đạt CĐR: Thông báo về việc cập nhật thông tin cá nhân của sinh viên lên phần mềm ; Công văn, kế hoạch của nhà trường về việc tổ chức giảng dạy học tập trực tuyến của nhà trường trong đợt dịch Covid 19; Và một số trang dạy học trực tuyến như LMS, elearning... [H4.04.02.06]. Ngoài ra, Nhà trường còn lấy ý kiến của người học về việc hài lòng về hoạt động dạy học sử dụng trong CTĐT: Thông báo về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi người học về hoạt động giảng dạy; Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Vinh; Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy [H4.04.02.07]

Đối với các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt CĐR, nhà trường có tổ chức các chương trình hỗ trợ người học sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động lĩnh hội kiến thức nhằm đạt CĐR: Nhà trường tổ chức các chương trình tư vấn tuyển dụng, chia sẻ kinh nghiệm cho sinh viên như số 427/ĐHV-HTSVQHDN ngày 26/04/2019 và số 204/ĐHV-HTSV&QHDN ngày 11/3/2019. Trường Đại học Vinh tổ chức giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học, Tổ chức các nghiên cứu học tập lĩnh hội kiến thức qua tổ chức tháng rèn nghề cho sinh viên hàng năm như Công văn Số 220/QĐ-ĐHV ngày 06/02/2020 và Số 11/KH-ĐHV ngày 28/01/2021... [H4.04.02.08]. Khoa Kinh tế, bộ môn TCNH và giảng viên hướng dẫn

người học sử dụng phương pháp nghiên cứu và học tập hiệu quả, lĩnh hội kiến thức: quy định, hướng dẫn thực tập cuối khóa của bộ môn TCNH; Khoa kinh tế và bộ môn mở các câu lạc bộ phát triển kỹ năng như CLB Tài chính, CLB tiếng Anh...; Khoa Kinh tế và bộ môn TCNH tổ chức các chương trình cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng và đạt CĐR như tham quan thực tế tại doanh nghiệp, game show team building cùng nhà tài chính Đại học Vinh, cuộc thi Nhà tài chính so tài... [H4.04.02.09]. Trường Đại học Vinh, Khoa Kinh tế, Bộ môn TCNH áp dụng tổ hợp công nghệ để việc học tập của sinh viên đạt hiệu quả, đạt CĐR; một số trang học trực tuyến LMS, elearning, usvinhmart... [H4.04.02.10].

Phương pháp giảng dạy, hình thức, tài liệu, tác phong... của người giảng viên đều được SV đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi từ SV của Trường Đại học Vinh thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Hàng năm, trường đưa ra các kế hoạch và thông báo việc triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về sự hài lòng đối với cán bộ và các hoạt động nhà trường, cử sinh viên về chương trình đào tạo, tổng hợp và báo cáo kết quả. Đa số SV có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của giảng viên và cho rằng dạy học theo tiếp cận CDIO đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để đạt được CĐR [H4.04.02.11].

2. Điểm mạnh

Khoa Kinh tế đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của sinh viên cũng như việc thực tập, thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp bên ngoài. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của bộ môn Tài Chính Ngân Hàng thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tính tích cực, sáng tạo của người học, phát triển năng lực học sinh, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên tham gia vào quá trình học còn có thói quen học tập theo tiếp cận nội

dung thay vì tiếp cận năng lực, đây là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học.

Việc cho sinh viên có môi trường tiếp xúc với thực tế các doanh nghiệp thời gian còn ngắn và chủ yếu là giai đoạn cuối của khóa học; áp dụng kiến thức đã học vào thực tế là đang hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Cần tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp dạy học tiếp cận CDIO cho giảng viên và sinh viên; - Hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu ngay từ năm đầu đại học; - Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV; - Tăng cường tổ chức hàng năm các chương trình thực tế tham quan các doanh nghiệp, nhà máy để sinh viên có tầm nhìn sát thực về công việc tương lai.	Trường/Khoa Kinh tế/ Bộ môn TCNH	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Quan tâm nhiều hơn nữa đến việc học tập, thực tập của sinh viên; - Chú ý trau dồi các phương pháp giảng dạy.	Khoa/ Bộ môn TCNH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 4.3: *Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học*

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH SV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận, báo cáo thực tập ngành Tài chính - ngân hàng đều hướng tới mục tiêu hình thành ở người học các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Các bài tập nhóm, bài thảo luận giúp SV hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ứng xử; những bài tập thực tế giúp SV hiểu, phân tích được tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo trong dạy học. Trường đã ban hành Thông báo số 4656/TB-ĐHV ngày 07/12/2015 về kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng mềm; Kế hoạch thực hiện tháng rèn nghề và hội thi “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp” năm học 2017-2018; Kế hoạch tổ chức tháng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hội thi nghiệp vụ sư phạm và nâng cao năng lực giảng dạy, kiểm tra đánh giá tiếp cận CDIO năm học 2019-2020 [H4.04.03.01].

Các hoạt động dạy và học của SV ngành Tài chính - Ngân nhằm giúp SV hình thành các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp cá nhân [H4.04.03.02]: (1) Áp dụng được các kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong ngành Tài chính - Ngân và trong hoạt động xã hội (cách phát hiện và hình thành vấn đề, tổng quát hóa vấn đề, tổ chức thực hiện, đánh giá và cải tiến vấn đề) vào hoạt động nghề nghiệp tài chính- ngân hàng; (2) Áp dụng được các kỹ năng nghiên cứu, khám phá tri thức ngành Tài chính - ngân hàng (Hình thành giả thuyết, tìm kiếm và tổng hợp tài liệu, thực nghiệm khảo sát thực tế, kiểm định về giả thuyết, ứng dụng thực tiễn) vào hoạt động nghề nghiệp; (3) Áp dụng được kỹ năng tư duy theo hệ thống (tư duy tổng quát vấn đề trong hệ thống, phát hiện mối tương quan giữa các vấn đề, xác định các vấn đề ưu tiên, lựa chọn xác

định các điểm cân bằng của hệ thống) vào các hoạt động nghề nghiệp; (4) Có các kỹ năng và phẩm chất cá nhân: sẵn sàng đi đầu và đương đầu với rủi ro, kiên trì và linh hoạt, có tư duy sáng tạo, có tư duy phân biện, hiểu biết và phân tích được kiến thức kỹ năng của cá nhân, khả năng quản lý nguồn lực, thích ứng với sự phức tạp của thực tế và có kỹ năng học, tự học; (5) Có kỹ năng nghề nghiệp: đạo đức nghề nghiệp, cách hành xử chuyên nghiệp, khả năng lập kế hoạch nghề nghiệp và công bằng và trách nhiệm xã hội. Bên cạnh kỹ năng và phẩm chất cá nhân, các hoạt động dạy và học còn giúp SV có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả: (i) Áp dụng được kỹ năng làm việc nhóm (kỹ năng tổ chức nhóm, hoạt động nhóm, phát triển nhóm và lãnh đạo nhóm) vào các hoạt động nghề nghiệp; (ii) Áp dụng được kỹ năng xây dựng chiến lược giao tiếp, cấu trúc giao tiếp; thực hành giao tiếp bằng văn bản; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán, vận động, thỏa hiệp và giải quyết xung đột vào các hoạt động nghề nghiệp; (iii) Sử dụng được tiếng Anh trong đọc tài liệu và giao tiếp nghề nghiệp. Hoạt động dạy và học coi trọng việc hình thành và phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng: (1) Nhận biết được bối cảnh xã hội của nghề nghiệp; đánh giá được ảnh hưởng của xã hội lên nghề Tài chính - Ngân hàng và ngược lại; nhận biết được các vấn đề và giá trị thời sự, bối cảnh hội nhập quốc tế của nghề nghiệp; (2) Nhận biết được bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh, mục tiêu, chiến lược và kế hoạch của doanh nghiệp, có khả năng phát triển cơ hội kinh doanh thích ứng trong các môi trường làm việc khác nhau (3) Có kỹ năng hình thành ý tưởng hoạt động Tài chính - ngân hàng, thiết kế các mục tiêu và yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp: xác định chức năng, khái niệm của hoạt động tài chính - ngân hàng, mô hình hóa ý tưởng và quản lý hoạt động tài chính - ngân hàng; (4) Có kỹ năng xây dựng được các hoạt động tài chính - ngân hàng: xây dựng quy trình thiết kế hoạt động tài chính - ngân hàng, các cách tiếp cận của phương án, áp dụng kiến thức trong thiết kế hoạt động tài chính - ngân hàng, thiết kế các phương án chuyên ngành, đa ngành, đa mục tiêu; (5) Thực hiện được các hoạt động tài chính - ngân hàng: Lựa chọn nguồn lực thực hiện, tổ chức thực hiện các hoạt động tài chính - ngân hàng, quản lý quy trình thực hiện hoạt động tài chính - ngân hàng; (6) Có kỹ năng đánh giá và cải tiến hoạt động tài chính - ngân hàng: Thiết kế các tiêu chuẩn đánh giá, đánh giá kết quả thực hiện, điều chỉnh/cải tiến hoạt động tài chính - ngân hàng.

Các CTĐT đều có các quy định ban hành quy trình hướng dẫn riêng, CTĐT được thay đổi liên tục theo hướng tích cực, ngày càng được cải tiến trình độ và kỹ năng của SV thích hợp với nhu cầu xã hội. Ngày 29/9/2014 trường ban hành Quyết định số 3242/QĐ-ĐHV về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; ngày 27/04/2017 ban hành Quyết định số 747/QĐ-ĐHV về CTĐT đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ [H4.04.03.03]. Đề cương chi tiết các học phần/môn học đã trình bày cụ thể việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho người học. Mỗi đề cương chi tiết (ĐCCT) đều có mô tả rõ phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, các hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá tương ứng với các nội dung và CDR. Những nội dung đánh giá kỹ năng và phẩm chất được mô tả bằng các rubrics tương ứng. [H4.04.03.04].

Trường đã tổ chức các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ các chức danh thực hành nghiệp vụ về Kinh tế, Tài chính, Ngân hàng. Qua các khóa đào tạo này SV đã nâng cao được năng lực nghề nghiệp cho bản thân, chuẩn bị thực tập ở các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước... [H4.04.03.05]. Đồng thời Trường đã ban hành quyết định về việc Quy định chuẩn đầu ra kỹ năng mềm cho sinh viên hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh [H4.04.03.06]. Sinh viên ngành Tài chính - ngân hàng khi ra trường có các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc tài chính - ngân hàng, giúp SV tự học, tự rèn luyện các kỹ năng khác kể cả sau khi tốt nghiệp.

Khoa Kinh tế đã tổ chức các chương trình trong các năm học nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học của SV: Nhà tài chính so tài, chương trình kết nối doanh nghiệp và Nhà trường trong đào tạo sinh viên ngành Tài chính - ngân hàng tiếp cận CDIO, ngành tài chính - ngân hàng tổ chức chương trình đi thực tế doanh nghiệp cho sinh viên khóa 57, 58. Khoa Kinh tế cũng đã có Kế hoạch số 02/KH/LCĐKKT ngày 31/8/2017 để tổ chức cuộc thi “Sinh viên Kinh tế khởi nghiệp” với sự tham gia của SV ngành Tài chính - ngân hàng, và quyết định thành lập Câu lạc bộ Tài chính để SV ngành tài chính - ngân hàng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp [H4.04.03.07].

Với sự hỗ trợ của cổng thông tin học tập trực tuyến [H4.04.03.08] với các bài giảng, bài tập, các buổi kết nối giảng viên trực tuyến với sinh viên tài chính - ngân

hàng, các chia sẻ của cựu SV, SV khóa trước cho khóa sau giúp SV có những kênh học tập, những chia sẻ kinh nghiệm học tập, tăng khả năng hiểu biết và tự học của SV ngoài sách vở.

Ngoài ra, để tăng cường hơn nữa quá trình thực hiện các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, trường Đại học Vinh đã có Quyết định 2468/QĐ-ĐHV ngày 17/09/2019 về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ (ngành tài chính - ngân hàng) tại trường Đại học Vinh. Đồng thời, trường đã có các thông báo lấy ý kiến phản hồi của người học, thu được các kết quả khảo sát người học ngành Tài chính - ngân hàng trong đó bao gồm cả các hoạt động dạy học rèn luyện kỹ năng, thúc đẩy khả năng tự học của người học từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020 để điều chỉnh phương pháp, nội dung giảng dạy, kiểm tra, đánh giá. Năm học 2016, từ Khóa 58, Khoa Kinh tế đã có Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo ngành tài chính - ngân hàng tiếp cận CDIO của các đối tượng như: người đã tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động, giảng viên, nhà khoa học, nhằm xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, nội dung, phương pháp giảng dạy hướng đến khả năng học và tự học suốt đời của người học. Về hiệu quả, chất lượng công việc, khả năng tự nghiên cứu sáng tạo của người đã tốt nghiệp và đi làm, trường Đại học Vinh đã có Kế hoạch khảo sát việc làm đối với sinh viên đã tốt nghiệp từ năm 2016 đến năm 2018 [H4.04.03.09].

Tuy nhiên, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học vẫn còn một số tồn tại nhất định, từ phía sinh viên, giảng viên lẫn nhà trường.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa Kinh tế đưa ra đã tạo động lực cho SV tài chính - ngân hàng rèn luyện các kỹ năng, giúp SV có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho SV tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình. Giảng viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao

khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

SV chưa có thói quen hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo tiếp cận CDIO do chương trình CDIO chú trọng nhiều kỹ năng nghề nghiệp thay vì chỉ cung cấp kiến thức hàn lâm. Sự đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học tiếp cận CDIO, nhằm rèn luyện kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời chủ yếu từ phía giảng viên, ít có sự tham gia trực tiếp của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, trao đổi với sự tham gia trực tiếp của SV về những bất cập và cải cách, đổi mới các PPDH theo tiếp cận CDIO; - Mở hòm thư tự động hay kênh góp ý trực tiếp để lắng nghe những vướng mắc của SV và giải đáp một cách kịp thời.	Khoa	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Thiết kế thêm các hoạt động trải nghiệm gắn với đề cương học phần, tạo động lực cho SV hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo CDIO, nâng cao khả năng học tập suốt đời.	Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, khoa Kinh tế, ngành Tài chính - Ngân hàng đã thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết sinh viên và rèn các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin của sinh viên.

Bên cạnh đó, Khoa Kinh tế và ngành Tài chính - Ngân hàng cần tạo các môi trường, chương trình giúp sinh viên có thể tìm hiểu phương pháp học tập ngay từ năm nhất, có cái nhìn thực tế về ngành mình học và nghề nghiệp tương lai; tổ chức chương trình đi thực tế tiếp xúc các doanh nghiệp hàng năm giúp sinh viên có thể tìm hiểu và có cái nhìn thực tế về công việc sau này; tổ chức những hội nghị, hội thảo về cải tiến chương trình đào tạo và phương pháp dạy học cho sinh viên và giảng viên theo tiếp cận CDIO.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 4:

- Số điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0/7,0
- Số tiêu chí đạt: 3/3
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 5

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Do đó, việc đánh giá kết quả học tập SV ngành Tài chính - Ngân hàng được Nhà trường và Khoa Kinh tế chú trọng bắt đầu từ khâu tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp. Việc đánh giá được thiết kế một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CDR của chương trình đào tạo. Nhà trường có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả của SV và được thông báo công khai trước mỗi khóa học và trước khi học mỗi học phần. Trong quá trình đánh giá sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến SV nhằm giúp SV có cơ hội cải thiện kết quả và giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu nại về kết quả học tập của SV. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của ngành Tài chính - Ngân hàng - Trường Đại học Vinh nhận được sự phản hồi tốt của các bên liên quan (giảng viên, SV, cựu SV...).

Tiêu chí 5.1. *Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR*

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học, Trường đại học Vinh đã ban hành Đề án tuyển sinh nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào của các ngành, trong đó chú trọng đầu vào của ngành Tài chính - Ngân hàng [H5.05.01.01]. Từ năm 2017, Trường đã công bố CDR các ngành đào tạo, trong đó chỉ rõ các yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H5.05.01.02], công bố bản mô tả CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng trong đó mô tả trình độ kiến thức, kỹ năng, thái độ đạt được của SV ngành Tài chính - Ngân hàng sau khi tốt nghiệp [H5.05.01.03]. Thực hiện quá trình đổi mới nhằm nâng cao chất lượng, từ năm 2016 Nhà trường đã tiến hành xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, đã ban hành CDR và khung CTĐT từ khóa 58 ngành Tài chính - Ngân hàng theo tiếp cận CDIO [H5.05.01.04]. CDR các học phần của ngành Tài chính - Ngân

hàng được xây dựng trên cơ sở CDR của CTĐT. Chuẩn đầu ra là cơ sở để đánh giá kết quả học tập của SV, trên cơ sở đó ngành Tài chính - Ngân hàng đã xây dựng ma trận trình độ năng lực - CDR [H5.05.01.05]. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế theo quy trình chặt chẽ, phù hợp với mức độ đạt được CDR của ngành học, các nội dung học tập, các học phần. Trên cơ sở quy chế của Bộ GD và ĐT về đào tạo ĐH, Trường đã ban hành các quy định đào tạo đại học chính quy các ngành trong đó làm rõ nhiệm vụ, mục tiêu và quy trình kiểm tra đánh giá như quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả theo hệ thống tín chỉ cũng như theo tiếp cận CDIO; quy định về đánh giá quá trình trong đào tạo tiếp cận CDIO [H5.05.01.06].

Hiện nay, kết quả học tập của người học được thể hiện qua nhiều hình thức khác nhau như điểm bài tập cá nhân, điểm bài tập nhóm, điểm thuyết trình, điểm tiểu luận... Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, quy định về việc ra đề thi [H5.05.01.07]. Từ đó, việc đánh giá kết quả học tập các học phần ở Trường Đại học Vinh được thực hiện cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: điểm chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập, điểm thi giữa học phần, điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 20%; điểm thi kết thúc học phần là 70%. Từ khóa 58 thực hiện việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc quy định trọng số của các học phần ngành Tài chính - Ngân hàng có sự thay đổi nhằm tăng cường đánh giá năng lực của người học [H5.05.01.08]. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập (hồ sơ học tập có thể kết hợp cả sản phẩm lí thuyết và thực hành thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm,...). Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm, đánh giá cuối kỳ bằng hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc đồ án. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm thành phần và có qui định về trọng số điểm. Ngành Tài chính - Ngân hàng thực hiện việc xây dựng đề cương chi tiết, trong đó chỉ rõ các nội dung đánh giá học phần, hình thức, trọng số... [H5.05.01.09]. Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng đề thi

nhằm đảm bảo tính khoa học, thống nhất và phù hợp CĐR [H5.01.01.10]. Căn cứ vào đó, ngân hàng câu hỏi thi và đề thi của Ngành Tài chính - Ngân hàng được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với CĐR học phần, trên cơ sở thiết kế Bản đặc tả, ma trận câu hỏi thi, thiết kế hệ thống câu hỏi bám sát CĐR của học phần, cho phép đánh giá được mức độ đạt CĐR của các nội dung và học phần. Đề thi kết thúc học phần của ngành Tài chính - Ngân hàng đều được trưởng bộ môn và lãnh đạo khoa phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi theo 5 mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích - tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần; sự phù hợp về nội dung, kĩ năng, phương pháp và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi. Nội dung KTĐG học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi [H5.05.01.11]. Ngành Tài chính - Ngân hàng đã thực hiện việc xây dựng tiêu chí đánh giá cho các học phần, bám sát CĐR của học phần đảm bảo độ tin cậy trong việc đánh giá về kĩ năng, thái độ. Tuy nhiên ngành Tài chính - Ngân hàng mới triển khai việc xây dựng tiêu chí đánh giá này ở hầu hết các các học phần. Ngành Tài chính - Ngân hàng còn có nội dung thực hành nên đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá riêng học phần thực hành này [H5.05.01.12].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của ngành Tài chính - Ngân hàng đảm bảo tính phù hợp với CĐR của học phần cũng như CĐR của CTĐT. Những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong thực tiễn công việc được giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và đồng thời có những điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn công việc của người học sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá hiệu quả việc triển khai quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực chưa được triển khai ở tất cả các học phần do hiện tại đang trong quá trình triển khai chỉ mới thực hiện ở một số học phần của khóa tuyển sinh 2018 đến nay.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian TH hoặc HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đánh giá hiệu quả việc triển khai quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực với tất cả các học phần của CTĐT.	Phòng ĐT/TTĐBCL / Khoa/Bộ môn, Giảng viên	Hoàn thành 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn chỉnh thực hiện các quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (theo CDIO), tăng cường các hình thức đánh giá quá trình, sử dụng kết hợp các hình thức đánh giá, thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức, quy trình đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp với CĐR của CTĐT.	Phòng ĐT/TTĐBCL / Khoa/Bộ môn, Giảng Viên	Thực hiện thường xuyên	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của ngành Tài chính - Ngân hàng - Khoa Kinh tế được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học của

Trường Đại học Vinh và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường [H5.05.02.01].

Về thời gian: Các hình thức KTĐG (vấn đáp cá nhân, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm...) có thể thực hiện xuyên suốt thời gian môn học. Theo đó, kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 7 của học kỳ, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau khi kết thúc môn học, sau tuần thứ 16 (bao gồm 15 tuần học và 1 tuần dự trữ).

Về trọng số điểm: Giai đoạn 2014-2016, trọng số điểm là: chuyên cần (10%), giữa kì (20%), cuối kỳ (70%); thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường.

Từ khóa 58 (năm học 2018-2019), Nhà trường cải tiến các hình thức KTĐG kết quả học tập của người học tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của người học, theo đó đánh giá ý thức học tập (10%), hồ sơ học tập (20%), kiểm tra định kỳ (20%) và thi kết thúc môn học (50%) [H5.05.02.02]. Điểm ý thức học tập và kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV; SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ cổng thông tin điện tử của Trường bằng cách truy cập vào trang thông tin cá nhân SV [H5.05.02.03].

Về nội dung: Việc KTĐG và thi cử phải đảm bảo việc bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm tra, thi những năm vừa qua của ngành Tài chính - Ngân hàng đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Riêng hình thức ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao quát chương trình rất cao, các câu hỏi đều bám sát nội dung và tương ứng với trọng số môn học [H5.05.02.04].

Về hình thức: Đề thi kết thúc học phần được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu... [H5.05.02.05].

Về tiêu chí đánh giá: Tiêu chí về KTĐG học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần [H5.05.02.06]. Đánh giá kết quả làm bài tập lớn, thực tập chuyên

ngành của SV cuối khóa có bộ tiêu chuẩn cụ thể, đồng thời kết quả thi tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp được thông báo đến sinh viên theo đúng tiến độ và quy trình [H5.05.02.07]. Công tác KTĐG việc đảm bảo tính bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần và CTĐT được các bộ môn liên quan tiến hành hàng năm.

Sinh viên được cung cấp “Cẩm nang sinh viên” từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi - kiểm tra [H5.05.02.08]. Ngoài ra, sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng được phổ biến trực tiếp quy chế KTĐG, điều kiện tốt nghiệp từ trợ lý đào tạo và cố vấn học tập của Khoa. Các thông tin, quy định về KTĐG các môn học cũng được giảng viên thông báo đến sinh viên thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về KTĐG môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học.

Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá kết quả học tập được thực hiện dưới nhiều hình thức (Hội nghị dân chủ sinh viên cấp lớp và cấp khoa, kết quả phỏng vấn người học, phiếu lấy ý kiến đánh giá sinh viên cuối khóa). [H5.05.02.09]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác KTĐG kết quả học tập của Khoa Kinh tế cho thấy hình thức và phương pháp KTĐG học phần đã được giảng viên thông báo và giải thích rõ ràng trước khi học, đa số người học đánh giá số lượng bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời gian, thời lượng kiểm tra và các tiêu chí đánh giá của ngành Tài chính - Ngân hàng đều đáp ứng yêu cầu CĐR của CTĐT. Theo kết quả khảo sát, hầu hết sinh viên đều hiểu và nắm rõ các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học [H5.05.02.10].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá kết quả học tập tuy đa dạng nhưng chưa được thực hiện thường xuyên trong suốt học kỳ (mới chỉ tập trung khảo sát vào thời điểm đầu kỳ học và cuối kỳ học).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tiến hành bổ sung việc khảo sát lấy ý kiến người học vào thời điểm giữa kỳ học để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.	TTĐBCL /Khoa/Bộ môn/GV	Hoàn thành vào 2022	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực (CDIO), thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.	TTĐBCL /Khoa/Bộ môn/GV	Hàng năm	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Trên cơ sở Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD-ĐT, tháng 4 năm 2013, Trường Đại học Vinh đã Ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.03.01]. Trong chương 3 (Đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần) quy định chi tiết về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của SV, thang điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần, cách tổ hợp điểm học

phần (điểm học phần được tổ hợp từ các điểm đánh giá bộ phận với trọng số: điểm chuyên cần (10%), điểm giữa kỳ (20%), điểm thi kết thúc học phần (70%). Quy định các công thức tính điểm học phần đối với các học phần không có và có thực hành thí nghiệm và quy định về đánh giá kết quả học tập của SV đối với một số môn học đặc thù (GDQP, GDTC). Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng. Trường đã cụ thể hóa quy định bằng các văn bản hướng dẫn thực hiện các khâu của quá trình đánh giá nhằm đảm bảo độ chính xác, độ tin cậy [H5.05.03.02]. Từ kỳ 2 năm học 2015 - 2016, Trường Đại học Vinh đã thực hiện thí điểm việc đánh giá giữa kỳ một số học phần theo hình thức testonline, NH được làm bài thi trực tiếp trên máy tính dựa trên ngân hàng câu hỏi do Nhà trường xây dựng [H5.05.03.03].

Đối với CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường đưa ra quy chế đào tạo theo CDIO trong đó có quy định về cách thức đánh giá SV bám sát vào năng lực, đảm bảo chính xác đúng độ tin cậy. Từ đó, đã có những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng tăng cường đánh giá năng lực, tăng độ chính xác, độ tin cậy. Quy định về các các loại điểm đánh giá bộ phận trong đánh giá học phần có sự thay đổi, đưa thêm điểm đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) vào thành phần điểm đánh giá với trọng số 20% và giảm trọng số điểm thi cuối học phần từ 70% xuống 50% [H5.05.03.04]. Để thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của từng học phần có đạt CDR của môn học, Nhà trường ban hành quy định về việc xây dựng ngân hàng đề thi, trong đó có bản đặc tả ngân hàng đề thi đảm bảo độ bảo phủ chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực SV và ma trận đề thi, thi giữa kỳ đối với các học phần đại cương được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm khách quan [H5.05.03.05]. Bên cạnh việc cải tiến qui trình phương pháp kiểm tra đánh giá, Nhà trường còn nâng cao nghiệp vụ đánh giá kết quả học tập cho đội ngũ CB, GV như tổ chức các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác KTĐG [H5.05.03.06].

Căn cứ vào các quy định nhà Trường, ngành TCNH đã thực hiện xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo tiếp cận CDIO, về nội dung đánh giá được thiết kế

khoa học và chặt chẽ hơn trên cơ sở CDR của CTĐT, CDR học phần. Trong ĐCCT quy định rõ về các nội dung đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực [H5.05.03.07]. Đồng thời, khi thực hiện xây dựng Ngân hàng đề thi học phần Bộ môn luôn chú trọng việc xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm GV căn cứ vào chuyên môn giảng dạy. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành sẽ báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu [H5.05.03.08].

Từ khóa đào tạo K58 đề thi giữa kỳ và cuối kỳ của các học phần được xây dựng và thực hiện theo CTĐT tiếp cận CDIO mà Nhà trường đã ban hành theo Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017. Ngành TCNH đã thực hiện xây dựng Ngân hàng đề thi học phần trên cơ sở xây dựng Bản đặc tả, sau đó thiết kế hệ thống câu hỏi theo 5 mức độ đánh giá và xây dựng ma trận đề thi cho đề thi giữa kỳ, đề thi học phần và bắt đầu được áp dụng cho khóa đào tạo 58 (tuyển sinh năm 2017). Trong đánh giá quá trình, ngoài đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ học tập (trọng số 10%), giảng viên còn đánh giá kết quả tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hồ sơ học tập của SV (trọng số 20%). Việc đánh giá giữa kỳ được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm cho tất cả các học phần đại cương. Đặc biệt, Khoa đã triển khai xây dựng Bộ Tiêu chí đánh giá Thực hành cho một số học phần thực hành của CTĐT, các kết quả về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá được thông qua với sự tham gia của hầu hết các giảng viên, các BM đã tổ chức nhiều buổi seminar để thống nhất về tiêu chí đánh giá, đây là một trong những cơ sở để hoạt động đánh giá thực hành thí nghiệm theo tiếp cận năng lực đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng [H5.05.03.09]. Mỗi học phần giảng viên đều xây dựng các tiêu chí đánh giá học phần và thông báo công khai cho sinh viên khi bắt đầu giảng dạy [H5.05.03.10]. Từ năm học 2018 - 2019, Trường Đại học Vinh đã thực hiện đánh giá giữa kỳ các học phần theo hình thức testonline, khoa Kinh tế đã tổ chức đánh giá kết quả học tập theo kế hoạch của trường; các khâu xem thi, chấm thi được thực hiện nghiêm túc theo quy định của nhà trường [H5.05.03.11].

Người học sẽ nhận được kết quả điểm chuyên cần, giữa kỳ và cuối kỳ trên tài khoản cá nhân của mình. Nếu phát hiện sai lệch người học sẽ có quyền khiếu nại. Đồng thời, sau khi có kết quả thi kết thúc học phần, người học có quyền làm thủ tục kiểm tra điểm nếu không thỏa mãn thông qua bộ phận một cửa. Kết quả điều chỉnh,

sửa điểm học phần sau khi có đơn và hồ sơ đề nghị, Trung tâm ĐBCL chuyển kết quả bằng văn bản gửi về Khoa/Viện để thông báo cho SV biết [H5.05.03.12]. Hằng năm, Nhà trường luôn có kế hoạch thanh tra công tác coi thi, chấm thi để đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng [H5.05.03.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường, căn cứ vào kết quả thi cuối kỳ cũng như kết quả học tập của người học để tổ chức sơ kết để đánh giá về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT từ đó có kết luận nhằm rút kinh nghiệm trong kiểm tra đánh giá cho các năm tiếp theo. Đồng thời Khoa Kinh tế căn cứ vào kế hoạch Nhà trường thực hiện rà soát tình trạng NH đề thi để có sự điều chỉnh kịp thời [H5.05.03.14]. Việc đánh giá kết quả học tập ở trường Đại học Vinh nhận được sự phản hồi tốt của người học và của các bên liên quan, cụ thể qua các năm tỷ lệ phản hồi của người học với mức độ khá trở lên trên 90% và có sự thay đổi qua các năm, cụ thể năm 2016-2017 với mức độ tốt trở lên là từ 65% trở lên, tuy nhiên đến năm 2020-2021 chiếm 80% [H5.05.03.15].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp đánh giá, các quy trình đánh giá được thiết kế khoa học dựa trên CĐR, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

3. Điểm tồn tại

Chưa tổ chức khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học. Việc đánh giá độ giá trị, độ tin cậy còn chưa thực sự có tính chuyên nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần.	BM/TTĐB CL	Thực hiện hàng năm/học kỳ	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		Từng bước xây dựng các phương pháp đánh giá về độ giá trị, độ tin cậy một cách chuyên nghiệp.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (CDIO), đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả học tập và sử dụng phù hợp với đối tượng, tiến tới chuyên nghiệp hóa hoạt động kiểm tra, đánh giá trong đào tạo.	Trường/ TTĐBCL/ Viện/ Bộ môn/ Cán bộ GD	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 5.4. *Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập*

1. Mô tả

Việc đánh giá kết quả của người học được Nhà trường qui định cụ thể bằng văn bản theo đúng qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.04.01]. Theo quy định, đối với hệ đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, kết quả điểm học phần (điểm chuyên cần, điểm đánh giá giữa học phần, điểm thi kết thúc học phần...) phải được thông báo công khai cho sinh viên. Trong đó, đối với điểm chuyên

cần và điểm đánh giá giữa học phần, ngay sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên phải thông báo điểm cho sinh viên. Đối với điểm kết thúc học phần thì sau khi có kết quả điểm kết thúc học phần, TTĐBCL cùng với các khoa chỉ đạo nhập điểm vào hệ thống quản lý đào tạo và thông báo công khai cho sinh viên trên trang thông tin của sinh viên, kết quả thông báo chậm nhất 15 ngày sau ngày thi kết thúc học phần. Đối với sinh viên thuộc hệ đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi) thì điểm đánh giá học phần bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ phải được thông báo công khai cho sinh viên trên tài khoản cá nhân. Đối với điểm đánh giá quá trình, ngay sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên phải thông báo điểm cho tất cả sinh viên; điểm đánh giá cuối kỳ, sau khi điểm được nhập vào phần mềm, TTĐBCL tính điểm và chuyển điểm vào tài khoản cá nhân của sinh viên. Kết quả điểm thông báo cho sinh viên chậm nhất 20 ngày sau ngày thi cuối kỳ, thông qua hệ thống phần mềm quản lý (CMC) các hệ đào tạo người học tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Cùng với việc thông báo kết quả thi học phần đến sinh viên, nhà trường còn quy định về việc kiểm tra, điều chỉnh kết quả thi học phần. Theo đó, sinh viên được đề nghị kiểm tra lại điểm thi muộn nhất 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả điểm thi và kết quả điều chỉnh, sửa điểm học phần chuyển về khoa để công bố cho sinh viên muộn nhất là 30 ngày sau khi có đơn và hồ sơ đề nghị. Cuối mỗi năm học, theo quy định của nhà Trường, Khoa thực hiện gửi giấy thông báo kết quả học tập và rèn luyện về gia đình để gia đình nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên nhằm hỗ trợ sinh viên cải thiện kết quả [H5.05.04.02].

Trong quá trình đào tạo, Khoa đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về đánh giá và phản hồi kết quả cho người học. Hiện nay, sau khi kết thúc giảng dạy học phần, cán bộ đều hoàn thành các điểm bộ phận và nhập điểm vào phần mềm; các khâu coi thi, chấm thi thực hiện theo đúng kế hoạch, hoàn thành việc công bố kết quả đánh giá đúng thời gian quy định.

Bên cạnh đó, nhà trường có quy định về rà soát sinh viên thuộc diện cảnh báo, tồn đọng để thông báo kết quả, nhằm thông tin cho sinh viên biết để có phương án học tập thích hợp nhằm hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian cho phép, đồng thời nhà trường cũng có quy định tạo điều kiện cho sinh viên có thể học lại và học cải thiện điểm để cho SV đạt kết quả học tập tốt nhất. Đối với các sinh viên thuộc diện

cảnh báo, tồn đọng, Khoa đã phân công cán bộ giảng dạy phụ trách các lớp sinh viên để nắm tình hình học tập và hỗ trợ sinh viên. Khoa yêu cầu các cố vấn học tập hỗ trợ người học đăng ký học đúng tiến độ, rà soát điểm tổng kết của sinh viên, lập danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo và tồn đọng để gửi cho trợ lý đào tạo tổng hợp [H5.05.04.03]. Sau khi có kết quả rà soát Khoa kinh tế ra thông báo mời tất cả các sinh viên thuộc diện trên tham dự cuộc họp có đại diện Ban chủ nhiệm, Trưởng Bộ môn, Cố vấn học tập. Tại cuộc họp đó sinh viên được tư vấn và hướng dẫn lập kế hoạch học tập [H5.05.04.04]. Công tác rà soát này được Trợ lý đào tạo thực hiện cụ thể nghiêm túc đúng quy trình, Hội đồng Khoa tiến hành họp các phiên họp và đề xuất các phương án hỗ trợ sinh viên để cải thiện việc học tập thông qua cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm. Năm 2019, Khoa đã thành lập các lớp dành cho sinh viên chưa tốt nghiệp, phân công các cố vấn học tập của các ngành chủ nhiệm các lớp này. Ngành TCNH có 1 lớp được phân công cho cố vấn học tập chủ nhiệm để theo dõi và hỗ trợ sinh viên [H5.05.04.05]. Hầu hết các sinh viên đều hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập, về cơ chế các điều kiện hỗ trợ việc cải thiện kết quả học tập trong mỗi học phần và toàn khóa học [H5.05.04.06].

2. Điểm mạnh

- Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ, chính xác thông qua hệ thống phần mềm quản lý chuyên dụng và được sự hỗ trợ tích cực, kịp thời của các bộ phận chức năng và cán bộ, giảng viên.

- 100% sinh viên được thông báo kết quả học tập kịp thời và được tạo điều kiện để cải thiện kết quả học tập.

- Kết quả học tập của sinh viên hàng năm được thông báo đến từng gia đình để gia đình nắm bắt được tình hình học tập của con em mình.

- Sinh viên thuộc diện tồn đọng, cảnh báo luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ môn, Khoa và nhà trường để cải thiện kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

- Việc thông báo kết quả học tập của người học đến gia đình vào cuối mỗi năm học chưa thực sự phát huy được hiệu quả của việc cung cấp kết quả học tập.

- Phần mềm quản lý, thông báo điểm có lúc còn quá tải gây khó khăn cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần thực hiện thông báo kết quả học tập người học đến gia đình sau mỗi kỳ học.	Trường/Phòng CTHSSV/ Khoa	Năm 2020	
		Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lí học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của người học trong quá trình học.	Trường/ TTCNTT/	Năm 2020	Đang thực hiện
		Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng để đảm bảo thuận lợi cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập.	Trường/ TT CNTT	Năm 2020	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quản lí, lưu trữ, phản hồi kết quả thông qua hệ thống quản lí chuyên dụng của Trường. Tăng cường chức năng của các bộ phận hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong việc cải thiện kết quả học tập để hoàn thành chương trình đào tạo một cách tốt nhất.	Trường/ TTĐBCL/ Khoa	Thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường ĐH Vinh hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của người học [H5.05.05.01]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như *Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa* và trang thông tin điện tử của Trường và Trang thông tin cá nhân SV- Phần mềm CMC [H5.05.05.02], theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định.

Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến Bộ phận Một cửa của Phòng Hành chính tổng hợp trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Bộ phận Một cửa sẽ chuyển đơn của SV đến Trung tâm ĐBCL xử lý. Sau khi nhận được đơn, CB chuyên trách của Trung tâm ĐBCL cùng Trợ lý đào tạo của Khoa Giáo dục và Tổ trưởng tổ chấm hoặc CB chấm thi có liên quan rà soát lại toàn bộ các khâu liên quan đến quá trình chấm thi để phản hồi kịp thời tới SV qua phiếu trả lời kết quả. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Chủ nhiệm khoa hoặc Giám đốc Trung tâm ĐBCL đề nghị một CB thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng do Chủ nhiệm khoa (hoặc Trưởng bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của đánh giá học phần [H5.05.05.03].

Để thuận tiện cho người học trong việc tiếp cận CB liên quan trong quá trình khiếu nại, Trung tâm ĐBCL đã phân công một số chuyên viên phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan tại bộ phận một cửa của nhà trường. Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của SV ngành Tài chính - ngân hàng mỗi năm giao động từ 3 đến 10 sinh viên và được giải quyết kịp thời, thoả đáng [H5.05.05.04].

2. Điểm mạnh

Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ CB phụ trách cấp khoa đến Bộ phận Một cửa, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu

nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh chóng.

Kết quả khiếu nại của SV về kết quả học tập chưa được công bố công khai trên website của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thông báo kết quả khiếu nại của SV về kết quả học tập trên website của nhà trường	TTĐBCL	Năm 2021	
		Ban Chủ nhiệm khoa Kinh tế sẽ chỉ đạo đội ngũ Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập xây dựng và hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo nhanh, gọn và hiệu quả hơn.	Khoa Kinh Tế	Năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình liên quan đến việc thực hiện quản lý điểm và giải quyết các kết quả khiếu nại của SV	TTĐBCL	Thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Nhà trường đã ban hành các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Phương pháp và qui trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; không ngừng đổi mới qui trình, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho người học. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn. Khoa và Nhà trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học, giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 5:

- Số điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,4/7.
- Số tiêu chí đạt: 5/5.
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 6

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Trường Đại học Vinh có 733 GV trong đó có 4 giáo sư, 59 phó giáo sư, 259 tiến sĩ, 411 thạc sĩ. Khoa Kinh tế có 54 giảng viên gồm 2 PGS, 26 tiến sĩ, 26 thạc sĩ (trong đó có 15 NCS). Đội ngũ giảng viên của Nhà trường nói chung và Khoa Kinh tế nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, sử dụng, đề bạt cán bộ thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của giảng viên. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh đã có quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, được thể hiện trong nhiều cấp kế hoạch: chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo dài hạn, kế hoạch hằng năm. Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược về phát triển giai đoạn 2011-2020, và Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030, trong đó có kế hoạch hành động về xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự [H6.06.01.01]. Để thực hiện Chiến lược đó, Nhà trường đã ban hành các quy chế, quy định, đề án đề cụ thể và minh bạch công tác xây dựng đội ngũ, như là Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh; Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động; Đề án vị trí việc làm; Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC; Kế hoạch đào tạo giảng

viên theo giai đoạn; Kế hoạch tuyển dụng, sử dụng giảng viên theo giai đoạn; Nghị quyết về công tác tổ chức, cán bộ; được Nhà trường xây dựng và ban hành làm minh bạch công tác xây dựng đội ngũ. Trường cũng ban hành các quyết định về Quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý, cũng như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức lãnh đạo, quản lý; điều này giúp xây dựng và củng cố bộ máy quản lý, hướng tới đáp ứng yêu cầu của đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trên cơ sở các Chiến lược, Quy hoạch, Kế hoạch mang tính dài kỳ đó, hàng năm, nhà trường tiếp tục xây dựng các kế hoạch phát triển đội ngũ như tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng được cụ thể hóa tại bản tổng hợp phê duyệt Kế hoạch năm học hằng năm của các đơn vị [H6.06.01.02]. Tất cả những văn bản trên đã thể hiện việc Quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên luôn được Nhà trường đề cao, coi trọng.

Về phía Khoa Kinh tế, với quy mô đào tạo hàng năm gần 3300 sinh viên chính quy trong đó ngành TCNH có 200 sinh viên và đảm nhận nhiệm vụ đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học, Khoa Kinh tế căn cứ vào khối lượng công việc, cân đối với thực trạng đội ngũ hiện có, từ đó xác định nhu cầu của đơn vị, yêu cầu tiêu chuẩn đặc thù và xây dựng Chiến lược phát triển Khoa Kinh tế cũng như Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên hàng năm, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định. Chiến lược, quy hoạch đó bao gồm kế hoạch về xây dựng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý để đáp ứng nhu cầu đội ngũ cho từng giai đoạn và từng năm, thể hiện trong các bản Kế hoạch năm học của Khoa Kinh tế [H6.06.01.03].

Giai đoạn 2016-2021, đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Tính đến nay (tháng 07/2021), Tổng số CB, GV của Khoa Kinh tế là 58 người, gồm có 54 GV cơ hữu và 4 chuyên viên, trong đó có 02 PGS (chiếm 3,7%), 26 TS (chiếm 48,15%), 26 Th.s (chiếm 48,15%). Riêng đội ngũ GV được phụ trách phân công giảng dạy các học phần ngành TCNH là 14 người, trong đó có 9 TS (chiếm 64,3%), 5 Th.s (chiếm 35,7%). Số lượng, cơ cấu giảng viên đã có thể thực hiện đáp ứng được yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cơ cấu về giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn của GV, NCV được thể hiện (ở bảng 6.1.1).

Bảng 6.1.1: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu Khoa Kinh tế theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2020-2021 (tính đến tháng 07/2021)

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	3,7	0	2	0	0	1	1	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	26	48,15	2	24	0	17	9	0	0
5	Thạc sĩ	26	48,15	5	21	3	22	1	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	54	100	7	47	3	39	11	1	0

Đối với việc tuyển dụng, Nhà trường có quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch về tuyển dụng, bổ nhiệm GV, NCV [H6.06.01.04], thể hiện qua các văn bản như Quy định tuyển chọn viên chức và lao động hợp đồng vào công tác; Quy định tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng ngạch giảng viên; Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giảng viên Trường Đại học Vinh...

Để tuyển dụng, quy trình được thực hiện từ dưới lên, bắt đầu từ Bộ môn, đến Khoa và đến Nhà trường. Xuất phát từ thực tế đội ngũ giảng viên và nhu cầu công việc, Ban chủ nhiệm Khoa Kinh tế và Bộ môn TCNH đã thảo luận, phân tích về sự thiếu hụt giảng viên của CTĐT. Từ đó, xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong từng năm nhằm đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ đã nghỉ hoặc sắp nghỉ hưu. Khoa Kinh tế và ngành TCNH xác định số lượng GV cần tuyển dụng mới tương ứng với các vị trí thiếu hụt trong bản mô tả công việc, căn cứ vào nhu cầu công việc, chỉ tiêu biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm cần bổ sung và tình hình thực tế đội ngũ cán bộ của Khoa, Trưởng khoa đề xuất số lượng cần bổ sung, trình thành viên BGH phụ trách trực tiếp cho ý kiến gửi về phòng Tổ chức Cán bộ để tổng hợp nhu cầu tuyển dụng viên chức của toàn trường trình Hiệu trưởng. Hiệu trưởng thông qua chỉ tiêu cần tuyển dụng tại phiên họp giao

ban BGH đề thống nhất chỉ tiêu. Trên cơ sở kết luận của BGH, Hiệu trưởng báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy xét duyệt chỉ tiêu cần tuyển. Trên cơ sở chỉ tiêu đã được duyệt, Phòng Tổ chức Cán bộ lập kế hoạch tổ chức thi tuyển, thông báo tiêu chuẩn, điều kiện, chỉ tiêu, thời hạn tuyển dụng và địa điểm tiếp nhận hồ sơ trên website trường Đại học Vinh, trên phương tiện thông tin đại chúng và tại phòng Tổ chức Cán bộ, kết quả thi tuyển được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, phòng Tổ chức cán bộ thông báo bằng văn bản gửi tới người dự tuyển kèm theo thông báo về thời gian và địa điểm người trúng tuyển đến ký hợp đồng làm việc và hoàn thiện thủ tục tuyển dụng trong thời hạn quy định. Nhà trường triển khai các kế hoạch/quy hoạch để tuyển dụng đội ngũ GV, NCV [H6.06.01.05], các cuộc tuyển dụng đều có các thông báo tuyển, thông báo kết quả, được đăng tải trên các kênh thông tin của Nhà trường, đồng thời trường cũng có những tổng hợp, báo cáo công tác tuyển dụng, như là Báo cáo tình hình triển khai sắp xếp vị trí việc làm phù hợp với Đề án vị trí việc làm Trường Đại học Vinh.

Bảng 6.1.2: Thống kê số liệu đội ngũ GV, NCV được tuyển mới của Khoa Kinh tế và ngành TCNH trong 5 năm qua

Trình độ	Năm học 2015-2016		Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020	
	Khoa Kinh tế	Ngành TCNH	Khoa Kinh tế	Ngành TCNH	Khoa Kinh tế	Ngành TCNH	Khoa Kinh tế	Ngành TCNH	Khoa Kinh tế	Ngành TCNH
GS, TS										
PGS,TS										
TS										
Th.S	1		1		1	1			1	
ĐH										
Tổng số	1		1		1	1			1	

Bên cạnh việc tuyển dụng, Nhà trường cũng có các quy định hiện hành về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu và kéo dài thời gian làm việc đối với GV, NCV [H6.06.01.06], đảm bảo mọi quy trình đều rõ ràng, công khai, minh bạch.

Để phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, Nhà trường có thực hiện các chính sách ưu đãi để thu hút đội ngũ GV có năng lực, như là tuyển dụng sinh viên xuất sắc, hay cấp máy tính cho một số đối tượng... [H6.06.01.07].

Để nâng cao chất lượng đội ngũ GV, NCV, Nhà trường đã thực hiện việc bố trí,

thuyên chuyển đội ngũ GV, NCV đảm bảo tính hợp lý, phát huy năng lực và tính chủ động sáng tạo cho GV, NCV [H6.06.01.08]. Sự thay đổi về đội ngũ sẽ được Nhà trường và Khoa Kinh tế thống kê, phân tích đội ngũ GV, NCV hàng năm, từ đó có thể xác định nhu cầu một cách kịp thời, và có những giải pháp phù hợp [H6.06.01.09].

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Khoa Kinh tế, ngành TCNH được Nhà trường và Khoa, ngành thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của Khoa và ngành. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của giảng viên, nghiên cứu viên, [H6.06.01.10], Khoa đã có các kế hoạch cho các giảng viên, nghiên cứu viên đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị. Tính đến tháng 07/2021, số lượng cán bộ, giảng viên của Khoa Kinh tế được nhà trường đi học NCS trong và ngoài nước là 37 người, có 28 người đã hoàn thành học vị tiến sĩ, nâng tỷ lệ giảng viên cơ hữu của Khoa có trình độ tiến sĩ trở lên là 51,85%. [H6.06.01.11].

Về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, Trường Đại học Vinh có quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ chế độ kinh phí cho việc đào tạo, trong đó cấp học phí và kinh phí hỗ trợ, giảm giờ chuẩn cho cán bộ, giảng viên đi học; tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các cán bộ giảng viên hoàn thành việc bảo vệ luận án tiến sĩ [H6.06.01.12].

Để quản lý đội ngũ, Trường Đại học Vinh có cơ chế thưởng để khuyến khích GV, NCV [H6.06.01.13], cụ thể bằng Quy chế thi đua khen thưởng, và để thực hiện việc khen thưởng thì Khoa và Nhà trường thành lập các Hội đồng thi đua khen thưởng, có họp xét bình bầu, và quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thực hiện nghiêm túc việc rà soát kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ GV, NCV của Khoa, dựa trên Bản mô tả vị trí công việc của giảng viên, Bảng phân công khối lượng giảng dạy, và dựa vào thực tế đạt được, để đánh giá tổng kết [H6.06.01.14]. Để cải tiến về số lượng và chất lượng đội ngũ GV, NCV, Nhà trường thường xuyên ban hành các quy chế, quy định về công tác tổ chức, cán bộ nhằm bổ sung hoặc thay thế các quy định cũ, thực hiện việc cải tiến về số lượng và chất lượng GV [H6.06.01.15].

Xây dựng và phát triển đội ngũ lãnh đạo cũng là một việc hết sức quan trọng, góp phần phát triển đội ngũ GV, NCV. Việc này cũng được Trường Đại học Vinh chú trọng, thể hiện ở việc quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo Khoa/Viện

[H6.06.01.16]. Các bước quy hoạch bổ nhiệm đều được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính dân chủ, công khai, chọn ra những lãnh đạo có khả năng, có uy tín.

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Vinh và Khoa Kinh tế luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.

- Công tác quy hoạch đội ngũ của Khoa/Viện được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa Kinh tế theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.

- Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Khoa đạt trình độ GS là chưa có; số lượng giảng viên, nghiên cứu viên là Thạc sĩ còn nhiều (48,15%). Bên cạnh đó năng lực NCKH của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Khoa Kinh tế trong đó có ngành TCNH cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành TCNH cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Kinh	Nhà trường Khoa Kinh tế; Phòng TCCB	9/2021	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		tế, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Kinh tế chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới cần đầy đủ các nội dung cốt lõi. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm PGS, học NCS cho các giảng viên, nghiên cứu viên. - Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên; - Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm PGS, học NCS cho các giảng viên, nghiên cứu viên			
2.	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên rà soát kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. - Tăng cường rà soát quy trình quy hoạch đội ngũ của Khoa Kinh tế, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. - Tiếp tục công tác lập kế hoạch quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, rà soát các quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí để mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.	Khoa Kinh tế	9/2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tại Khoa Kinh tế, ngành TCNH, tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Hàng năm, dựa trên Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn, Các chính sách nhân sự, tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên của Trường Đại học Vinh, Khoa Kinh tế và ngành TCNH có kế hoạch phát triển đội ngũ, trong đó có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng GV, NCV nhằm đáp ứng được tỉ lệ GV/NH của CTĐT theo quy định hiện hành và đáp ứng được khối lượng công việc về đào tạo, NCKH và PVCD, thể hiện trong Kế hoạch năm học của Khoa (trong đó thể hiện phân công giờ dạy, dự kiến nhân sự nghỉ hưu/tuyển dụng/đi học...) giờ [H6.06.02.01].

Để làm được điều đó, Khoa tiến hành thống kê các số liệu về thống kê Đội ngũ GV, NCV của Khoa Kinh tế và ngành TCNH được quy hoạch hàng năm; Cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của GV, NCV của ngành TCNH trong từng năm; Số liệu về GV có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, PGS, GS; Danh sách GV của ngành TCNH từng năm; Số liệu về tổng số người học... [H6.06.02.02]. Hiện nay Tổng số CB, GV của Khoa Kinh tế là 58 người, gồm có 54 GV cơ hữu và 4 chuyên viên, trong đó có 02 PGS (chiếm 3,7%), 26 TS (chiếm 48,15%), 26 Ths (chiếm 48,15%). Riêng đội ngũ GV được phụ trách phân công giảng dạy các học phần chuyên ngành TCNH là 14 người, trong đó có 9 TS (chiếm 64,3%), 5 Ths (chiếm 35,7%).

Một số liệu rất quan trọng để đo lường, giám sát tỉ lệ giảng viên/người học và

khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV đó là Số lượng GV của Khoa Kinh tế (phương pháp sử dụng FTE cho cán bộ giảng dạy); Tỷ lệ GV/NH (cụ thể phương pháp tính toán sử dụng FTE của người học) [H6.06.02.03]. Định kỳ hàng năm Khoa/Viện thực hiện việc rà soát, đánh giá và bổ sung đội ngũ GV đảm bảo tỷ lệ SV/GV đúng quy định theo từng khối ngành đào tạo. Hiện nay tỷ lệ GV/NH của ngành là 1/3,92 đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ Đại học hiện hành theo thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ GD&ĐT quy định.

Số lượng GV cần thiết để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu giảng dạy cho ngành TCNH được thể hiện ở bảng biểu 6.2.1 và bảng tỷ lệ GV/SV bảng 6.2.2 như sau:

Bảng 6.2.1. Số GV ngành TCNH năm 2021

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		% có bằng tiến sĩ
			Số lượng	FTEs	
Giáo sư					
Phó Giáo sư		2	2	2	3,7%
GV toàn thời gian	7	45	52	52	40,74%
GS/GV thỉnh giảng					
Tổng số	7	47		54	44.45%

FTE là Full Time Equivalent: Số lượng CB-GV quy đổi thành GV toàn thời gian. Đây là một đơn vị tính mức đầu tư thời gian công việc. 1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần (tương đương làm việc toàn thời gian). Một cán bộ GV làm việc 8 giờ/tuần tương đương với 0.2 FTE.

Tỷ lệ SV/GV được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 6.2.2. Tỷ lệ GV/SV của ngành TCNH giai đoạn 2015 - 2020

Năm	Tổng số FTEs của GV	Tổng số người học	Tổng số FETs của người học	Tỷ lệ GV/ Người học
2015-2016	48	268	178	1/3,7
2016-2017	49	275	183,3	1/3,74
2017-2018	49	269	179,3	1/3,66
2018-2019	50	287	191,3	1/3,83
2019-2020	53	312	208	1/3,92

*FTE người học tính theo công văn 1074/KTKĐCLGD-KĐDH, cụ thể 1 FTE tương đương 24 Tín chỉ/học kỳ hay 48 Tín chỉ/năm, với số tín chỉ trung bình hằng năm là 32. FTE của SV = Số SV * Số TC bình quân/48*

Tỷ lệ GV/SV theo từng năm ở bảng 6.2.2 như vậy về cơ bản là đáp ứng yêu cầu về tỉ lệ GV/NH theo quy định hiện hành. Để có được thành công này, Nhà trường đã có tài liệu/hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV, được xây dựng dựa trên các quy định của Bộ Giáo dục đào tạo về Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [H6.06.02.04]. trong đó có các quy định về quy đổi theo giờ chuẩn, hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo chuẩn và đo lường để giám sát, đánh giá và cải tiến. Phòng TCCB, trường Đại học Vinh là đơn vị giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý. Khối lượng công việc của GV đều được quy đổi thành giờ chuẩn: *giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác*, theo đó, trong một năm số giờ chuẩn định mức quy định theo chức danh tối thiểu là 270 giờ giảng dạy và 165 giờ NCKH, tối đa là 315 giờ NCKH giờ và các hoạt động chuyên môn khác với định mức giờ chuẩn là 70 đến 120 giờ/năm tương ứng với hệ số lương. Về NCKH, tùy theo chuyên môn, Khoa/Viện phân công nhiệm vụ NCKH phù hợp với chuyên môn và học vị của từng GV qua nhiều hình thức khác nhau: Nghiên cứu các đề tài cấp trường; viết bài đăng công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín; viết các bài báo hoặc báo cáo tham luận tại các hội thảo/hội nghị; biên soạn tài liệu giảng dạy học tập; hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH; Tất cả các loại hình nêu trên đều có công thức qui đổi ra giờ chuẩn. Về hoạt động chuyên môn khác, bao gồm: sinh hoạt tổ chuyên môn, hội họp, học tập nâng cao trình độ, chủ trì xây dựng chương trình mới, xây dựng bài giảng môn học mới, cố vấn học tập, chấm thi và các công tác đoàn thể, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động xã hội... Các loại hình hoạt động theo quy định và đều được quy đổi thành giờ chuẩn. Ngoài ra, GV của CTĐT còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng (*hiện nay việc xác lập khối lượng công việc này đang được xem xét trong mục “các hoạt động chuyên môn khác”*) như hỗ trợ các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ giảng dạy các lớp bồi dưỡng,... Bên cạnh đó, CB và GV của Khoa đã đóng góp ủng hộ tiền, vật dụng cá nhân... cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (sinh viên, học sinh và người già neo đơn trên địa bàn) đáp ứng được mục tiêu của Nhà trường và Khoa/Viện đề ra. Khoa/Viện cũng phân công GV theo dõi, hỗ trợ công tác đoàn tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng như thứ bảy tình

nguyên, ngày chủ nhật xanh, hiến máu nhân đạo...

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát và đánh giá định kỳ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng kỳ, Khoa/Viện thực hiện phân công chuyên môn cho GV dựa trên bản mô tả công việc của từng GV. Sau khi thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Nhà trường thống kê khối lượng công việc của GV theo giờ chuẩn và thực hiện qui đổi. Tài liệu hướng dẫn chủ chốt chính là Quy chế chi tiêu nội bộ, GV sẽ thực hiện kê khai trên cổng thông tin Cán bộ của Trường [H6.06.02.05], trong đó nêu rõ quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. [H6.06.02.06]

Sau khi có các kế hoạch về khối lượng công việc cho GV, NCV, Nhà trường thực hiện giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Các báo cáo thống kê khối lượng công việc sẽ được lập từ cấp Bộ môn, tổng hợp theo Khoa, sau đó căn cứ trên Chế độ làm việc và thanh toán giờ vượt chuẩn, Khoa Kinh tế sẽ thống kê thanh toán tiền vượt giờ chuẩn [H6.06.02.07]. Kết hợp với các kết quả khác trong năm học, Khoa sẽ tiến hành đánh giá thi đua khen thưởng/ đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV, NCV [H6.06.02.08]. Ngoài ra, việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn còn được hỗ trợ bởi Cổng thông tin cán bộ là phần mềm nằm trong hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh (canbo.vinhuni.edu.vn).

Điểm đặc biệt trong việc giám sát đánh giá đội ngũ GV, NCV đó chính là lấy ý kiến từ người học, phụ huynh về cán bộ, giảng viên và các hoạt động của Trường Đại học Vinh. Các kết quả từ việc lấy ý kiến sẽ được gửi trực tiếp về Khoa, sau đó đến cán bộ [H6.06.02.08]. Nhờ có những ý kiến phản hồi như vậy mà bản thân từng GV, NCV nói riêng, ngành TCNH và Khoa Kinh tế nói chung có những điều chỉnh phù hợp, từ đó cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Thông qua việc lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường và Khoa Kinh tế có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm gần đây, hầu hết các GV ngành TCNH đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy,

NCKH và hoạt động chuyên môn. Hầu hết các GV ngành TCNH đều được đánh giá ở mức lao động tiên tiến trở lên. Các GV đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường luôn chú trọng công tác đo lường, giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng công việc của GV theo định kỳ, làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

- Sau khi đo lường, giám sát, Nhà trường đã tiến hành nhiều giải pháp nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành..., đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

- Có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường khối lượng công việc của GV. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát thường xuyên, kết quả đánh giá việc hoàn thành khối lượng công tác làm căn cứ cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo của Khoa/Viện và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

- Việc đánh giá, lấy ý kiến từ người học còn chưa được thực hiện một cách toàn bộ, kết quả cũng chưa công khai trước các bên liên quan (GV, người học, phụ huynh)

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất	Nhà trường Khoa Kinh tế;	9/2021	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc. - Mở rộng đánh giá, lấy ý kiến người học - Công khai trước các bên liên quan	Phòng TCCB		
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV để đảm bảo Khoa/Viện có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ. - Thường xuyên rà soát các tiêu chí để đo lường khối lượng công việc của GV. Định kỳ đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV. - Đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV.	Khoa Kinh tế	9/2021	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trong việc tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm và điều chuyển, các tiêu chí luôn được Nhà trường xác định một cách rõ ràng. Trước hết, Nhà trường ban hành các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phát triển đội ngũ GV, NCV, trong đó có kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển [H6.06.03.01]. Dựa trên các kế hoạch của Nhà trường, Khoa Kinh tế cũng xây dựng các Kế hoạch/chiến lược tuyển dụng đội ngũ GV, NCV [H6.06.03.02]. Trong các kế hoạch đó, nội dung phát triển chuyên môn, nghiệp vụ GV, NCV luôn được chú trọng [H6.06.03.03].

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, được quy định rõ ràng, cụ thể. Các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm: 1) *Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5) Lý lịch bản thân rõ ràng.* Các tiêu chí này có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí đó được quy định rõ trong các tài liệu, văn bản quy định về quy trình tuyển dụng và tiêu chí lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển như là Quy định tuyển chọn viên chức và lao động hợp đồng vào công tác tại Trường Đại học Vinh; Quy định tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng ngạch giảng viên; Quy trình tuyển dụng giảng viên; Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giảng viên Trường Đại học Vinh [H6.06.03.04]. Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như trưởng Khoa/Viện, phó trưởng Khoa/Viện,

trưởng và phó trưởng bộ môn; các tiêu chuẩn để bổ nhiệm GS, PGS, GVC cũng được cụ thể hóa và có một số tiêu chuẩn yêu cầu cao hơn so với mức quy định của Bộ GD-ĐT [H6.06.03.05].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển sau khi được xác định sẽ được thảo luận, thống nhất, phổ biến và thông báo công khai, từ kế hoạch tuyển chọn, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang web của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng [H6.06.03.06]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, rà soát đề án việc làm và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng GV cho các đơn vị. Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của bộ môn; đưa vào kế hoạch tuyển dụng của Khoa/Viện được thông qua Chi bộ, Đảng bộ, sau đó đề nghị Nhà trường phê duyệt. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy). Với các ứng viên thi tuyển vào ngạch giảng viên thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6, phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn: mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 tín chỉ của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Hội đồng tuyển dụng. Kết quả thi tuyển được thông báo trên trang thông tin của Nhà trường. Trong 1 năm tập sự, GV mới thường được Khoa/Viện phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ. Sau khi hết 01 năm tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường và Khoa/Viện sẽ được chính thức ký hợp đồng vào ngạch giảng viên. Trong 5 năm qua, Khoa/Viện đã tuyển dụng số cán bộ giảng dạy đáp ứng các tiêu chí đề ra nêu trên. Cụ thể số lượng tuyển dụng trong 5 năm qua như sau:

Bảng 6.3.1. Số lượng giảng viên được tuyển dụng từ 2015-2020

Năm học	Giảng viên	Trình độ chuyên môn
2015 - 2016	1	Thạc sĩ
2016 - 2017	1	Thạc sĩ
2017 - 2018	2	Thạc sĩ
2018 - 2019	0	
2019 - 2020	1	Thạc sĩ

Tất cả các văn bản quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực của GV đều được Nhà trường xây dựng theo một quy trình chặt chẽ, trong đó các GV được tham gia góp ý kiến thảo luận, thống nhất, sau khi phê duyệt được đăng tải công khai trên website Nhà trường và thông báo trên phần mềm I-Office (trước đây là E Office), được phổ biến và quán triệt trong các buổi họp cơ quan, đơn vị. Tiêu chí đánh giá năng lực GV bao gồm các tiêu chí về năng lực giảng dạy (khối lượng giờ dạy hoàn thành, đổi mới và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin...), các tiêu chí về NCKH (khối lượng giờ NCKH quy đổi hoàn thành, các loại hình NCKH tham gia, khả năng ứng dụng các đề tài NCKH vào thực tiễn), và các tiêu chí về phẩm chất nghề nghiệp. Cuối mỗi năm học, giảng viên sẽ tự đánh giá các tiêu chí này theo mẫu do Nhà trường ban hành; sau đó, sẽ được Khoa/Viện và Nhà trường xét duyệt để đánh giá năng lực giảng viên và xếp hạng cán bộ, viên chức hằng năm.

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Trong đó có quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Giáo sư, Phó Giáo sư). Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như Trưởng khoa/viện, Phó trưởng khoa/viện, Trưởng và Phó trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm chức danh Lãnh đạo còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của CB và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo quản lý của Khoa/Viện và Nhà trường. Đối với việc bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý, Đảng ủy trường luôn tổ chức họp rồi mới ra quyết định [H6.06.03.07]. Trước đó việc lấy ý kiến đã được tổ chức ở các cấp dưới, bắt đầu từ cấp bộ môn, sau đó lên cấp Khoa [H6.06.03.08], đảm bảo được tính dân chủ trong công tác cán bộ. Việc bổ nhiệm có thể thực hiện từ nguồn nội bộ Khoa/Viện, nhưng cũng có thể điều chuyển, chuyển chuyển từ đơn vị khác [H6.06.03.09]. Với Khoa Kinh tế, ngành TCNH, việc bổ nhiệm, chuyển chuyển được thực hiện theo nhiệm kỳ, hoặc căn cứ vào nhu cầu thực tế [H6.06.03.10]. Các cán bộ sau khi được bổ nhiệm sẽ được Khoa và Nhà trường tiếp tục đào tạo bồi dưỡng cả về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và ngoại ngữ [H6.06.03.11].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá năng lực giảng viên được lấy ý

kiến của cán bộ trong trường để đảm bảo tính công khai, minh bạch [H6.06.03.12]. Để đánh giá năng lực để đánh giá, xếp loại cán bộ công chức, Nhà trường tổ chức các cuộc họp đánh giá các cấp, từ đó xếp loại thi đua cho cá nhân và tập thể.

2. Điểm mạnh

- Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định cụ thể trong tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển trên cơ sở vận dụng các văn bản pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, các nội dung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên do Nhà trường ban hành cũng được thảo luận rộng rãi, công khai trước khi đưa ra quy định chính thức bằng văn bản, cập nhật trên I-office của Nhà trường.

- Công tác CB của Khoa Kinh tế được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của Khoa Kinh tế đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin góp ý xây dựng văn bản quy định của Nhà trường bằng hình thức thủ công, gây tốn kém thời gian và nhân lực để tổng hợp thông tin phản hồi. Dữ liệu điện tử trên I-Office khó tìm kiếm và chưa đầy đủ.

- Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập các ý kiến như Google form. - Về IOffice cần tải đầy đủ hơn các văn bản cũ, phân loại thông tin, từ khóa tìm kiếm.	Nhà trường Khoa Kinh tế; Phòng	9/2021 9/2021	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		- Về IOffice cần tải đầy đủ hơn các văn bản cũ, phân loại thông tin, từ khóa tìm kiếm. - Đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu sinh viên	TCCB		
2.	Phát huy điểm mạnh	Phát huy và duy trì tốt những điểm mạnh đã có: - Kế hoạch tuyển dụng được lập đầy đủ, theo đúng quy trình chặt chẽ từ dưới lên - Tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch	Khoa Kinh tế	2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tuyển dụng được xác định và đánh giá

1. Mô tả

Trên cơ sở quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức GV, Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [H6.06.04.01], Nhà

trường có các văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và xác định năng lực của GV, NCV. Nhà trường đã ban hành các quy định rõ ràng Quy định tuyển chọn viên chức và lao động hợp đồng vào công tác tại Trường Đại học Vinh; Mô tả vị trí công việc của giảng viên [H6.06.04.02]. Đồng thời, các văn bản quy định của Nhà trường đã làm rõ các tiêu chí xác định năng lực của GV bao gồm các tiêu chí chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV, trong đó cụ thể hóa thành định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV, các tiêu chí về phẩm chất nghề nghiệp. Các năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định ở Sổ tay Giảng viên và Hồ sơ năng lực GV đã đáp ứng các quy định hiện hành (Quy định về định mức giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên; Đề án vị trí việc làm Trường Đại học Vinh) [H6.06.04.03]. Đến nay, tất cả các GV của ngành TCNH đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện CTDH. Đây là cơ sở để có thể thực hiện hoạch định nguồn nhân lực, kế hoạch kế cận đồng thời hỗ trợ cho kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chế độ chính sách và đánh giá nhân sự.

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đã được Nhà trường triển khai một cách bài bản, rõ ràng. Trước hết, Nhà trường Có hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên, quy định rõ ràng về các tiêu chí và quy trình đánh giá xếp loại cán bộ viên chức [H6.06.04.04]. Văn bản này đã được xây dựng một cách dân chủ, được lấy ý kiến thảo luận và góp ý công khai ở cấp đơn vị, được công bố rộng rãi trên website của Trường. Các GV không chỉ thực hiện tốt công tác đào tạo mà còn cần phải tham gia hiệu quả các hoạt động NCKH và các hoạt động chuyên môn khác, trên cơ sở đó GV được bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng vào cuối mỗi năm học. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường và Khoa Kinh tế thực hiện nghiêm túc, khoa học. Các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương, triển khai thực hiện các quy định này giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường.

Trường tổ chức đánh giá năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện vào cuối mỗi năm học, và trên nhiều khía cạnh năng lực. Cuối mỗi năm học, các giảng viên đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức

danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Khoa đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ để thực hiện đánh giá gồm có Bản nhận xét đánh giá năng lực hàng năm của giảng viên; Bảng tổng hợp kết quả xếp lại viên chức; Kết quả xếp loại cán bộ viên chức hàng tháng và Quy định lương tăng thêm [H6.06.04.05]. Các GV đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo quy định do Nhà trường ban hành. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh, nhiệm vụ được giao, sau đó được tiến hành ở Bộ môn và Lãnh đạo Khoa, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Từ đó, Nhà trường quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học [H6.06.04.06].

Để đánh giá năng lực ngoại ngữ của GV, Nhà trường đã tổ chức các đợt đánh giá cho các GV và xem đây là một trong các tiêu chuẩn để bình xét thi đua, khen thưởng. [H6.06.04.07]. Bên cạnh đó, nhằm động viên khuyến khích nâng cao nghiệp vụ giảng dạy đặc biệt là cho GV trẻ, Nhà trường và Khoa/Viện thường xuyên tổ chức dự giờ thao giảng, tổ chức các cuộc thi giảng viên trẻ dạy giỏi hàng năm [H6.06.04.08]. Thông qua ý kiến đánh giá và góp ý sau mỗi giờ thao giảng, các GV có thể hoàn thiện hơn nữa về kỹ năng giảng dạy và qua đó nâng cao chất lượng đào tạo trong ngành và cả trường. Mặt khác, Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động Nhà trường. Vào cuối mỗi học kỳ, SV đều thực hiện việc đánh giá công tác giảng dạy của GV [H6.06.04.09]. Từ đó, Nhà trường có thông tin phản hồi từ người học đối với GV, thông tin này giúp GV có thể phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nếu có, nhằm ngày càng nâng cao năng lực và có căn cứ để xây dựng kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn GV theo quy định.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, NCV có quy trình cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ

- Nhà trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá cụ thể về năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Đồng thời, hoạt động đánh giá được tổ chức thường

xuyên (hàng năm) dựa trên các tiêu chí có sẵn. Như vậy, năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, nhất quán, công bằng. Việc thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

- Đội ngũ GV của Khoa Kinh tế đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

- Còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...

- Các thông tin về định mức của giảng viên cập nhật chưa kịp thời như định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác.

- Trình độ ngoại ngữ và năng lực NCKH của các GV trong Khoa/Viện chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế... - Cần cập nhật thông tin về định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác của GV vào đầu năm học.	Nhà trường; Khoa Kinh tế; Phòng TCCB	9/2021	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		- Khoa cần yêu cầu tất cả các CB, GV xây dựng kế hoạch cụ thể tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên nghiên cứu sách báo, tài liệu, tham gia các buổi nghiệm thu các đề tài NCKH của các đồng nghiệp để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân, khắc phục những điểm còn yếu trong NCKH			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường đề ra: - Đánh giá đúng năng lực của GV, NCV đảm bảo minh bạch, công bằng - Tổ chức đánh giá định kỳ, thường xuyên	Khoa Kinh tế	2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.5: *Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó*

1. Mô tả

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đòi hỏi Nhà trường và mỗi CB-GV-NV không ngừng nỗ lực để từng bước đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tin học ngoại ngữ để không lạc hậu so với các trường Đại học trong khu vực và trên thế giới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt [H6.06.05.01]. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Trường ĐH Vinh và Khoa đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của GV chủ yếu được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng Bộ môn thông qua Kế hoạch phát triển năm học của các Bộ môn, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường và của Khoa [H6.06.05.02], [H6.06.05.03].

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo của từng Bộ môn, Khoa đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hàng năm. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, phó GS cũng như kế hoạch thi thăng hạng viên chức đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên của ngành... được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Hàng năm, căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng giảng viên, ngành Tài chính - Ngân hàng rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt. Nhà trường đã tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, đặc biệt là đào tạo GV có trình độ cao [H6.06.05.04] [H6.06.05.05]. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa: có đầy đủ đội ngũ GV tiến sĩ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ

học viên chất lượng cao. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia. Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2015 đến nay ngành Tài chính - Ngân hàng đã có thêm 06 tiến sĩ, nâng số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trong ngành lên 8, chiếm 57,14%. Theo kế hoạch, năm 2021, Khoa có thêm 03 nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ. Khoa và Nhà trường có chủ trương khuyến khích giảng viên phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế [H6.06.05.06].

Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2015-2020

Năm học	Số lượng đi học Thạc sĩ	Số lượng đi học Tiến sĩ	Nơi học tập	Nguồn kinh phí
2015-2016	03	24	ĐH Vinh, ĐH KTQD, ĐHQG, HVTC	Trường
2016-2017	02	25	ĐH Vinh, ĐH KTQD, ĐHQG, HVTC	Trường
2017-2018	02	22	ĐH Vinh, ĐH KTQD, ĐHQG, HVTC	Trường
2018-2019	0	18	ĐH Vinh, ĐH KTQD, ĐHQG, HVTC	Trường
2019-2020	0	14	ĐH Vinh, ĐH KTQD, ĐHQG, HVTC	Trường

Trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lý hành chính, lý luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý cũng như cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã được nhà trường triển khai hoàn thành kế hoạch đặt ra hàng năm [H6.06.05.07]. Trường

luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác. Nhà trường còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [H6.06.05.08].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát hàng năm với nhiều hình thức khác nhau. Thông qua hoạt động đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tiến độ học tập về Khoa và Nhà trường. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình để làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt hiệu quả cao [H6.06.05.09].

2. Điểm mạnh

- Khoa và Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.
- Nội dung đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV.
- Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo,...).

3. Điểm tồn tại

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.
- Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên - Cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.	Nhà trường		Hàng năm Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV. - Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ - Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ học tập			Hàng năm

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 6.6: *Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng*

1. Mô tả

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đóng vai trò then chốt. Trường Đại học Vinh đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ đáp ứng theo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau, riêng đối với GV sẽ đánh giá dựa trên: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.01] [H6.06.06.02]. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.03] [H6.06.06.04]. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các GV trong nhà trường thông qua các buổi họp của Khoa và các đợt lấy ý kiến chung của toàn trường [H6.06.06.05].

Trên cơ sở các quy định và tiêu chí đã được ban hành, Nhà trường và Khoa có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với GV, trong đó có phân công cụ thể, mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng ngạch cán bộ giảng dạy theo quy định đối với ngành giáo dục. Đầu mỗi năm học, các Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công cho từng GV theo quy định. Từ đó, mỗi GV sẽ lập kế hoạch năm học cụ thể, thể hiện nội dung công việc của bản thân và tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện của Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Hệ thống các quy chế, quy định này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Trong đó, định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại

học Vinh. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN [H6.06.06.06].

Nhà trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc trong hoạt động giảng dạy nghiên cứu, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học... [H6.06.06.07]. Cuối năm học, GV thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đối sánh với kế hoạch đề ra đầu năm và TĐG mức độ hoàn thành công việc của bản thân để tự xếp loại theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Căn cứ trên kế hoạch phân công giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác từng học kỳ của GV. Bộ môn tổng hợp khối lượng công việc để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó trình Hội đồng thi đua Khoa xem xét. Ngoài ra, lãnh đạo Khoa còn căn cứ vào bản mô tả công việc của GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao trong năm học [H6.06.06.08]. Hội đồng thi đua Khoa sẽ tiến hành đánh giá nhân sự thuộc Khoa, xem xét, đánh giá, xếp loại và bình bầu các danh hiệu thi đua. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Khoa, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề nghị Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng*. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H6.06.06.09] [H6.06.06.10].

Tất cả các CB-GV-NV của Trường đều hài lòng về kết quả đánh giá hàng năm, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và của các cấp có thẩm quyền (Bộ GD&ĐT, Tỉnh/Thành phố). Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua của Khoa, của Trường dựa trên quy chế để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học của các CB-GV-NV làm cơ sở để tính tiền lương bổ sung và xem xét xếp lại

ngạch, bậc lương, hệ số lượng áp dụng cho năm học mới của CB-GV trong Khoa. Do đó, điều này khuyến khích được các CB, GV phấn đấu hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao, tăng cường cải tiến chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.11] [H6.06.06.12].

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp CB, GV Khoa nói chung, ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và nhà trường. Trong các năm học giai đoạn 2016-2020, GV của ngành Tài chính - Ngân hàng luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. 100% GV ngành TCNH hoàn thành hoặc vượt mức thực hiện giờ chuẩn NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2016-2020 cho thấy gần 86% GV ngành TCNH được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Tất cả các CB, GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức.

- Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của GV trong Khoa.

3. Điểm tồn tại

- Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng.

- Một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, khối lượng còn đạt mức khá thấp. Chưa thấy nhiều các hoạt động phục vụ cho cộng đồng.

- Chưa có hệ thống theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả hành động của GV sau đánh giá.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường và Khoa cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm. - Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao. Kế hoạch cụ thể cần có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng. - Nhà trường cần có hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động của GV sau đánh giá.	Nhà trường Khoa Nhà trường	12/2020 12/2020 12/2020	
2.	Phát huy điểm mạnh	- Rà soát thường xuyên hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. - Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. - Tăng thêm chính sách khen thưởng về kết quả công việc để tạo động lực cho GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.		12/2020	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, nghiên cứu, phát triển và đổi mới về KHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kì cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVN, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [H6.06.07.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các văn bản có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ bao gồm seminar khoa học cấp Khoa, Viện/Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Thông qua các hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật với các Nhà khoa học, việc quảng bá hình ảnh của Nhà trường và của Khoa /Viện ngày càng được tăng cao và hiệu quả [H6.06.07.02]. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các giảng viên theo hệ số lương như sau: hệ số lương > 6,2: 315 giờ; >5,76: 260 giờ; >4,40: 220 giờ; >4,32: 200 giờ; >3,33:175 giờ; >2,34: 165 giờ (*trích từ quy chế chi tiêu nội bộ, trang 113*).

Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra các mục tiêu NCKH cụ thể của từng cá nhân, trong đó ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH) đảm bảo số giờ phải nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh, ngoài ra còn quy định rõ tiến độ, thời gian thực hiện và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Khoa và

Trường căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.03].

Hằng năm, Khoa đều có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, giáo trình, sách tham khảo được nghiệm thu, nhiều báo cáo khoa học của GV ngành... được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. [H6.06.07.04] [H6.06.07.05]. Trong thời gian qua, Trường Đại học Vinh cũng có nhiều chính sách ưu tiên nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, giúp sinh viên phát huy năng lực tư duy sáng tạo, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, biến các ý tưởng sáng tạo thành hiện thực, góp phần phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ cho đất nước [H6.06.07.06]. Về kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường... [H6.06.07.07].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV, NCV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng nghiên cứu khoa học của Khoa và của Nhà trường cũng như các tổ chức khác trong và ngoài nước. Các ấn phẩm khoa học bao gồm sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành; Tài liệu học tập các học phần chuyên ngành do Khoa quản lý; Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; Các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có Hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng.

Kết thúc năm học, trong báo cáo tổng kết năm học, Bộ môn, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định đối với từng chức danh công tác nhằm đảm bảo các GV đều hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn 2015 đến 2020, các GV ngành và Khoa đã thực hiện nhiều đề tài, bài báo khoa học có liên quan đến nội dung chương trình đào tạo, số lượng đề tài các cấp, các báo cáo khoa học đăng trên các Kỷ yếu hội thảo các cấp và các bài báo khoa học được đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành tăng lên đã góp phần truyền tải thông tin, kiến thức cùng với việc đưa ra những giải pháp thực tiễn về NCKH và phục vụ cộng đồng. Tất cả GV trong Khoa đều hoàn thành vượt mức giờ chuẩn NCKH. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài có chất lượng khá và tốt [H6.06.07.08] [H6.06.07.09]. Kết quả

NCKH của Khoa sẽ được nghiên cứu, đối sánh giờ NCKH từng GV phải thực hiện với số giờ NCKH thực tế đã thực hiện của mỗi cán bộ, từ đó nghiên cứu điều chỉnh nhằm cải tiến số lượng và chất lượng NCKH được thể hiện qua sổ tay NCKH hàng năm của GV và kết quả đánh giá, phân loại giảng viên hàng năm. Sau mỗi lần đối sánh, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV và NCV đã có sự cải thiện [H6.06.07.10] [H6.06.07.11]. Nhà trường cũng có hình thức khen thưởng đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các GV [H6.06.07.12] [H6.06.07.13].

Hàng năm, thông qua các Hội nghị công chức viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết cuối năm, tổng kết công tác Đảng, bộ môn..., Khoa và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ giảng dạy về kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn và các đề xuất trong NCKH. Việc làm thường niên này giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH của mình. Từ đó, có những định hướng chiến lược thích hợp nhằm nâng cao chất lượng, số lượng các công trình NCKH, trao đổi xu hướng mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa [H6.06.07.14].

2. Điểm mạnh

- Có hệ thống văn bản cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV và NCV phải thực hiện.
- Các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và NCV được định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng, được giám sát và đối sánh hàng năm bởi các cá nhân, Khoa, phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế và có cải tiến chất lượng qua hàng năm.
- Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ. Bên cạnh đó, các GV còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

3. Điểm tồn tại

- Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế.
- Số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường đầu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước. - Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế.	Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Khoa	1/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên rà soát lại các hệ thống văn bản các loại hình hoạt động NCKH. - Định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng và giám sát, đối sánh, cải tiến hàng năm các hoạt động NCKH - Thường xuyên có kế hoạch bổ sung, nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Khoa.	Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Khoa...	9/2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Ngành Tài chính - Ngân hàng có đội ngũ GV có trình độ cao, hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV ngành Tài chính - Ngân hàng. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được mỗi GV xem là nhiệm vụ then chốt, được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Việc đánh giá GV được nhà trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức, hằng năm đề tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 6:

- Số điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4.9/7
- Số tiêu chí đạt: 7/7
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 7

ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Trường Đại học Vinh có đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng hỗ trợ tốt cho tất cả các ngành đào tạo trong trường nói chung và ngành Tài chính ngân hàng nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Đội ngũ nhân viên được Nhà trường tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức đảm bảo tính công bằng, khách quan và kèm theo các hình thức khen thưởng hợp lý. Đội ngũ nhân viên phục vụ ở văn phòng Khoa Kinh tế và nhân viên ở các phòng ban, trung tâm, trạm hầu hết có trình độ thạc sĩ trở lên và nhiệt tình, tận tâm trong công việc.

Tiêu chí 7.1. *Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng*

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược về phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020, trong đó có kế hoạch hành động về xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Trường Đại học Vinh trong giai đoạn này. Trong đó có giải pháp nêu rõ nhà trường cần có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường; xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường Đại học Vinh (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện bài bản, khoa học dựa trên các chiến lược phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01].

Trường đã phân tích, dự báo nhu cầu, xây dựng đề án vị trí việc làm về công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên phục vụ nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã tiến hành qui hoạch chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp

và hoàn thành đề án việc làm cho các đơn vị hành chính trực thuộc Trường. Đầu mỗi năm học, các đơn vị đào tạo, phòng/trung tâm phân tích, rà soát nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với đề án vị trí việc làm của Trường, từ đó xây dựng kế hoạch năm học trong đó bao gồm công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ và trình lên lãnh đạo Trường. Trên cơ sở quy hoạch đội ngũ cán bộ của các Phòng/Trung tâm, lãnh đạo Trường họp hội đồng và phê duyệt quy hoạch cán bộ hỗ trợ cho các đơn vị. [H7.07.01.02].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và bộ phận Một cửa, ban truyền thông và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện công khai trong các văn bản quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Vinh, quy định và các đề án tuyển dụng, quy chế đào tạo, bồi dưỡng, quy chế chi tiêu nội bộ. Những sinh viên tốt nghiệp tại trường có kỹ năng mềm tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin được giữ lại phục vụ ở các phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học, ngoại ngữ, phòng xử lý học vụ, hành chính. [H7.07.01.03].

Hàng năm Nhà trường luôn có các chính sách, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc. Nhằm phát triển năng lực và linh hoạt đội ngũ nhân viên, nhà trường đã có chính sách luân chuyển nhân viên. Mỗi nhân viên sẽ công tác tại một đơn vị không quá 05 năm. Sau 05 năm mỗi nhân viên sẽ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù). Vì vậy, đảm bảo cho đội ngũ nhân viên có thể “giỏi một việc và biết làm nhiều việc”, tạo ra sự linh hoạt trong công việc, đồng thời cũng đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các nhân viên, cán bộ hành chính ở các đơn vị khác nhau [H7.07.01.04].

Chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm như Phòng Công tác chính trị và HSSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin; Trung tâm Đào tạo liên tục,... Tại Khoa Kinh tế, bên cạnh 4 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý sinh viên, trợ lý đào tạo còn có 2 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập ngành Tài chính ngân hàng và nhiều giảng viên kiêm nhiệm công tác chủ nhiệm lớp cho sinh viên ngành Tài chính ngân hàng. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện khoa học

đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ tại khoa Kinh tế có trình độ đại học trở lên (100%), có nghiệp vụ chuyên môn và trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành. Có đến 13 người (86,7%) có trình độ từ Thạc sĩ trở lên [H7.07.01.02].

2. Điểm mạnh

Trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường;

Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Nhà trường còn hạn chế

Vị trí việc làm một số đơn vị chưa được mô tả cụ thể đặc biệt là những đơn vị có tính chất đặc thù

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ	Phòng TCCB Các đơn vị trong trường	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát quy hoạch, tuyển dụng bổ sung nhân sự	Phòng TCCB Các đơn vị trong trường	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và phát triển được quy định rõ ràng, cụ thể trong các văn bản về Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức và lao động hợp đồng vào công tác tại trường Đại học Vinh [H7.07.02.01].

Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng bao gồm 5 bước: Xác định nhu cầu, tiêu chuẩn và thông báo tuyển dụng; tiếp nhận, sơ tuyển hồ sơ, tiếp xúc, hướng dẫn ứng viên; tổ chức thi; xét duyệt kết quả và công bố kết quả thi tuyển; ký kết hợp đồng làm việc. Các thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và trên cổng thông tin điều hành của Nhà trường [H7.07.02.02].

Việc tuyển dụng cán bộ được xuất phát từ nhu cầu của Khoa/Viện, các Phòng ban và các Trung tâm. Dựa trên đề án vị trí việc làm, Trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị. Kế hoạch, các tiêu chí để tuyển dụng, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên iOffice, Website của Trường. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường [H7.07.02.03].

Nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên ở các phòng ban và các trung tâm được phân nhiệm vụ rõ ràng và được công bố trên Website của từng đơn vị. Việc điều chuyển nhân viên hành chính được thực hiện theo kế hoạch và qui định về công tác cán

bộ.[H7.07.02.04].

Năm 2017, Trường đã triển khai tái cấu trúc nhằm tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính để tạo tiền đề cho việc tự chủ của Trường trong những năm tới theo yêu cầu của bộ GD&ĐT.

Khoa Kinh tế luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường. Khoa đã ban hành quy chế làm việc, chức năng nhiệm vụ của nhân viên làm việc tại Khoa trong Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Kinh tế.

2. Điểm mạnh

Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức, quy định bổ nhiệm của Nhà trường được xác định và phổ biến công khai.

Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác cán bộ, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành Kinh tế.

3. Điểm tồn tại

Chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa nhiều

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo vị trí việc làm	Lãnh đạo Nhà trường, khoa/viện	Bắt đầu từ 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai	Lãnh đạo Nhà trường, khoa/viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí: 7.3. *Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá*

1. Mô tả

Trình độ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ khi tuyển dụng được quy định rõ ràng trong Quy chế về công tác cán bộ và được xác định rõ ràng từng vị trí trong Đề án vị trí việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị [H7.07.03.01].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa gồm có 2 cấp: hỗ trợ cấp trường và hỗ trợ cấp chương trình đào tạo. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp trường trực thuộc các phòng ban, trung tâm của Trường, đội ngũ cấp chương trình đào tạo gồm văn phòng khoa, trợ lý quản lý sinh viên và các giảng viên làm công tác kiêm nhiệm như: trợ lý đào tạo, trợ lý đảm bảo chất lượng, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm lớp. Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ Thạc sĩ (cử nhân) trở lên đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực cho từng vị trí từng công việc. [H7.07.03.02]

Năng lực của của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được đánh giá dựa vào các tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ hỗ trợ của Trường [H7.07.03.03].

Hàng tháng các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ, làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm cho cán bộ. Định kỳ cuối năm học, cán bộ được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) cán bộ tự đánh giá; (ii) tổ chuyên môn họp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và đề trình lên Trường; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại.

Ngoài ra, việc đánh giá xếp loại cán bộ nhân viên hỗ trợ còn được phản ánh qua ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của các đơn vị hành chính của Trường được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến định kỳ hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết sinh viên đều thỏa mãn với chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ. [H7.07.03.04].

Trích Thống kê kết quả khảo sát

Lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kì 2, năm học 2019-2020

STT	Tiêu chí	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào		
	Thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ thư viện đối với bạn đọc		
a	Tốt (mức độ đáp ứng tới 80% trở lên)	7075	79,8
b	Khá (mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1205	13,6
c	Trung bình (mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	346	3,9
d	Chưa đạt (mức độ đáp ứng dưới 50%)	106	1,2
e	Chưa tiếp xúc	133	1,5
TỔNG		8865	100
2	Trung tâm thực hành- thí nghiệm		
	Thái độ phục vụ của Kỹ thuật viên, giáo viên hướng dẫn thực hành thí nghiệm		
a	Tốt (mức độ đáp ứng tới 80% trở lên)	7044	79,5
b	Khá (mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1175	13,3
c	Trung bình (mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	247	2,8
d	Chưa đạt (mức độ đáp ứng dưới 50%)	80	0,9
e	Chưa tiếp xúc	319	3,6
TỔNG		8865	100
3	Thái độ, tinh thần làm việc, ý thức trách nhiệm của cán bộ hành chính trong quá trình đào tạo		
a	Tốt (mức độ đáp ứng tới 80% trở lên)	7044	79,5
b	Khá (mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1237	14
c	Trung bình (mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	351	4
d	Chưa đạt (mức độ đáp ứng dưới 50%)	123	1,4
e	Chưa tiếp xúc	110	1,3
TỔNG		8865	100

Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm. Việc đánh giá xếp loại cán bộ định kỳ hằng tháng và hằng năm giúp đội ngũ cán bộ luôn có động lực cải tiến chất lượng phục vụ sinh viên.[H7.07.03.05]

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng và đề án vị trí việc làm và được đánh giá hàng năm với kết quả hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của người học về các hoạt động của các đơn vị hành chính nhưng chưa lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên.

Đối với một số giảng viên làm công tác kiêm nhiệm như cô vấn học tập, những cán bộ này có giờ làm việc chưa ổn định, vẫn phải sắp xếp thời gian làm việc ngoài hành chính nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thực hiện lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên - Có kế hoạch phân công hợp lý giúp cho cán bộ kiêm nhiệm ổn định lịch làm việc.	Khoa Kinh tế	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát sắp xếp vị trí việc làm đội ngũ cán bộ hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu suất công việc	Lãnh đạo Nhà trường, phòng TCCB và các đơn vị liên quan	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí: 7.4. *Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên luôn được trường Đại học Vinh quan tâm chú trọng. Dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của các đơn vị và đề án vị trí việc làm, Trường phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT toàn trường nói chung và ngành Kinh tế nói riêng cũng như triển khai các hoạt động đáp ứng các nhu cầu này. [H7.07.04.01]

Hàng năm, nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ được xác định một cách có hệ thống từ các đơn vị đào tạo, các phòng ban chức năng đến Nhà trường. Căn cứ vào nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, đội ngũ nhân viên đăng ký theo kế hoạch năm học tại các đơn vị. Hàng năm phòng Tổ chức Cán bộ ra công văn khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng sau đó xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện. [H7.07.04.02]

Nhà trường có chính sách khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia đào tạo bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về kinh phí và thời gian theo quy định. Trường tạo điều kiện để các cán bộ nhân viên được học lên bậc ThS, TS tạo điều kiện và khuyến khích thi nhân viên thi thăng hạng khi đủ điều kiện. Ngoài ra, Trường tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn, hoặc tạo điều kiện tham dự các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, các hội thảo do các cơ sở đào tạo ở bên ngoài Trường tổ chức. Mở các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, lý luận chính trị, quốc phòng-an ninh hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ.[H7.07.04.03]

Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm, thể hiện Nhà trường rất quan tâm đến nhu cầu đào tạo cán bộ hỗ trợ [H7.07.04.04].

Kết quả, Trường và ngành Kinh tế hiện có đội ngũ cán bộ hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý SV và các hoạt động khác phục vụ công tác đào tạo. Nhiều cán bộ hỗ trợ thuộc các phòng ban, trung tâm trong Trường có học vị Thạc sĩ, Tiến sĩ, đảm bảo chuyên môn và nghiệp vụ tốt đáp ứng yêu cầu của CTĐT. [H7.07.04.05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường rất quan tâm đến nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, hàng năm đều xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tăng dần theo từng năm nhưng vẫn còn ít so với chi cho các đối tượng khác

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng ngân sách đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ - Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Lãnh đạo Nhà trường Phòng KH-TC Phòng TCCB Khoa Kinh tế	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ	Phòng TC-CB Lãnh đạo các đơn vị	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Tiêu chí: 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường và khoa Kinh tế thực hiện đánh giá kết quả thực thi công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo quy định về công tác thi đua khen thưởng dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Cụ thể, Nhà trường đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm. Trong mỗi đơn vị, chức năng nhiệm vụ của các cán bộ hỗ trợ được mô tả rõ ràng, khối lượng công việc của nhân viên được xác định trong đề án vị trí việc làm và được thể hiện trong kế hoạch năm học của cá nhân, tổ chuyên môn và đơn vị. Ngoài ra, trong kế hoạch công tác tháng các chỉ số thực hiện cũng thể hiện rõ ràng, được triển khai, giám sát và đánh giá đến từng đơn vị thông qua hội nghị giao ban hàng tháng. Trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng, trên cơ sở đó, lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động của nhân viên. Phòng Tổ chức - Cán bộ có nhiệm vụ theo dõi và đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của GV và cán bộ hỗ trợ. [H7.07.05.01]

Hàng tháng, Trường triển khai xếp loại tất cả cán bộ dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành. Kết quả xếp loại là căn cứ để xác định mức thu nhập tăng thêm nhằm tạo động lực cho cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác. Định kỳ cuối mỗi năm học, cán bộ được đánh giá dựa trên việc thực hiện kế hoạch năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình: cá nhân tự đánh giá xếp loại, tổ chuyên môn đánh giá xếp loại, ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá xếp loại. [H7.07.05.02]

Trong giai đoạn 2015-2020 có 481 lượt cá nhân đạt danh hiệu thi đua “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”; 16 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, 2 cá nhân được tặng Huân chương lao động (1 hạng nhì, 1 hạng ba), 7 cá nhân được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 64 cá nhân được tặng thưởng Bằng khen của Bộ giáo dục và đào tạo...

Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn Trường, các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên được Trường tiếp thu và giải trình thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội nghị viên chức toàn trường hằng năm. [H7.07.05.03]

Hàng năm, những cá nhân có thành tích xuất sắc sẽ được xét tăng lương trước hạn hoặc được khen thưởng. Việc đánh giá đúng và khen thưởng kịp thời hàng năm đã góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên tích cực hơn trong công tác [H7.07.05.04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa đã triển khai thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận là động lực giúp nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

3. Điểm tồn tại

Việc đăng ký thực hiện các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia sáng kiến kinh nghiệm, NCKH	Lãnh đạo Nhà trường, khoa Kinh tế, các phòng ban	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy công tác quản trị theo kết quả công việc	Lãnh đạo Nhà trường, khoa Kinh tế, các phòng ban	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Trường có đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao, nhiệt tình trong công việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV toàn trường nói chung và ngành Tài chính ngân hàng nói riêng. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo các tiêu chí và phương pháp hợp lý. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được mỗi nhân viên xem là nhiệm vụ then chốt, được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Việc đánh giá các nhân viên hỗ trợ được nhà trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức, hằng năm để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 7:

- Số điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,0/7
- Số tiêu chí đạt: 5/5
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 8

NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Tài chính - Ngân hàng được đánh giá là một ngành học mang tính ổn định cao, thu hút nhiều sinh viên theo học. Với nhiều năm kinh nghiệm trong việc đào tạo cử nhân kinh tế hàng đầu khu vực Bắc Trung Bộ. Với đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, hàng năm Khoa đã tuyển sinh được lượng sinh viên đông đảo so với tuyển sinh của Trường Đại học Vinh. Bên cạnh ngành Tài chính - Ngân hàng, Khoa Kinh tế cũng đã tiến hành kết nối doanh nghiệp và Nhà trường trong đào tạo sinh viên. Sinh viên có cơ hội học tập tích hợp và trải nghiệm chủ động theo mô hình đào tạo tiên tiến chuẩn quốc tế để nâng cao năng lực chuyên môn, hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội. Hàng năm sinh viên có cơ hội tham gia các chương trình khởi nghiệp sáng tạo, được các nhà tuyển dụng tổ chức chương trình tư vấn, lựa chọn việc làm. Thực tế khảo sát về tỷ lệ có việc làm của sinh viên sau khi ra trường của các ngành Tài chính - Ngân hàng đạt tỷ lệ cao.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh ngành Tài chính - Ngân hàng, Khoa Kinh tế được xác định rõ ràng trong đề án tuyển sinh hàng năm đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Vinh [H8.08.01.01]. Đề án tuyển sinh hằng năm của Nhà trường được công bố công khai minh bạch và cập nhật trên website vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường có quy trình xét tuyển được thực hiện rất rõ ràng, minh bạch, được cập nhật hàng năm theo đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo cụ thể là: trước năm 2015 Trường ra Thông báo Điểm chuẩn tuyển sinh đại học, trong đó thông tin rõ chỉ tiêu tuyển sinh của ngành Tài chính Ngân hàng cho từng khối (A, A01, D01, D07) về điểm chuẩn; số lượng trúng tuyển và số chỉ tiêu xét nguyện vọng 1; thông tin xét tuyển nguyện vọng 2, với những thông tin đầy đủ về chỉ tiêu, khối, điểm chuẩn NV2 [H08.08.01.01].

Nhà trường có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người

học trên cơ sở góp ý của các bên liên quan và tiêu chí, PP tuyển chọn người học trong đó có người học của CTĐT ngành Tài chính Ngân hàng được rà soát, đánh giá hằng năm. Trên cơ sở đó, năm 2016, chính sách tuyển sinh của ngành Tài chính - ngân hàng được thay đổi từ hình thức thi tuyển theo từng khối (A, A01, D01, D07) sang hình thức xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2017 đến nay Nhà Trường áp dụng các phương thức sau: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2017; Xét tuyển học bạ THPT với các tiêu chí lấy tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của cả 3 năm THPT (05 học kỳ). Điểm ưu tiên sẽ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H08.08.01.01]; [H08.08.01.02].

- Phương thức xét tuyển:

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2019 Không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

+ Xét tuyển học bạ THPT (không xét tuyển đối với các ngành sư phạm) Không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh, với các tiêu chí sau: (1) Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; (2) Tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của năm lớp 12 lấy trung bình từ 6.00 điểm trở lên. Điểm ưu tiên sẽ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

+ Xét tuyển thẳng 1.

Tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT:

a) Đối tượng, hồ sơ, thời gian đăng ký, lệ phí tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển: Trường Đại học Vinh thực hiện theo các quy định của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển vào đại học, cao đẳng năm 2019.

b) Danh mục ngành đăng ký tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Căn cứ phụ lục số 6 và phụ lục số 7 của Công văn 796/BGDĐT-GD&DH, ngày 6/3/2019 của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Vinh quy định danh mục ngành đăng ký tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT

c) Xét tuyển đối với thí sinh khuyết tật: Trường Đại học Vinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh. Thí sinh phải có đầy đủ hồ sơ học tập, hồ sơ sức khỏe có xác nhận

của cơ sở y tế có thẩm quyền. Sau khi Hội đồng tuyển sinh kiểm tra tình trạng sức khỏe yêu cầu của ngành học mà thí sinh đăng ký, Hiệu trưởng Nhà trường xem xét và quyết định cho vào học.

d) Xét tuyển đối với thí sinh là người nước ngoài: Trường Đại học Vinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh năm 2019. Căn cứ kết quả học tập THPT của thí sinh, kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt, Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định cho vào học [H08.08.01.02], [H08.08.01.03].

Trường có các hướng dẫn cụ thể về công tác tuyển sinh, và thông báo kịp thời các thông tin tuyển sinh trên hệ thống công nghệ thông tin của trường, của khoa. Đồng thời thường xuyên có kế hoạch tư vấn tuyển sinh, cũng như thành lập hội đồng tuyển sinh nhằm nâng cao hiệu quả cho công tác tuyển sinh [H08.08.01.03], [H08.08.01.04].

Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được phòng Đào tạo, trung tâm ĐBCL tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường nhằm đánh giá công tác tuyển sinh, kết quả thi, xét tuyển được thông báo công khai trên Cổng thông tin tra cứu điểm thi tuyển sinh của Nhà trường; quy trình ra Quyết định trúng tuyển, gửi Giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển được thực hiện đúng quy trình và đúng tiến độ [H8.08.01.05].

Trong vòng 5 năm qua điểm trúng tuyển của ngành Tài chính Ngân hàng dao động từ 14 đến 18,5 điểm Mặc dù, công tác tuyển sinh nhìn chung ngày khó khăn nhưng số lượng sinh viên nhập học của Ngành luôn giữ ở mức ổn định. Xu hướng này cho thấy ngành Tài chính Ngân hàng (do Trường Đại học Vinh tuyển sinh và đào tạo) ngày càng được xã hội và người học quan tâm, chất lượng đào tạo và chất lượng đầu vào của ngành ngày càng được nâng cao.

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Vinh có bề dày về kinh nghiệm tuyển sinh và công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; mục tiêu đào tạo được công khai các chính sách tuyển sinh ngành Tài chính Ngân hàng được xác định rõ ràng và cập nhật thường xuyên, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của ngành Tài chính Ngân hàng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường	Khoa/Phòng Đào tạo/ Ban tư vấn tuyển sinh	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh của Trường, Khoa được tiếp tục tiến hành hàng năm để ĐBCL công tác tuyển sinh đại học chính quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.	Phòng đào tạo	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường và Khoa xác định và ghi rõ trong chương trình đào tạo, chính sách tuyển sinh, có tổ chức thi tuyển và xét tuyển. Cụ thể là từ năm học 2016 - 2017, công tác tuyển sinh của Nhà trường

còn bổ sung thêm hình thức xét tuyển bằng học bạ của thí sinh. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của trường Đại học Vinh đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm. Đề án, kế hoạch tuyển sinh hàng năm được công bố công khai và cập nhật trên website của Nhà trường. Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối tổ chức tuyển sinh đại học hệ chính quy của Nhà trường nói chung và ngành Tài chính ngân hàng nói riêng. Phương thức tuyển sinh ngành Tài chính ngân hàng gồm: (1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia và (2) Xét học bạ THPT. Ngoài ra, Nhà trường còn có chính sách khen thưởng và tặng học bổng cho các tân SV đạt kết quả cao trong tuyển sinh của mỗi ngành. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành Tài chính ngân hàng được xác định rõ ràng và công bố công khai trên trang Website của Nhà Trường, Chỉ tiêu tuyển sinh ngành Tài chính ngân hàng được xác định rõ ràng hàng năm, các mã tổ hợp môn xét tuyển theo các khối A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh). Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách rõ ràng từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành Tài chính ngân hàng (như điểm, đối tượng ưu tiên...) được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.02.01]. Trong giai đoạn 5 năm (2015 - 2020), số lượng SV trúng tuyển nhập học ngành Tài chính ngân hàng bình quân khoảng 90 SV/năm. Tỷ lệ SV nhập học so với số lượng thí sinh trúng tuyển trung bình đạt khoảng 70-80%, điểm trúng tuyển trung bình của các thí sinh (khoảng từ 15 đến 22 điểm). Trong các năm gần đây số lượng và chất lượng tuyển sinh ở một số ngành có xu hướng giảm nhưng ngành Tài chính ngân hàng vẫn giữ ở mức ổn định [H8.08.02.02]. Năm 2016, công tác tuyển sinh khoa thực hiện theo quy chế tuyển sinh mới của Bộ GD&ĐT và phương án tuyển sinh của Nhà trường chuyển từ tuyển sinh theo hình thức ba chung của Bộ GD&ĐT sang hình thức tuyển sinh xét tuyển theo kết quả thi kỳ thi THPT Quốc gia. Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng. Việc xét tuyển dựa theo chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và lấy điểm tổng từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu. Sự thay đổi quy chế tuyển sinh có sự ảnh hưởng không nhỏ tới số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học do thí sinh đăng ký xét tuyển nguyện vọng ở nhiều trường khác nhau [H8.08.02.03].

Phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, quy định trong đề án và kế hoạch tuyển sinh hàng năm. Hiện nay, ngành Tài chính ngân hàng tuyển chọn người học theo các phương pháp gồm xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT, xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT và xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường xác định, đánh giá hàng năm [H8.08.02.04]. Trong các năm gần đây số lượng và chất lượng tuyển sinh ở một số ngành có xu hướng giảm nhưng ngành Tài chính - Ngân hàng vẫn giữ ở mức ổn định

2. Điểm mạnh

Với việc xác định một cách rõ ràng tiêu chí và phương pháp tuyển sinh và hàng năm đều có sự đánh giá, điều chỉnh đã tạo ra những ưu điểm: (1) tuyển chọn được người học có năng lực toàn diện, có kiến thức và kỹ năng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ; (2) kết quả thi tuyển khách quan, chính xác; (3) thu hút được người học tham gia dự tuyển ngành Tài chính ngân hàng nói riêng và khối ngành Kinh tế nói chung của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà Trường chưa có quy trình xây dựng tiêu chí và PP tuyển chọn người học trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Tiêu chí, PP tuyển chọn người học, trong đó có người học của CTĐT ngành Tài chính ngân hàng chưa được rà soát, đánh giá hàng năm.

Khoa, Ngành chưa thực sự đầu tư cho công tác quảng bá tuyển sinh nên chưa tạo ra sự hấp dẫn, thu hút thí sinh dự tuyển;

Phương thức tuyển sinh của Trường, Khoa chưa đảm bảo đa dạng, chưa thực hiện hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đưa ra điểm trần được công nhận trúng tuyển vào	Phòng Đào Tạo	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		ngành Tài chính ngân hàng một cách phù hợp, theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/trên số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh, can thiệp kịp thời			
		Từ năm học 2020 -2021, khoa Kinh Tế sẽ phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh.	Khoa/Phòng Đào tạo/Ban tư vấn tuyển sinh	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Có các hình thức quảng bá tuyển sinh phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Khoa	Khoa/Phòng Đào tạo/Ban tư vấn tuyển sinh	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập được ghi cụ thể, chi tiết trong quy chế đào tạo đại học và quy định CTĐT ngành Tài chính - ngân hàng của Nhà trường [H8.08.03.01].

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa BCN khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Quản lý SV và Liên chi đoàn khoa, đồng thời khoa thường xuyên tổ chức chỉ đạo các lớp sinh hoạt theo định kỳ 1 tháng/lần với sự tham gia của GV chủ nhiệm nhằm tiếp nhận kịp thời ý kiến của người học [H8.08.03.02]. Ngoài ra, Nhà trường có quy định rõ ràng về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập của người học trong *Cẩm nang sinh viên* [H8.08.03.03] nhằm đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn, theo đó số lượng tín chỉ tối thiểu đối với các kỳ học chính là 15 TC và tối đa là 30 TC, đối với học kỳ phụ (học kỳ mùa hè) tối đa là 10 TC. Trong trường hợp SV học chậm tiến độ do kết quả thi không đạt ở môn học trước đó, Khoa cho phép SV đăng ký môn học thay thế để đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn. Khoa có cơ chế phản hồi kết quả học tập của người học thông qua nhiều hình thức như thông báo trên trang thông tin SV tại student.vinhuni.edu.vn, thư gửi kết quả kết quả học tập, rèn luyện của SV cho phụ huynh [H8.08.03.04]. Trường, khoa có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS) [H8.08.03.05]. Nhờ vậy, kết quả học tập và rèn luyện của SV được cải thiện đáng kể qua từng năm học.

Khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong khung CTĐT của ngành, quy chế học sinh, SV của Nhà trường [H8.08.03.06]. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2011 đến 2015, CTĐT gồm 132 tín chỉ. Đối với các khóa tuyển sinh từ 2016 khung CTĐT được chia làm hai giai đoạn: giai đoạn I bao gồm 45 tín chỉ được đào tạo theo nhóm ngành, giai đoạn II bao gồm 80 tín chỉ dành cho ngành đào tạo. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2017, khối lượng học tập được quy định 125 tín chỉ. Khối lượng học tập của SV mỗi kỳ không được vượt quá 21 tín chỉ. Khối lượng học

tập này được thiết kế cho người học có học lực trung bình để hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời hạn đào tạo). SV được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi kỳ học nhưng không được ít hơn 15 tín chỉ. [H08.08.03.06].

Phương thức KTĐG kết quả môn học được quy định trong ĐCCT học phần cụ thể như sau: [H08.08.03.07]

- Đánh giá quá trình, gồm: Ý thức học tập, hồ sơ học phần và đánh giá định kỳ
- Đánh giá cuối kỳ, gồm các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm hoặc đồ án, bao gồm cả về lí thuyết và thực hành
- Thang điểm: điểm 10, được chuyển sang thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định.

Hệ thống thực hiện việc giám sát trên các nội dung về quá trình đăng ký học và học tập, giám sát phẩm chất, thái độ và các hoạt động ngoại khóa. Sau khi đăng ký học thành công, SV sẽ có kế hoạch học tập rõ ràng. GV phụ trách môn học có danh sách SV tham dự lớp của mình và được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của SV thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua trợ lý quản lý SV, giáo viên chủ nhiệm, các tổ chức và trung tâm của Nhà trường như Hội sinh viên, Đoàn thanh niên, Trung tâm HTSV&QHDN [H8.08.03.08].

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học;

Giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV dựa trên hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập chưa được phát huy đúng mực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lý đào tạo và quản lý SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập và rèn luyện.	Trung tâm CNTT/ Phòng đào tạo	Năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao hiệu quả về công tác chủ nhiệm lớp và CVHT trong công tác giám sát sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện.	Viện/Trung tâm ĐBCL	Năm 2021	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả về học tập, sinh hoạt ngoại khóa và các hoạt động thi đua khác bởi Cố vấn học tập và đội ngũ GV chủ nhiệm các lớp [H8.08.04.01]. Cố vấn học tập có nhiệm vụ nắm vững quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo để giải đáp các thắc mắc của SV; kịp thời theo dõi, đôn đốc tình hình học tập của SV; thông báo, triển khai và thực hiện các chủ trương của Khoa và Trường về vấn đề được giao phụ trách. Ngoài ra, CVHT nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng

của SV và đề xuất cho BCN các hướng xử lý, hỗ trợ; tổ chức tư vấn cho SV đăng ký các học phần phù hợp với khả năng sau mỗi học kỳ và hỗ trợ SV đăng ký học tập và xử lý các vấn đề liên quan. Khoa Kinh Tế luôn có các hoạt động và chính sách hỗ trợ SV ngành Tài chính ngân hàng : SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn, SV dân tộc thiểu số. Các chính sách cấp học bổng cho SV ngành Tài chính ngân hàng luôn được phổ biến kịp thời cho SV trong từng năm học. Nhà trường có quyết định về cấp học bổng tài trợ cho SV, năm học 2018 - 2019 cho 30 sinh viên, mỗi suất 400-500.000 đồng/tháng [H8.08.04.02]. Bên cạnh đó, Khoa luôn có các kế hoạch phân công CB quản lý các địa bàn có HSSV và học viên ngành Tài chính ngân hàng tạm trú [H8.08.04.03]. Kết quả đánh giá công tác HSSV của khoa Kinh tế được đánh giá Xuất sắc với tổng điểm đánh giá xấp xỉ trên 90 điểm.

Đối với những SV khóa mới, sau một tháng học tập, lãnh đạo Khoa chỉ đạo Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, GV chủ nhiệm, Quản lý sinh viên, Liên chi đoàn, Liên chi hội SV khoa tổ chức cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ CB, GV, CTĐT, phương thức đào tạo, PP học tập trong trường đại học, tại khoa Kinh tế và một số lưu ý trong quá trình học. Trong buổi gặp mặt SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, GV, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo để giải đáp và tư vấn cho SV [H8.08.04.04]

Hàng năm, Khoa tổ chức Hội nghị dân chủ SV nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, đặc biệt là những khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, quá hạn thời gian đào tạo. Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện BCN, Cố vấn học tập tư vấn, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV. Vì vậy, qua tham dò vào năm học 2018 - 2019 có 80% tổng số sinh viên tốt nghiệp hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ người học [H8.08.04.05].

Đoàn thanh niên và Hội SV và Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV như: Hội diễn văn nghệ; TDTT; giao lưu văn hóa, các chương trình giáo dục pháp luật về an

toàn giao thông... Qua mỗi hoạt động, SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng nghề nghiệp như: kỹ năng tương tác, làm việc nhóm... đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể [H8.08.04.06]. Hàng năm, công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV ngành Tài chính ngân hàng do Liên chi đoàn, Liên chi hội SV khoa chủ trì luôn nhận được giấy khen, bằng khen của tổ chức Đoàn các cấp. Thành tích thi đua đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn [H8.08.04.07]. Ngành Tài chính - Ngân hàng thường xuyên tổ chức dự giờ các giảng viên trẻ và các giảng viên có nhiều kinh nghiệm, thảo luận phương pháp đánh giá theo hướng phù hợp, lấy người học làm trung tâm (dạy học và phân công bài tập theo nhóm, thuyết trình, bài tập lớn). Chiến lược dạy học này giúp người học tiếp thu và biết cách áp dụng các kiến thức; giảng viên ngành Tài chính ngân hàng luôn hướng dẫn cho sinh viên hình thức tự học ở nhà; cách thức nghiên cứu và tìm hiểu tài liệu liên quan chương trình học. Ngoài ra trong chương trình đào tạo có học phần Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên tiếp cận các kiến thức kỹ năng trong thực tế giúp cải thiện quá trình học tập của sinh viên. [H8.08.04.08].

Trường, Khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để SV lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp [H8.08.04.09]. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ học tập và rèn luyện, tư vấn, hướng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm học tập, rèn nghề, khởi nghiệp của SV được hỗ trợ tích cực, thường xuyên từ Trung tâm (HTSV&QHĐN), Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp và Sáng tạo của Trường thông qua nhiều hình thức hoạt động đa dạng, hiệu quả, thiết thực như diễn đàn, tư vấn trực tiếp, truyền thông... [H8.08.04.10]. Tỷ lệ SV sau khi ra trường có việc làm và mức thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính ngân hàng tăng dần đều qua từng năm trong giai đoạn 2014 - 9/2019 đã cho thấy hiệu quả của các hoạt động tư vấn, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ trong việc giúp cải thiện kết quả học tập, tình trạng việc làm của người học của CTĐT:

Bảng 8.4. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	59	70	140	74	92
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	96.72	93.33	70.71	91.36	70.77
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã được các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học (%).	83.05	85.71	85.71	81.08	85.87
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ được một phần ít</i> các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học (%).	11,86	10.00	10.71	13.51	10.35
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không được</i> các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học (%).	5.09	4.29	3.58	5.41	3.78
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	92,8	93,5	69,7	95,8	96,7

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	92,8	94,6	78,9	97,3	-
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0,4	0,3	0,8	0	0
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu đồng)	3,0	3,5	3,5	4,0	4,5
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	(56,25%)	(58,18%)	(75,53%)	(84,78%)	(85,56%)
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	(87,5%)	(18,81%)	14,89%	(13,04%)	(12,3%)
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	(12,5%)	(17,82%)	(9,6%)	(2,2%)	(2,1%)

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm, kết quả phản hồi hầu hết đạt từ mức hài lòng trở lên [H8.08.04.11].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập được bộ môn Tài chính ngân hàng triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của sinh viên; bên cạnh đó các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa được SV ngành Tài chính ngân hàng hưởng ứng tích cực; giúp sinh viên phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

3. Điểm tồn tại

Do cơ hội tìm kiếm việc làm của sinh viên ngành Tài chính ngân hàng trong thời điểm hiện tại là cao, nhu cầu xã hội đáp ứng tốt việc tuyển dụng việc làm cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng nên Khoa và Bộ môn chưa quá chú trọng công tác

hỗ trợ và tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa và bộ môn lập kế hoạch chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn bộ CB, GV về việc hỗ trợ cho SV trong công tác tiếp cận với nhà tuyển dụng, thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp, kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp	Khoa/ Phòng Đào tạo, ban tư vấn tuyển sinh, Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHĐN	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.	Khoa/ LCD, LCH sinh viên Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHĐN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí 8.5: *Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học*

1. Mô tả

Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác. Trường có đủ diện tích lớp học theo quy định TCVN 3981 cho hoạt động đào tạo, khuôn viên thoáng mát, đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên trường [H8.08.05.01]. Hiện tại, Trường có 221 phòng học (có 6 giảng đường lớn là Hội trường A, Giảng đường A4101, A4102, A4201, A4202, giảng đường số 1), 1 trung tâm thực hành doanh nghiệp mô phỏng. Tổng diện tích sử dụng là 50.585,6 m², bố trí được khoảng 8460 chỗ ngồi trong 1 ca với diện tích bình quân 4,9 m²/chỗ ngồi, hầu hết phòng học của sinh viên được trang bị máy điều hòa, quạt, hệ thống chiếu sáng đạt chất lượng cao, có trên 90% các phòng học có các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như: projector, loa và 1 số thiết bị khác. Trường có 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho CB, SV với tổng diện tích 35.000 m², 1 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho CB và người học. Trường có 4 nhà KTX 5 tầng (tại cơ sở 1) với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m², với 237 phòng ở với sức chứa 1145 SV, bình quân diện tích 5,3 m² sử dụng/1 SV theo định mức 6-8 người/1 phòng. Bố trí các phòng ở sạch sẽ và hợp lý, tiện trợ và các phí sinh hoạt khác thấp hơn rất nhiều so với thuê nhà trọ ở ngoài; điều kiện học tập, đi lại thuận tiện và an toàn, được trang bị điện sáng và nguồn nước sạch, an ninh đảm bảo, wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí [H8.08.05.02]. Không gian học tập và nghiên cứu của SV ngoài giờ học chính khóa được Nhà trường tạo điều kiện tối đa. SV có phòng đọc sách thư viện sạch đẹp, tiện ích; vào dịp ôn thi, các phòng học ở các khu giảng đường A và B mở cửa từ 7h00 - 22h00 các ngày trong tuần nhằm phục vụ việc tự học, nghiên cứu của SV.

Nhà trường luôn quan tâm chăm sóc sức khỏe, tạo môi trường tâm lý, xã hội đảm bảo môi trường học tập tốt cho SV. Công tác khám sức khỏe cho SV được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. Trạm Y tế của Trường luôn đảm bảo công tác kiểm tra sức khỏe kịp thời cho SV [H8.08.05.03]. Giai đoạn 2016-2021,

100% SV ngành TC-NH được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ, được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H8.08.05.04]. SV được cung cấp Cẩm nang sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của CB cũng như HSSV trong Nhà trường [H8.08.05.05]. Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC), an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được Trường quan tâm chỉ đạo và giám sát [H8.08.05.06]. Công tác vệ sinh môi trường do một công ty ký hợp đồng với Nhà trường thực hiện dưới sự kiểm tra và giám sát của phòng Quản trị - Đầu tư, sinh viên cũng thường xuyên được tham gia các chương trình để tăng cường ý thức, thói quen về xây dựng và bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp thân thiện góp phần xây dựng nề nếp, nếp sống văn hóa trong nhà Trường [H8.08.05.07]. Để đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên, Trường ký hợp đồng với công ty vệ sĩ, thành lập Trung đội dân quân tự vệ, đội Thanh niên xung kích, đội tự quản KTX,... [H8.08.05.07]. SV ngành TC-NH được lấy ý kiến đánh giá về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường, Khoa theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường đối với người học. Số liệu thống kê cho thấy hầu hết sinh viên hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường và Khoa [H8.08.05.08].

Ngoài ra, hằng năm Khoa Kinh tế và nhà Trường đều tổ chức trao học bổng cho các sinh viên ngành TC-NH có hoàn cảnh khó khăn từ nguồn kinh phí tài trợ của cá nhân, tổ chức,... [H08.08.05.09]. Nhờ các hoạt động trên, nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ các điều kiện học tập, sinh hoạt. Để tạo môi trường sinh hoạt, vui chơi lành mạnh cho sinh viên Trường và Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ, chương trình hoạt động của các câu lạc bộ (câu lạc bộ Tài chính, Tiếng Anh, câu lạc bộ Kế toán, Hoa chăm pa...) [H08.08.05.10]. Các hoạt động này thu hút được số đông các sinh viên tham gia và đạt kết quả tốt tạo điều kiện phát triển lối sống lành mạnh cho sinh viên.

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

Có phòng thực hành riêng cho ngành Tài chính - Ngân hàng

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều phòng tự học ở các giảng đường cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trong năm học 2021-2022, Nhà trường cần bố trí nhiều phòng tự học cho sinh viên tại các giảng đường A, B, D	- Phòng Quản trị và Đầu tư	Từ năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể trường ĐH Vinh	Phòng Quản trị- Đầu tư	Năm 2022	
		Tổ chức đẩy mạnh hiệu suất sử dụng tại trung tâm thực hành doanh nghiệp mô phỏng	Khoa kinh tế	Từ năm 2021	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận tiêu chuẩn 8

Nhà trường đã có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật hàng năm, đảm bảo tuyển được số lượng SV có kết quả và năng lực tốt, thu hút được người học tham gia xét tuyển vào ngành Tài chính - Ngân hàng. Các hoạt động tư vấn học tập được Khoa Kinh tế triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV. Hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học tương đối hiệu quả. Môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 8:

- Số điểm bình quân của tiêu chuẩn đạt: 4,6/7
- Số tiêu chí đạt: 5/5
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 9

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Nhà trường và Khoa Kinh tế luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để cán bộ và sinh viên ngành Tài chính - ngân hàng đảm bảo các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường và Khoa Kinh tế luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho sinh viên ngành Tài chính - ngân hàng.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,2ha trong tổng thể quy hoạch gần 125 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT (8/1989), Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (6/2004), (10/2015) [H9.09.01.01]. Hiện nay, Nhà trường vẫn đang thực hiện chiến lược về phát triển giai đoạn 2011-2020 và đã triển khai chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 [H9.09.01.02].

Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành Tài chính - Ngân hàng. Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864 m², đạt xấp xỉ 15m²/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành

hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của bộ môn. Hiện trường Đại học Vinh có 215 phòng học, trong đó 160 phòng học dùng cho đào tạo chính quy, trong đó số phòng học có đèn chiếu cố định là 138 phòng, diện tích bình quân $5.9\text{m}^2/\text{người học}$ ($115,749\text{m}^2/19.629$ người học); Cơ sở vật chất cho cán bộ giảng viên, và nhân viên cơ hữu được đầu tư đồng bộ, bao gồm thiết bị văn phòng, thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị văn phòng hiện đại. Bên cạnh đó, phần lớn các thiết bị trong Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.01.03].

Khoa Kinh tế có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, khoa đang sử dụng tầng 2 tòa nhà A0 của trường gồm 3 phòng làm việc gồm 1 phòng của cán bộ quản lý, 1 văn phòng khoa và 1 phòng sinh hoạt chuyên môn. Phòng sinh hoạt chuyên môn của bộ môn Tài chính - Ngân hàng hiện tại đang sử dụng phòng sinh hoạt chuyên môn này hoặc ở các phòng học của Nhà trường. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế v.v.. [H9.09.01.03].

Về phòng học, ngành Tài chính - Ngân hàng phải đảm nhận một số học phần chung của khoa Kinh tế như: Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế quốc tế, Thị trường tài chính, Quản trị tài chính v.v.. Đây là những học phần có số lượng sinh viên đông (từ 70 đến 80 sinh viên/1 lớp). Việc bố trí các lớp học phần này sẽ ở những giảng đường lớn ở nhà A, nhà B để đảm bảo có đủ số ghế ngồi và trang thiết bị phù hợp cho sinh viên. Ngoài ra, bộ môn cũng đảm nhận việc giảng dạy các học phần chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng như: Tín dụng ngân hàng, Dịch vụ ngân hàng hiện đại, Tài chính công, Ngân hàng trung ương, Kế toán ngân hàng, Kinh doanh chứng khoán v.v.. Những học phần này có yêu cầu riêng về phòng học do số lượng sinh viên chuyên ngành thường ít hơn so với các học phần chung nên các phòng học nhà A, B, D, DN được sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy theo từng học phần. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được đầu tư các

trang thiết bị hiện đại phù hợp với việc nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo. Các học phần sử dụng hệ thống mô hình Ngân hàng - Chứng khoán ảo sẽ tổ chức giảng dạy và học tập tại tầng 7 tòa nhà công nghệ cao như Kinh doanh chứng khoán, Thị trường tài chính, Thanh toán quốc tế, Tín dụng ngân hàng, Thực hành doanh nghiệp mô phỏng v.v.. [H9.09.01.03].

Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Các thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo. Ngoài ra, sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng còn sử dụng hệ thống phòng học Online, phòng học có trang thiết bị hiện đại đối với những học phần có số sinh viên đông, hệ thống phòng học này được sử dụng liên tục trong năm với tần suất cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về dạy học và nghiên cứu [H9.09.01.06].

Ngoài ra, Nhà trường rất chú trọng đến việc bố trí không gian học tập chung, phòng học, phòng họp trực tuyến. Trong năm 2020, Nhà trường đã thành lập Trung tâm sản xuất học liệu với thiết bị hiện đại để hỗ trợ trong công tác dạy và học trực tuyến [H9.09.01.06].

Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý tài sản, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT các ngành học, trong đó có ngành Tài chính - ngân hàng. Tài sản của Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.01.04]. Công tác kiểm kê tài sản được diễn ra hàng năm sẽ làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung tài sản phục vụ cho công tác đào tạo và phát triển các chương trình đào tạo [H9.09.01.05]. Kinh phí dành cho đầu tư, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị được lập dự toán đầu tư, mua sắm và rà soát hàng năm nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường thực hiện công tác duy tu và bảo trì bảo dưỡng thường xuyên cơ sở

vật chất nhằm đảm bảo phục vụ công tác đào tạo được diễn ra thuận lợi [H9.09.01.07].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ chương trình đào tạo ngành Tài chính - ngân hàng của thư viện. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị thư viện phục vụ chương trình đào tạo ngành Tài chính - ngân hàng của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học qua các năm về cơ bản trên 90% mức độ đáp ứng tốt [H9.09.01.08].

2. Điểm mạnh (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Trường có đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành Tài chính ngân hàng.

Trường có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học.

Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành Tài chính ngân hàng, phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Ngành Tài chính ngân hàng chưa có phòng sinh hoạt riêng, phòng Xê mi na số lượng còn ít, cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng xê	Phòng Quản trị - Đầu tư; Phòng KHTC	2021-2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		mì na cho ngành Tài chính ngân hàng nói riêng và các bộ môn/ngành trong trường Đại học Vinh nói chung			
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng học, giảng đường, phòng chức năng.	Phòng Quản trị - Đầu tư; Phòng KHTC	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của cơ sở giáo dục có chương trình được đánh giá kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Thư viện của phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Vinh được thành lập năm 1959. Trong giai đoạn từ năm 1959 đến 1997, vốn tài liệu, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, phương thức hoạt động chủ yếu theo mô hình của thư viện truyền thống.

Năm 2001 cùng với sự kiện đổi tên trường, để đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Đại học Vinh đa ngành, ngày 04 tháng 9 năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo

đã ban hành Quyết định số: 4947/QĐ-BGDĐT-TCCB thành lập Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện trên cơ sở đơn vị Thư viện và Xưởng in của trường.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường Đại học Vinh, để tỏ lòng tri ân cố Giáo sư Nhà Giáo Nhân dân Nguyễn Thúc Hào - vị Hiệu trưởng đầu tiên của Trường (1959-1973), Trường Đại học Vinh đã có Quyết định số 2327/TCCB ngày 08/10/2009 đổi tên Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện Trường Đại học Vinh thành Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào [H9.09.02.01].

Trung tâm Thông tin - Thư viện là tòa nhà 7 tầng có 3 cầu thang máy với diện tích sàn gần 9000 m², sức chứa khoảng 1.800 bạn đọc. Toàn Thư viện có 8 phòng đọc, 6 phòng máy tính, 01 hội trường và 1 sảnh dùng chung tại tầng 1 [H9.09.02.01].

Các hoạt động tại Thư viện của Nhà trường đều đã được thể chế hóa bằng các quy định cụ thể [H9.09.02.02]. Ngoài ra, vào đầu năm học hàng năm, Thư viện đều tổ chức hướng dẫn sử dụng khai thác thông tin và sử dụng thư viện cho học viên cao học, sinh viên chính quy vừa nhập học. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực cho học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong việc khai thác thông tin và sử dụng thư viện có hiệu quả [H9.09.02.03].

Thư viện trường Đại học Vinh được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho sinh viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện được đầu tư các hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, với đầy đủ trang thiết bị và các phương tiện kỹ thuật như hệ thống mượn - trả tài liệu tự động 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến, máy scan-số hóa, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy vi tính, màn hình ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng và trường Đại học Vinh nói chung [H9.09.02.04]. Công tác tổ chức phục vụ bạn đọc được thực hiện từ thứ 2 đến chủ nhật trong tuần từ 7h30 đến 21h30 nhằm phục vụ tốt chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO, đáp ứng nhu cầu về học liệu, nguồn thông tin khoa học của cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.02.02].

Cùng với các đơn vị khác trong toàn trường, hằng năm tại trung tâm Thư viện tổ chức kiểm kê tài sản và cơ sở vật chất. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của Nhà trường [H9.09.02.04]. Căn cứ vào hoạt động

kiểm kê, Nhà trường thực hiện đầu tư nâng cấp và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị [H9.09.02.05].

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng và khoa Kinh tế nói chung. Tính đến tháng 03/2020, về tài liệu truyền thống, thư viện có 14.466 tên tài liệu với 160.559 cuốn phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường, bao gồm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu tham khảo và giáo trình. Trong đó, danh sách học liệu phục vụ đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giáo viên và sinh viên. Các đầu sách của thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành Tài chính - Ngân hàng [H9.09.02.06]. Dựa trên yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo, hàng năm thư viện tiến hành lập kế hoạch, dự toán, hoá đơn và thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu...) [H9.09.02.07]. Các nguồn tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường ở trong thư viện đều đảm bảo tính pháp lý và bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ [H9.09.02.08].

Công tác bổ sung giáo trình, học liệu được tiến hành thường xuyên, khoa học theo đúng quy trình bổ sung học liệu của nhà trường. Các đầu sách của Thư viện được bổ sung căn cứ theo danh mục học liệu có trong đề cương chi tiết các học phần của các ngành đào tạo. Dựa trên yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học [H9.09.02.08]. Nguồn học liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Kipos. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh [H9.09.02.9].

Hàng năm, Nhà trường theo dõi các hoạt động của thư viện qua các dữ liệu như thống kê số lượt bạn đọc tới thư viện, số lượt mượn tài liệu [H9.09.02.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện đánh giá hiệu quả các hoạt động của Thư viện qua Phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc và đánh giá phản hồi của người học, giáo viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ hoạt

động đào tạo và nghiên cứu. [H9.09.02.11]. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng cho thấy giảng viên và sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng và sinh viên khoa Kinh tế nói chung hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học qua các năm cho thấy có hơn 90% người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt và rất tốt; 84% người học đánh giá mức độ phù hợp và rất phù hợp của việc tổ chức các phòng đọc, kho sách hiện tại của Thư viện.

2. Điểm mạnh (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên.

Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

3. Điểm tồn tại (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của sinh viên, giảng viên ngành Tài chính - Ngân hàng chưa đa dạng

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc.	Thư viện, khoa/viện	2021-2022	
2	Phát huy	- Tiếp tục cập nhật ý	Thư viện,	Định kỳ	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	kiến của giảng viên, người học để đáp ứng và cập nhật sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt sau mỗi lần rà soát chương trình đào tạo. - Tiếp tục thực hiện các buổi hướng dẫn khai thác thông tin thư viện đến các sinh viên, giảng viên, đặc biệt sinh viên năm thứ nhất.	khoa/viện	hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của cơ sở giáo dục có chương trình được đánh giá kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng, trại trong toàn trường. Có chức năng chính là phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên trong trường. Từ đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản về quy chế tổ chức và hoạt động của riêng Trung tâm cũng như quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn trường với Trung tâm thực hành thí nghiệm [H9.09.03.01].

Toàn bộ hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại 05 tòa nhà, được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng thực hành thí nghiệm của Bộ GD&ĐT [H9.09.03.02]. Hiện nay, toàn trung tâm THPTN có 86 phòng thực hành thí nghiệm được chia thành 8 nhóm ngành, diện tích bình quân phòng THPTN/người học là $4,48\text{m}^2/\text{người}$ ($34.382\text{m}^2/7.667$ người học) [H9.09.03.03].

Hệ thống phòng học máy tính của nhà trường đáp ứng yêu cầu của ngành Tài chính - Ngân hàng. Trong các phòng học máy tính, nhà trường trang bị hệ thống máy tính, hệ thống âm thanh, máy chiếu, màn chiếu điện, điều hòa phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học. Hệ thống phòng học được quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lý, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần. Kể từ năm học 2015-2016, để trang bị thêm các kỹ năng mềm và các học phần chuyên ngành cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng, Nhà trường đã cho phép cán bộ và sinh viên khoa Kinh tế nói chung và ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng được khai thác Trung tâm đào tạo thực hành Ngân hàng, Chứng khoán và Công ty mô phỏng tại tầng 7 tòa nhà điều hành của trường. Hệ thống cơ sở vật chất hiện đại gồm: Khu vực lễ tân, Quầy làm việc cho giao dịch viên, các phòng: Kinh doanh, Kế toán, Hành chính - Nhân sự, Dịch vụ khách hàng, Thanh toán quốc tế, Chứng khoán. Tham gia thực hành, sinh viên sẽ được tác nghiệp trên Hệ thống phần mềm hiện đại mô phỏng thực tế [H9.09.03.03].

Trung tâm THPTN là đơn vị có hệ thống tài sản và thiết bị phục vụ đào tạo lớn nhất trường Đại học Vinh, do đó công tác quản lý tài sản rất được chú trọng. Năm 2017, được sự đồng ý của Nhà trường, Trung tâm đã xây dựng và ban hành quy trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Trung tâm thực hành thí nghiệm. Ngoài ra còn ban hành quy định làm việc tại PTN và mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có bản nội quy cụ thể [H9.09.03.04].

Tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có bảng công khai tài sản, bên cạnh đó danh mục tài sản tại Trung tâm THPTN còn được công khai trên Website của đơn vị. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác rà soát và kiểm kê tài sản tại Trung tâm THPTN làm căn cứ để mua sắm bổ sung cho năm học sau [H9.09.03.05].

Bên cạnh đó, các thiết bị của trung tâm thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của nhà trường. Trung tâm THPTN có nhiệm vụ tổng

hợp và đề nghị mua sắm tài sản, thiết bị vật tư phục vụ THPT cũng như đề xuất sửa chữa và thanh lý các tài sản hàng năm tại đơn vị quản lý [H9.09.03.06].

Hiện nay, tại Trung tâm THPT có 4 tổ chuyên môn với 39 cán bộ phụ trách, trong đó có 34 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm, với phương châm 1 người phụ trách ít nhất 02 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 học phần THPT. Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành thí nghiệm. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị. Ngoài ra, tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có nhật ký ghi lại quá trình làm việc hàng ngày của cán bộ phụ trách và nhật ký sử dụng thiết bị đối với các thiết bị từ 15 triệu đồng trở lên. Tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành của phòng học máy tính được theo dõi trong sổ nhật ký phòng máy tính [H9.09.03.07].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công tác THPT cũng như đáp ứng tốt về mặt trang thiết bị phục vụ THPT, nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống cơ sở vật chất và phòng thí nghiệm, thực hành và công tác phục vụ đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy các giảng viên, người học ngành Tài chính - Ngân hàng cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học máy tính của Nhà trường. Các kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời cho công tác đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học [H9.09.03.08].

2. Điểm mạnh (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Hệ thống phòng học máy tính cơ bản đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng.

Trung tâm đào tạo thực hành: Ngân hàng, Chứng khoán và Công ty môi giới đáp ứng nhu cầu đào tạo và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng.

3. Điểm tồn tại (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Tốc độ mạng internet tại các phòng học máy tính còn chưa ổn định, đôi lúc còn gây gián đoạn hoạt động đào tạo của giảng viên và người học.

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải thiện tốc độ mạng internet tại các phòng học máy tính.	Phòng KHTC, QTĐT.	2021-2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm	TT THPTN, QTĐT.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 9.4: *Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu*

1. Mô tả (căn cứ yêu cầu của tiêu chí, mô tả các hoạt động của cơ sở giáo dục có chương trình được đánh giá kèm theo các thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được tiêu chí)

Trung tâm CNTT được thành lập năm 2012 theo quyết định số 300/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2012 của Hiệu trưởng Trường đại học Vinh, với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường. Đội ngũ cán bộ của Trung tâm là những người đã được đào tạo chuyên sâu về

CNTT và được phân công nhiệm vụ cụ thể phụ trách hệ thống CNTT toàn trường, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt, đảm bảo các phần mềm quản lý được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu quản lý mới của Nhà trường [H9.09.04.01].

Nhà trường trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Trường hiện có gần 2.000 máy tính tại các phòng thực hành CNTT, có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ của Nhà trường từ học vị Tiến sĩ trở lên được cấp máy tính xách tay để phục vụ công tác, hỗ trợ cho công việc giảng dạy và các công tác khác [H9.09.04.02].

Công tác tin học hóa trong các hoạt động của Nhà trường rất được chú trọng. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học, sử dụng các phần mềm quản lý để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường (quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác) và đáp ứng nhu cầu dạy học của giảng viên, sinh viên trong đổi mới phương pháp dạy học. Các hoạt động dạy học trực tuyến được áp dụng rộng rãi từ hệ chính quy, hệ tại chức; từ bậc đại học và sau đại học của Nhà trường. Công tác quản lý của trường thực hiện thông qua hệ thống e-office, CMC, LMS; các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Cán bộ giảng viên giảng dạy ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng và cán bộ toàn trường nói chung được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng là @vinhuni.edu.vn. Các hoạt động của nhà trường, được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lý. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường đã và đang áp dụng Công thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường có hệ thống các phòng học trực tuyến gồm 16 phòng, chia 3 cụm có thể đáp ứng cho việc học tập đồng thời cho hơn 1.000 người học. Với hệ thống phòng học trực tuyến đảm bảo sự trao đổi giao tiếp tốt giữa người dạy và người học và ở tất cả các bậc học được đào tạo của Trường. Nhà trường đang đưa và áp dụng Công thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ

nhóm/cá nhân lên phần mềm và người học tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá. Năm học 2019 - 2020, do ảnh hưởng dịch covid 19 nên Nhà trường còn áp dụng thêm phần mềm dạy học Zoom và LMS [H9.09.04.03].

Tất cả hệ thống máy tính trong Nhà trường được nối mạng Internet, mạng Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường cũng đã thực hiện triển khai tối ưu hoá hệ thống mạng máy tính toàn trường, lắp đặt camera tại các phòng thực hành thí nghiệm, giảng đường và KTX [H9.09.04.04].

Trường Đại học Vinh quản lý việc vận hành và bảo trì phòng máy tính cũng như cần bổ sung, nâng cấp các hệ thống phần cứng cũng như phần mềm của hệ thống CNTT qua sổ nhật ký làm việc tại các phòng thực hành, qua sổ theo dõi vận hành tại các hệ thống chuyên trách của trung tâm CNTT quản lý [H9.09.04.05].

Nhằm đáp ứng nhu cầu về hệ thống CNTT ngày càng cao của người học và cán bộ, Trường đại học Vinh không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng trang thiết bị CNTT cũng như hệ thống phần mềm qua từng năm học. Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã thực hiện việc bảo dưỡng và nâng cấp cấu hình hệ thống mạng máy tính cũng như bảo trì, bảo dưỡng máy tính cá nhân và máy in của các đơn vị trong trường [H9.09.04.06].

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về mức độ hài lòng đối với môi trường CNTT, qua đó Nhà trường có kế hoạch cải tiến hệ thống công nghệ thông tin/môi trường trực tuyến được cập nhật và nâng cấp thường xuyên. Kết quả khảo sát cho thấy, người học, giảng viên và các bên liên quan đều cho rằng hệ thống công nghệ thông tin phù hợp, cập nhật đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học [H9.09.04.07].

2. Điểm mạnh *(phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)*

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Tốc độ truy cập vào các phần mềm, dữ liệu của nhà trường có lúc còn chậm.

Chất lượng mạng internet ở một số khu vực phòng học chưa tốt, ảnh hưởng tới hoạt động tương tác trực tuyến của giảng viên và người học

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nghiên cứu phương thức phân luồng, tổ chức lại quyền truy cập, sử dụng các nội dung của phần mềm để đảm bảo tốc độ truy cập vào dữ liệu, hạn chế tối đa tình trạng nghẽn mạng trong một số thời điểm. - Nâng cao chất lượng đường truyền internet tại hệ thống phòng học, đảm bảo tốc độ truy cập đồng đều ở tất cả các khu vực trong nhà trường.	Nhà trường, Trung tâm CNTT	2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT và hạ tầng CNTT	Trung tâm CNTT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh rất chú trọng tới các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho người học và cán bộ của Nhà trường thể hiện đầu tiên ở công tác thiết kế và xây dựng nhà trường theo đúng tiêu chuẩn thiết kế Trường Đại học [H9.09.05.01]. Ngoài việc, Nhà trường nghiêm túc thực hiện Nghị định của Chính phủ về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, Nhà trường còn ban hành các văn bản riêng áp dụng theo đặc thù của Nhà trường. Trường có tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học và các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp, Trường thành lập Ban chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học, an toàn giao thông, lập kế hoạch và ban hành các công văn triển khai công tác an ninh trường học, tăng cường phòng, chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên mạng máy tính [H9.09.05.02].

Trường đã bê tông hóa kiên cố hệ thống đường đi, sân trường giúp khuôn viên trường được thông thoáng, cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt về vệ sinh - môi trường. Kí túc xá cho người học được đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định. Hành lang, khuôn viên giảng đường, nhà làm việc và KTX đều được thiết kế và xây dựng có khu vực cho người khuyết tật. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [H9.09.05.03].

Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và văn hóa, văn nghệ của người học. Nhà trường có hệ thống sân chơi, phòng tập đa năng gồm 6 sân bóng chuyên, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, sinh viên với diện tích 35.000m² và nhà

thi đấu với 1000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căn tin phục vụ cho người dạy và học ở các hướng rất thuận tiện. Nhằm tạo điều kiện cho người học, Nhà trường có 05 tòa KTX với đầy đủ các trang thiết bị bên trong và được sửa chữa, bảo dưỡng và bổ sung thay thế các thiết bị nhằm đảm bảo an toàn cho người ở hàng năm. Bên cạnh đó, nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh đảm bảo các phòng học và phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học. [H9.09.05.03].

Nhà trường có Trạm y tế đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, được ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Trạm y tế được đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị, nhân lực, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời cho sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ và sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng và toàn trường nói chung có thể khám chữa bệnh định kỳ và được cấp phát thuốc tại Trạm y tế. Đây cũng là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học. Sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng được triển khai việc khám sức khỏe định kỳ, được tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản [H9.09.05.04].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được Ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có đơn vị cung cấp vệ sỹ chuyên nghiệp thường trực 24/24 giờ làm nhiệm vụ bảo vệ tại tất cả các cổng vào ra, ngoài nhiệm vụ bảo vệ tài sản còn có chức năng hướng dẫn cho người học, cán bộ và người đến làm việc với Nhà trường những vấn đề về an ninh trong trường học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu (gồm 27 đồng chí, do Thành đội thành phố Vinh thành lập), Đội Thanh niên xung kích gồm các học viên, sinh viên của Trường. Hệ thống an toàn của Trường đạt

qui định hiện hành. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường, trong Tòa nhà Công nghệ cao và trong các phòng thực hành thí nghiệm. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Trường được bảo đảm. Tạo tâm lý yên tâm cho người dạy và người học về một môi trường an toàn, an ninh đảm bảo [H9.09.05.05].

Nhà trường có Ban chỉ huy phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ, cán bộ các đơn vị được tập huấn PCCC, An toàn lao động, An toàn PTN, An toàn phóng xạ theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Hàng năm, Nhà trường còn thực hiện đúng các chế độ báo cáo về phân tích chất lượng môi trường của Nhà trường [H9.09.05.05].

Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CSVC và môi trường cảnh quan phục vụ người học. Giảng viên, người học hài lòng về mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường. Với các ý kiến đóng góp, Nhà trường cũng đã thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng về môi trường và cảnh quan trong Nhà trường [H9.09.05.06].

2. Điểm mạnh (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm mạnh nổi bật của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Nhà trường có diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985).

Trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

Trường có Trạm y tế đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho giảng viên và sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng và toàn trường nói chung.

3. Điểm tồn tại (phân tích, so sánh, lý giải và rút ra những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí)

Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe chưa riêng biệt hơn

với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cần lưu ý, riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	Nhà trường, Trạm y tế.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường an ninh, trật tự, an toàn và chăm sóc sức khỏe.	Nhà trường, Trạm y tế, Phòng QT & DT, Phòng CTCTHSSV.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Nhìn chung, Nhà trường và Ban chủ nhiệm khoa Kinh tế đã đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị. Thư viện và các nguồn học liệu, hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng trực tuyến, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường và Khoa luôn phù hợp và được cập nhật thường xuyên. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và Khoa kinh tế và ngành Tài chính Ngân hàng nói riêng.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 9:

- Số điểm trung bình tiêu chí đạt: 5,0/7
- Số tiêu chí đạt: 5/5
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 10

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Hiện nay, Trường Đại học Vinh và Khoa Kinh tế rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở cụ thể hóa chương trình khung của Bộ GD-ĐT. Trường đã huy động hầu hết các nhà khoa học, cán bộ quản lý đào tạo và các GV có kinh nghiệm tham gia xây dựng chương trình đào tạo theo qui trình, đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường. Nhà trường đã có hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình [H10.10.01.01].

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã triển khai xây dựng và áp dụng CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng theo tiếp cận CDIO. Nhà trường đã ban hành Quy trình thiết kế, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo theo định hướng tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và năng lực cho từng trình độ đào tạo cũng như đáp ứng được yêu cầu của người học về kiến thức, phẩm chất và năng lực phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Trường và nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó [H10.10.01.02]. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, người học), thu thập thông tin phản hồi hoạt động hiệu quả đảm bảo thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy trong quá trình xây

dựng CTDH đã được nhà trường tổ chức thực hiện, giao phòng Đào tạo làm đầu mối quản lý [H10.10.01.03]. Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng đã nhận được ý kiến phản hồi của 30 nhà tuyển dụng, 10 chuyên gia giáo dục tại các trường đại học khối kinh tế trên cả nước. Ý kiến của các bên liên quan là cơ sở dữ liệu phản hồi được lựa chọn, xử lý là căn cứ quan trọng trong việc thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển chuẩn đầu ra, khung CTDH đối với ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng [H10.10.01.04].

Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTDH được thực hiện định kỳ có tham khảo ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu SV. Trong giai đoạn 2013 - 2017, CTDH ngành Tài chính - Ngân hàng đã được điều chỉnh 3 lần (năm 2013, 2016, 2017). Lần điều chỉnh năm 2013 theo hướng nâng cao tỷ lệ thực hành, thí nghiệm, thực tập rèn nghề cho sinh viên bằng việc đưa 2 học phần Kỹ năng làm học phần thay thế tốt nghiệp được thực hiện từ khóa đào tạo 52. Lần điều chỉnh năm 2016 theo hướng tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần bằng việc xây dựng các học phần chung giữa các ngành được thực hiện từ khóa đào tạo 57. Lần điều chỉnh năm 2017 theo hướng đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội bằng việc xây dựng Khung chương trình đào tạo tiếp cận CDIO được thực hiện từ khóa đào tạo 58 [H10.10.01.05].

Hàng năm, thông qua việc tổ chức thực tập thực tế cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng, các phản hồi của sinh viên trong quá trình thực hành, thực tập rèn nghề, cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTDH là các tư liệu quý để nhà trường chỉ đạo các khoa bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTDH [H10.10.01.06].

Đối với sinh viên đang học, Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đang học tập tại khoa về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng CTDH định kỳ. Nhà trường đã xây dựng công cụ điều tra trực tuyến để thực hiện việc lấy ý kiến người học nói riêng, các bên liên quan đến quá trình đào tạo nói chung một cách nhanh chóng hơn. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết sinh viên (trên 90%) được hỏi ý kiến hài lòng với phương pháp và năng lực giảng dạy của giảng viên. Hầu

hết sinh viên hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lý của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường [H10.10.01.07].

Bên cạnh đó, hàng năm Khoa tổ chức hội nghị học tốt cho sinh viên, các hội nghị trao đổi kinh nghiệm đổi mới phương pháp giảng dạy và mời các chuyên gia, nhà tuyển dụng từ các doanh nghiệp báo cáo chuyên đề. Từ các hội nghị này Khoa đã nhận được nhiều ý kiến của nhà tuyển dụng về yêu cầu thực tiễn trong công tác tuyển dụng sinh viên sau tốt nghiệp [H10.10.01.08].

Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTDH trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng và làm căn cứ phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.01.09]. Đó cũng chính là cơ sở dữ liệu phản hồi được lựa chọn và xử lý.

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Hoạt động lấy ý kiến sinh viên về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm.

Khoa đã có hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tiến hành xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp liên kết để có hợp tác chặt chẽ hơn trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT.	- Phòng CT CTHSSV; - TT ĐBCL; - TT DV, hỗ trợ SV và	Hàng năm, kể từ năm 2020	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		- Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.	QHDN - Khoa Kinh tế		
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ theo kế hoạch sẽ tiến hành đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát.	- Phòng Đào tạo; - TT DV, hỗ trợ SV và QHDN - Bộ phận ĐBCL Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Chương trình dạy học trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. CTDH được thiết lập căn cứ vào Chuẩn đầu ra ngành Tài chính - Ngân hàng, trường Đại học Vinh và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường [H10.10.02.01]. Từ năm 2012, việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành Tài chính - Ngân hàng được đánh giá, điều

chỉnh và cải tiến theo từng khóa học, cụ thể vào các năm 2014, 2015, 2016, 2017 để phù hợp với nhu cầu thực tiễn. CTDH của khóa học 53 (tuyển sinh năm 2013) áp dụng theo Quyết định 2224/QĐ-ĐHV năm 2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh; khóa học 54, 55 áp dụng theo Quyết định 3242/QĐ-ĐHV năm 2014; khóa học 56 áp dụng theo Quyết định 3357/QĐ-ĐHV năm 2015; khóa học 57 áp dụng theo Quyết định 1002/QĐ-ĐHV năm 2016; khóa học 58 áp dụng theo Quyết định 747/QĐ-ĐHV năm 2017. Kể từ năm 2018, học phần thực tập tốt nghiệp của CTDH ngành Tài chính - Ngân hàng (khóa 55, 56, 57) được điều chỉnh, cải tiến tổ chức kết hợp hai hình thức là thực tập tại các cơ sở và học kỹ năng mềm [H10.10.02.02].

Căn cứ vào chuẩn đầu ra ban hành trong các giai đoạn của CTDH trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng. Khoa Kinh tế kết hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng, phòng Đào tạo tiến hành đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra trong việc biên soạn đề cương các học phần, bài giảng và giáo trình nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTDH của các khóa. Trong quá trình thực hiện CTDH, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên về chất lượng hoạt động dạy học, ý kiến của giảng viên về chất lượng CTDH để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.03].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Hội đồng khoa học và đào tạo khoa Kinh tế thành lập nhóm chuyên gia về điều chỉnh CTDH. Căn cứ vào kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTDH của trường Đại học Vinh, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các bên liên quan về CTDH, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác, nhóm chuyên gia đề xuất cải tiến chương trình đào tạo, sau đó Hội đồng khoa học và đào tạo khoa Kinh tế đã thảo luận và thống nhất [H10.10.02.04]. Các nội dung cải tiến trong CTDH dự thảo được gửi đến giảng viên, các nghiên cứu viên, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi Hội đồng khoa học thẩm định [H10.10.02.05]. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng khoa học của Nhà trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để trường Đại học Vinh thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTDH ngành Tài chính - Ngân hàng áp

dụng cho từng khóa học.

Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, Nhà trường và Khoa thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH qua hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, CTDH; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, khoa Kinh tế và Bộ môn Tài chính - Ngân hàng đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTDH, hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.02.06]. Đây cũng chính là thực hiện việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Ngoài ra, trong các buổi Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm trao đổi chuyên môn, học thuật của khoa Kinh tế, các ý kiến của các giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín cũng được ngành Tài chính - Ngân hàng quan tâm đưa vào thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Việc điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra, CTDH có sự đối chiếu, tham khảo từ các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài [H10.10.02.07].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn một số điểm tồn tại sau:

- Một số học phần vẫn còn nặng về kiến thức lý thuyết, thiếu thực hành;
- Một số môn học chưa biên soạn giáo trình kịp thời để đáp ứng nhu cầu của người học. Hệ thống giáo trình, học liệu tham khảo sử dụng chủ yếu của các trường đại học trong nước;
- Nhà trường và Khoa chưa ban hành quy định cụ thể về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy. Việc cải tiến CTDH được căn cứ theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường và đề xuất của hội đồng khoa học Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Đề xuất với Nhà trường xuất bản các giáo trình phục vụ nhu cầu của người học từ năm học 2019-2020. - Lập danh mục học liệu, đề nghị Nhà trường mua thêm các giáo trình của một số trường đại học, xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho người học.	- Phòng CT CTHSSV; - TT ĐBCL; - TT TTTV Nguyễn Thúc Hào - Khoa Kinh tế	Hàng năm, kể từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiến hành rà soát, điều chỉnh việc phân bổ hợp lý thời lượng lý thuyết/thực hành ở các học phần trong CTĐT. - Đề nghị Nhà trường ban hành văn bản về quy trình thống nhất trong thiết kế và phát triển chương trình dạy học, tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, hàng năm tiến hành rà soát, đánh giá về quy trình này.	- Phòng Đào tạo; - Bộ phận ĐBCL Khoa	Hàng năm, từ năm 2020	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí 10.3: *Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra*

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra, quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng và chặt chẽ, như: (1) Các quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của người học và (2) Công tác triển khai rà soát, đánh giá đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của người học.

Thứ nhất, các quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của người học. Theo đó, Nhà trường có quy định cụ thể về kiểm tra, đánh giá quá trình dạy và học, kết quả học tập gồm các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CĐR, các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của người học [H10.10.03.01]. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 20%; điểm thi kết thúc học phần là 70%. Từ khóa 58 thực hiện việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc quy định trọng số của các học phần có sự thay đổi, cụ thể điểm đánh giá quá trình (bao gồm chuyên cần và hồ sơ học phần) chiếm tỷ trọng 50%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50%. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có qui định về trọng số điểm. Theo quy định, Giảng viên phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo

luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Một số học phần được tổ chức thi đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ theo hình thức Test online. Về quy trình chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp: (1) Trợ lý đào tạo của Khoa thu báo cáo thực tập tốt nghiệp của sinh viên, đồng thời yêu cầu nộp nhận xét của đơn vị thực tập về sinh viên thực tập; (2) Khoa và Bộ môn phân công cán bộ chấm thi 1 là giáo viên hướng dẫn và 1 cán bộ nữa là giáo viên chấm thi 2; (3) Cán bộ chấm rà soát và tổng hợp điểm của các báo cáo thực tập; (4) Bộ phận văn phòng vào điểm và công bố điểm cho sinh viên; (5) Phòng Thanh tra - Pháp chế và các bộ phận liên quan sẽ rà soát và kiểm tra xác suất việc cho điểm cũng như quá trình vào điểm của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá sinh viên [H10.10.03.04].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: trước khi kết thúc học kỳ, Trung tâm Đảm bảo chất lượng gửi đến Khoa danh sách và lịch các học phần cần ngân hàng đề thi mới và rà soát ngân hàng đề thi cũ (các môn tự luận), trong thời gian quy định, các giáo viên bộ môn gửi lại đề thi đã rà soát cho Trưởng Bộ môn, sau đó, Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi cho SV. Nội dung ngân hàng đề thi được giảng viên rà soát và đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa các kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Lịch thi đã được thông báo cho giảng viên ít nhất là 2 tuần trước khi môn thi đầu tiên bắt đầu. Vì vậy trên cơ sở đó, giảng viên dạy phải nộp điểm chuyên cần, giữa kỳ cho bộ phận văn phòng vào điểm.

Việc xây dựng cách thức kiểm tra đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra. Các học phần đều được quy định về phân nhiệm (PLO) chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, và xây dựng quy trình cách thức đánh giá bám sát các mục tiêu học phần và chương trình đào tạo; mỗi học phần xây dựng đề cương chi tiết có kèm theo các hình thức đánh giá, xây dựng bản đặc tả ma trận bám sát các mục tiêu học phần. Cách thức đánh giá bám sát theo các mục tiêu của thang đo Bloom được phân nhiệm trong mỗi học phần. Đối với kiểm tra đánh giá giữa kỳ thực hiện việc đánh giá theo trắc nghiệm khách quan mức 3 của thang đo Bloom (Biết

(Nhớ); Hiểu; Vận dụng), đánh giá cuối kỳ thực hiện cả 5 mức của thang đo Bloom (Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng, Phân tích; Đánh giá/ Sáng tạo). Tỷ lệ % giữa các mức đánh giá đảm bảo cân đối với yêu cầu của mục tiêu học phần. Các câu hỏi trong từng mức độ đảm bảo bám sát chuẩn đầu ra của học phần [H10.10.03.04].

Thứ hai, Công tác triển khai rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của người học. Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch đề ra và “các quy định về kiểm tra, đánh giá” Nhà trường và Khoa thực hiện việc rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR như:

Trên cơ sở kế hoạch của năm học được phê duyệt về kế hoạch dự giờ thăm lớp, kế hoạch giám sát kiểm tra mà Khoa và giảng viên phải thực hiện. Nhà trường thực hiện rà soát đề cương chi tiết môn học và thanh tra bài giảng của giảng viên, giám sát hoạt động giảng dạy của giảng viên. Mỗi học kỳ, Khoa Kinh tế thường tổ chức các cuộc họp giữa Ban chủ nhiệm Khoa, Trưởng Bộ môn, Quản lý học sinh sinh viên, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập và các cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của sinh viên cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá. Bộ môn Tài chính ngân hàng đã tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá đối với những giảng viên lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới và thường xuyên dự giờ các học phần giảng dạy trong CTĐT nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H10.10.03.02].

Hàng năm, sau mỗi đợt thi giữa kỳ và cuối kỳ, Trung tâm Đảm bảo chất lượng của Nhà trường làm nhiệm vụ thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra, thi về cho các khoa đảm nhiệm cũng như từng Bộ môn để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra/thi [H10.10.03.02].

Ngoài ra, Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Đào tạo và các Khoa đào tạo trong trường tổ chức các hội thảo, seminar trao đổi về công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra

đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng CTCT-HSSV của Nhà trường đều phối hợp cùng Khoa Kinh tế tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung giảng viên có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được sinh viên đánh giá cao. [H10.10.03.03]. Ngoài ra, thực hiện khảo sát các bên liên quan nhằm thu thập thông tin đánh giá chất lượng đào tạo, qua đó, có những điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập người học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản và có chất lượng. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Đại học Vinh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

Khoa Kinh tế chủ trương tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; Bộ môn Tài chính ngân hàng đã tổ chức tham dự giờ giảng của các giảng viên để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Đã sử dụng phần mềm chuyên dụng trong việc xử lý các câu hỏi kiểm tra/thi cũng như rà soát việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu mới chỉ thực hiện ở hệ sau đại học đối với luận văn thạc sĩ, chưa được thực hiện ở tất cả các học phần của hệ đại học.

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến người học, đồng nghiệp; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dạy - học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT và CDR chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện /hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện rà soát, trích dẫn tài liệu trong các bài thi, tiểu luận của sinh viên.	Khoa Kinh tế	Kể từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên hơn nữa để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra	- Phòng CTCT HSSV; - Bộ phận ĐBCL Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 10.4: *Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học*

1. Mô tả

Bên cạnh hoạt động dạy và học, NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cơ bản góp phần cải tiến việc dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. NCKH giúp giảng viên củng cố được kiến thức chuyên môn vừa có điều kiện mở rộng, hiểu biết nhiều hơn những kiến thức từ chuyên ngành khác. Bởi, khi tham gia NCKH sẽ giúp giảng viên lựa chọn thông tin, kiến thức, bổ sung thêm lượng kiến thức mới để hoàn thiện những kiến thức của chính mình. NCKH giúp giảng viên mở rộng được vốn kiến thức của mình và vận dụng những kiến thức lý luận ấy vào trong thực tiễn giảng dạy. Đồng thời NCKH còn giúp cho người giảng viên có được phong cách và phương

pháp làm việc khoa học, đặt các vấn đề trong một khung tác động đa chiều với cách nhìn khách quan, chính xác. Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động NCKH trong việc nâng cao chất lượng dạy - học: Hoạt động NCKH tại trường Đại học Vinh được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học thể hiện qua Chiến lược và kế hoạch trong từng giai đoạn, năm học của trường [H10.10.04.01]. Để thực hiện được nhiệm vụ NCKH, phát huy vai trò của NCKH trong đào tạo, Nhà trường và khoa Kinh tế đã có các quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác NCKH của giảng viên và SV. Hằng năm, giảng viên và SV của khoa tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học. Cùng giảng viên NCKH, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc học tập của mình. Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy - học [H10.10.04.03] [H10.10.04.04]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của giảng viên và người học trong toàn trường [H10.10.04.03] [H10.10.04.04]. Hằng năm, giảng viên khoa Kinh tế luôn tích cực tham gia viết bài cho các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nâng cao chất lượng, phương pháp giảng dạy; tổ chức hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học và tổ chức hội thảo quốc tế nhằm nâng cao tinh thần học hỏi giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn khoa với những giảng viên, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước [H10.10.04.03]. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn gắn với việc dạy và học. Các hoạt động NCKH được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa, của Trường. Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành nhiều. Số lượng và các loại nghiên cứu của giảng viên trong 5 năm học vừa qua [H10.10.04.03] thống kê cụ thể theo bảng 10.1. Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của người học tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng làm ví dụ minh họa cho sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu. [H10.10.04.03].

**Bảng 10.1: Các công trình khoa học đã công bố của Khoa Kinh tế
giai đoạn 2016 - 2021**

Năm học	Đề tài các cấp		Bài báo		Sách	
	<i>Cấp trường</i>	<i>Cấp Bộ</i>	<i>Trong nước</i>	<i>Nước ngoài</i>	<i>Giáo trình</i>	<i>Tham khảo, chuyên khảo</i>
2015-2016	6	1	100	4	-	2
2016-2017	13	1	47	2	3	-
2017-2018	4	1	58	9	1	-
2018-2019	3	2	52	7	2	
2019-2020	11	1	60	38	4	4
2020-2021						

Nguồn: Khoa Kinh tế - Trường Đại học Vinh

**Bảng 10.2: Một số đề tài được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập
ngành TCNH năm 2016-2020**

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ nhiệm đề tài
1	Nghiên cứu xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Tài chính - ngân hàng tiếp cận CDIO	2016	TS. Đặng Thành Cương
2	Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Phân tích tài chính doanh nghiệp cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng, khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh	2016	ThS. Đoàn Thị Ngọc Hân
3	Nghiên cứu mối quan hệ giữa cấu trúc tài chính và hiệu quả tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Nghệ An	2016	ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy
4	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức <i>Kiến thức tài chính - tiền tệ</i> theo tiếp cận CDIO	2018	TS. Nguyễn Thị Thu Cúc
5	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức <i>Kiến thức Ngân hàng</i> theo tiếp cận CDIO	2019	ThS. Bành Thị Thảo
6	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức <i>Kiến thức chứng khoán và thẩm định giá</i> theo tiếp cận CDIO	2019	ThS. Trần Thị Lưu Tâm
7	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức <i>Kiến thức Tài chính</i> theo tiếp cận CDIO	2019	TS. Hoàng Thị Việt

Nguồn: Khoa Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch năm học, các giảng viên luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học) [H10.10.04.02].

Hàng năm, trường thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên [H10.10.04.04] để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH đăng ký. Nội dung các đề tài NCKH của sinh viên ngành TCNH đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo nhằm giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH SV được thực hiện ở các tiểu ban do Hội đồng khoa học và đào tạo khoa đề xuất. Các đề tài tiêu biểu được báo cáo trong hội nghị NCKH SV. Căn cứ vào kết quả hội nghị NCKH SV, nhà trường xuất bản kỷ yếu NCKH của SV bao gồm các đề tài đạt giải tại các tiểu ban. Công tác NCKH của SV tiếp tục phát triển, số lượng đề tài tăng nhanh, chất lượng các đề tài tốt và tương đối đồng đều, số sinh viên tham gia ngày càng nhiều. Các đề tài của khoa Kinh tế trong năm năm gần đây đều đạt giải Nhất, Nhì trong hội nghị NCKH SV toàn trường. Có đề tài đạt giải trong cuộc thi Khởi nghiệp do Tỉnh Đoàn Nghệ An tổ chức [H10.10.04.04].

Trong hội nghị Khoa học công nghệ đã khẳng định tính tích cực của hoạt động NCKH đối với GV và SV cũng như sự đóng góp của nó vào việc dạy và học làm động lực để thúc đẩy hơn nữa chất lượng và hiệu quả NCKH. Kết quả khảo sát người học và giảng viên vào tháng 3/2018 cho thấy rằng NCKH đã tạo động lực cho sinh viên nâng cao chất lượng học tập và có ích cho công việc của người học khi tốt nghiệp.

Bên cạnh vai trò của hoạt động NCKH đối với sinh viên, NCKH có một vai trò quan trọng đối với chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Cụ thể hoạt động NCKH một mặt làm sáng tỏ vấn đề lý luận, mặt khác, thông qua hoạt động NCKH giúp mỗi giảng viên củng cố và mở rộng kiến thức chuyên môn, nâng cao nhận thức về kỹ năng phương pháp nghiên cứu. Hoạt động nghiên cứu thực tế giảng viên gắn lý luận với thực tiễn; từ đó khắc phục những thiếu hụt về kiến thức thực tiễn của giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

2. Điểm mạnh

Khoa Kinh tế có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như SV trong khoa phát huy tinh

thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học ngành Kinh tế. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Khoa Kinh tế chưa có giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài. Đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh còn ít.

Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín còn ít.

Chính vì vậy, sự đóng góp của NCKH cho hoạt động dạy và học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Hình thành các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo.	- Khoa Kinh tế	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Có chính sách khuyến khích, tạo động lực trong NCKH đối với các NCKH (viết bài đăng tạp chí Quốc tế có chỉ số ISI, SCI và Scopus, hội thảo khoa học bằng tiếng Anh,...) - Tăng cường các nghiên cứu ứng dụng, gắn với thực tiễn của địa phương.	- Trường Đại học Vinh, - Khoa Kinh tế	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 10.5: *Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến*

1. Mô tả

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập đã và đang được Nhà trường đánh giá định kì và cải tiến chất lượng. Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ và tiện ích, tạo điều kiện cho SV được tương tác thuận lợi với các chủ thể trong và ngoài trường, Nhà trường đã thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho người học là Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào; Trung tâm Dịch vụ; Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp; Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo; Trung tâm Công nghệ thông tin; Bộ phận một cửa. [H10.10.05.01].

Hàng năm, vào cuối mỗi học kỳ, Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Công tác chính trị HSSV tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đang học tập tại Khoa/ Viện về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích [H10.10.5.02]. Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của trường Đại học Vinh. Nhà trường đã xây dựng quy trình lấy ý kiến người học theo hình thức phiếu bằng giấy và hình thức trực tuyến. [H10.10.05.03]. 100% các học phần trong chương trình đào tạo đều được lấy ý kiến. Nhìn chung, sinh viên có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về các dịch vụ tiện ích phục vụ cho việc học [H10.10.5.04].

Hàng năm Nhà trường thành lập các tổ công tác kiểm kê phân loại, đánh giá tài sản, trang thiết bị [H10.10.05.05]. Từ kết quả đó, Nhà trường đã đưa ra những giải pháp cụ thể, cải tiến đối với cơ sở vật chất nhằm nâng cao các dịch vụ hỗ trợ tiện ích cho hoạt động dạy và học. Kế hoạch cải tiến sẽ được thực hiện định kỳ trong năm hoặc phòng Quản trị sẽ tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị cũ và lập dự toán mua sắm các trang thiết bị mới kịp thời khi có sự đề nghị từ phía các Khoa Viện và có báo cáo kiểm kê tài sản hàng năm [H10.10.05.06].

Cũng trong hoạt động đánh giá, từ năm học 2015-2016, Trung tâm Thông tin

Thư viện Nguyễn Thúc Hào đã phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, hội nghị bạn đọc Thư viện và tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc về tất cả các ngành. Hàng năm, Thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và bổ sung nguồn tài liệu phục vụ giảng viên và sinh viên [H10.10.05.07]. Hệ thống tài liệu tại Thư viện đảm bảo phục vụ cho giảng viên và sinh viên chuyên ngành Tài chính ngân hàng sử dụng khi nghiên cứu. Nhằm cải tiến chất lượng, nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Kipos) thay cho giải pháp sử dụng thư viện số ILIb. Trung tâm Thông tin - Thư viện đã thực hiện tham gia Liên hiệp thư viện, liên kết mua quyền truy cập sử dụng CSDL PROQUEST CENTRAL và liên kết khai thác CSDL điện tử với Trung tâm TTTV Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Học liệu trường Đại học Cần Thơ phục vụ tốt công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho cán bộ, giáo viên, học viên cao học và HSSV trường Đại học Vinh. [H10.10.05.08]

Về hệ thống công nghệ thông tin, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Hệ thống mạng Internet và Wifi được phủ sóng và sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường rất coi trọng công tác tin học hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lý. Nhà trường trang bị đầy đủ hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [H10.10.5.09]. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo CMC để đảm bảo tính chính xác trong quản lý thông tin cá nhân trong quá trình học tập cũng như đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Việc nâng cấp, bảo trì và ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin hiện đại phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện nâng cấp thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Trong tháng 7/2021 nhà trường đã phối hợp với Microsoft Việt Nam cung cấp và triển khai sử dụng phần mềm Office 365 Education nhằm cung cấp các dịch vụ tiện ích dựa trên công nghệ điện toán đám mây trong dạy và học [H10.10.5.10].

Đối với một số hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác, trung tâm DVHTSV & QHDN tổ chức định kỳ Ngày hội việc làm cho sinh viên hàng năm, chương trình tư vấn nghề

nghiệp, thực tập sinh tiềm năng cho ngành Kinh tế. Nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, Nhà trường đã xây dựng Trung tâm thực hành mô phỏng cho sinh viên [H10.10.05.11].

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở phân tích các kết quả đánh giá của sinh viên và giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, có thể rút ra một số điểm mạnh sau:

Nhà trường đã có các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Nhà trường đã thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, thường xuyên lắng nghe phản ánh của giảng viên và sinh viên về cơ sở vật chất của trường và sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.

Như vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện cải tiến chất lượng ở một số bộ phận dịch vụ hỗ trợ chưa thực sự toàn diện. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng quản trị cần rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt.	Phòng QT&ĐT Thư viện	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		Thư viện cần đầu tư mua thêm sách chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng và các tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo tiếp cận CDIO.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi học phần. Tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi các bên (người dạy, người học, nhà tuyển dụng)	Nhà trường và khoa Kinh tế	2021	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Thông tin phản hồi từ các bên liên quan đóng vai trò cốt yếu trong việc cải thiện chất lượng dạy học cũng như tăng cường các hoạt động hỗ trợ người học. Nhà trường và Khoa luôn xem hoạt động lấy ý kiến của các bên liên quan là hoạt động thường niên, không thể thiếu hàng năm và là nguồn thông tin chính thống nhằm phát hiện, giải quyết các vấn đề còn tồn đọng. Chính bởi vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường triển khai một cách có hệ thống, liên tục được đánh giá và cải tiến.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm mục tiêu đảm bảo và cải tiến chất lượng của người học được thực hiện có tính hệ thống cao. Nhà trường quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trong việc lấy ý kiến của các bên liên quan. Theo quy định, Phòng CTCTHSSV là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan trong cải tiến, phát triển chương trình dạy học và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.01]. Quy trình và các kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan được Trường Đại học Vinh ban hành với những hướng dẫn cụ thể, rõ ràng tới các bộ phận cũng như các đối tượng khảo sát [H10.10.06.02]. Nội dung lấy ý kiến phản hồi bao quát được các hoạt động của Nhà Trường, bao gồm lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với giảng viên, giáo viên; đối với cán bộ, viên chức hành chính; đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường [H10.10.06.02].

Thông tin được Nhà Trường thu thập từ nhiều hình thức và đa dạng các đối tượng thông qua việc đối thoại trực tiếp với sinh viên tại “Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và Sinh viên” & “Hội nghị dân chủ sinh viên”; lắng nghe ý kiến của cán bộ tại “Hội nghị cán bộ trẻ” & “Hội nghị công chức, viên chức”; trao đổi với nhà tuyển dụng tại “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, hàng năm Nhà Trường thực hiện lấy ý kiến của phụ huynh học sinh, cựu sinh viên,... [H10.10.06.03]. Việc đa dạng hoá hình thức thu thập (đối thoại trực tiếp, khảo sát trực tuyến dựa trên sự tích hợp ở phần mềm quản lý đào tạo CMC, gửi phiếu điều tra bản cứng, trao đổi nhóm, phản hồi online từ trang web, Facebook của Nhà trường và của khoa) đảm bảo thông tin được cập nhật nhanh chóng, khách quan, thiết thực và toàn diện [H10.10.06.04]. Dựa trên kế hoạch đã đề ra, Nhà trường thông báo chính thức tới các đơn vị liên quan, hướng dẫn cụ thể đến các đối tượng khảo sát và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H10.10.06.05].

Nhà trường và Khoa Kinh Tế tổ chức các đợt kiến tập, thực tập cho SV ngành Tài chính - Ngân hàng tại các nhà máy, doanh nghiệp. Đây cũng là một kênh hữu ích để Khoa thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng chương trình dạy học, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Khoa cũng chủ động lấy ý kiến người học thông

qua việc họp lớp hàng tháng với giáo viên chủ nhiệm nhằm phổ biến thông tin cho sinh viên, đồng thời khuyến khích sinh viên phát biểu ý kiến của mình. Ngoài việc lấy ý kiến các bên liên quan từ việc khảo sát người học, trong những năm gần đây, Khoa tổ chức thường niên các cuộc họp để vừa trao đổi thông tin, vừa lắng nghe ý kiến của cán bộ giảng viên và cán bộ hành chính [H10.10.06.06].

Ngành Tài chính - Ngân hàng cũng có những hoạt động thiết thực nhằm lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Một trong những hoạt động lấy ý kiến quy mô lớn đó chính là việc phát phiếu điều tra cho SV, GV, nhà khoa học, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm mục đích phát triển CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO [H10.10.06.07]. Ngoài ra, Ngành tổ chức các hoạt động kết nối giảng viên với sinh viên như hoạt động rèn nghề được tổ chức vào Tháng 3 hàng năm, các hoạt động kết nối doanh nghiệp với sinh viên như các hoạt động tham quan thực tế. Đây là những cơ hội để lắng nghe ý kiến của sinh viên và nhà tuyển dụng đối với hoạt động dạy và học nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc [H10.10.06.07].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến định kỳ. Phòng CTCTHSSV là đầu mối tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Kết quả lấy ý kiến phản hồi đã phản ánh tương đối khách quan, có độ tin cậy về các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.08]. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, đơn vị đầu mối (phòng CTCTHSSV) tổng hợp rõ ràng bằng văn bản và gửi kết quả khảo sát cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng đơn vị (hoặc Trưởng bộ môn) và GV giảng dạy để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học [H10.10.06.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức triển khai công tác góp ý quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động của nhà trường [H10.10.06.09].

Căn cứ vào kết quả thông tin thu thập được, ngành Tài chính - Ngân hàng phân tích và làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển CTDH. Ngành thường tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá lại, điều chỉnh, cải tiến các chương trình đào tạo, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ sinh viên. Cuộc họp không chỉ bàn luận về ý kiến khảo sát của người học mà còn là nơi trao đổi thẳng thắn ý kiến của giảng viên về công tác dạy học và các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.10]. Dựa trên nguyện vọng của người học, Ngành đã thành lập

câu lạc bộ Tài chính - là nơi trao đổi kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng và tổ chức các cuộc thi (Nhà tài chính so tài) nhằm tạo môi trường lành mạnh, bổ ích cho sinh viên khám phá và trải nghiệm.

Có thể thấy, trong những năm qua, Trường đã liên tục cải tiến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được. Nội dung khảo sát được cải tiến để phù hợp với CTĐT, hoạt động dạy học. Số lượng các câu hỏi ở phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy được giảm tải (từ 26 câu hỏi xuống còn 11 câu hỏi) nhưng vẫn đảm bảo sự súc tích, ngắn gọn, rõ ý và đầy đủ các nội dung cần khảo sát. Nhà trường bổ sung thêm các nội dung lấy ý kiến cụ thể về hoạt động gắn liền với người học như cơ sở vật chất, Trung Tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Thực hành - thí nghiệm. Đồng thời, Nhà trường chia ra hai nhóm khảo sát về các đơn vị hành chính: Nhóm 1 (bắt buộc người học phải cho ý kiến) là các đơn vị mà người học thường xuyên tiếp xúc, Nhóm 2 (chỉ dành cho người học có tiếp xúc) là các đơn vị mà người học ít có cơ hội tiếp xúc hơn [H10.10.06.04]. Sự thay đổi này vừa góp phần rút ngắn thời gian khảo sát cho người học vừa giúp Nhà trường phân loại, tập trung các vấn đề trọng điểm Nhà trường muốn cải thiện.

Tuy nhiên, một số sinh viên chưa thực hiện việc khảo sát nhưng phần mềm chưa thống kê, tổng hợp được; một số sinh viên có tư tưởng đối phó khi góp ý kiến, chưa thực hiện đúng quy trình, mục đích, yêu cầu, nội dung; các ý kiến góp ý còn chưa thực sự mang tính xây dựng. Đây chính là những hạn chế mà Nhà trường cần cải thiện trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống với đa dạng đối tượng và hình thức khảo sát một cách công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức & thông tin thu thập được từ các bên liên quan cũng như liên tục được cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông

tin. Một số người học chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện lấy ý kiến người học nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó) việc khảo sát giảng viên theo quy định của Nhà trường nhưng phần mềm CMC chưa thống kê, tổng hợp được.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường phân tích các thông tin phản hồi về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin	Phòng CTCT HSSV	Từ năm 2021	
		Tăng cường tuyên truyền cho người học về trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính	Phòng CTCT HSSV, Khoa/Viện	Từ năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi học phần.	Phòng CTCT HSSV	Từ năm 2021	
		Tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi các bên (người dạy, người học, nhà tuyển dụng)	Phòng Công tác CT HSSV, Khoa Kinh Tế	Từ năm 2021	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Việc đảm bảo chất lượng và nâng cao chất lượng đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng đã được Nhà trường và khoa Kinh tế thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc thiết kế CTDH được căn cứ vào mục tiêu và CĐR ngành Tài chính - Ngân hàng và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường; thông tin phản hồi từ các bên liên quan là căn cứ để Nhà trường tiến hành điều chỉnh, cải tiến CTĐT; thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Bên cạnh đó, quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CĐR. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt kết quả tốt nhất. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 10:

- Số điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,3/7
- Số tiêu chí đạt: 6/6
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 11

KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Tài chính - Ngân hàng là ngành đào tạo thu hút được sự quan tâm của người học, nhu cầu sử dụng lao động có trình độ đại học ở ngành này ngày càng tăng. Đánh giá kết quả đầu ra có vai trò quan trọng trong hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Việc đánh giá kết quả đầu ra của quá trình đào tạo được coi là thông tin rất quan trọng giúp Nhà trường cải tiến chất lượng, hoạt động ĐBCL và hệ thống ĐBCL.

Kết quả đầu ra quan tâm đến mức độ đạt được các CĐR, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả NCKH của người học. Đây là những chỉ số đầu ra quan trọng của quá trình đào tạo, thể hiện hiệu quả của toàn bộ quá trình đào tạo.

Tiêu chí 11.1: *Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

1. Mô tả

Nhà trường quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong việc xác lập tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của người học ngành Tài chính - Ngân hàng [H11.11.01.01]. Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối trong việc xác lập tỉ lệ thôi học. Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng xét thôi học, học tiếp, cảnh báo kết quả học tập cho người học với quy trình chặt chẽ từ Hội đồng cấp Khoa/Viện, đến Hội đồng cấp trường. Trên cơ sở số liệu tổng hợp từ phòng CTCT-HSSV, biên bản họp Hội đồng cấp khoa, Nhà trường ra quyết định kỷ luật sinh viên (buộc thôi học) và quyết định cho sinh viên thôi học [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn được xác lập thông qua đơn vị đầu mối là Phòng đào tạo của Nhà trường. Quy trình xét công nhận tốt nghiệp cho người học được tổ chức chặt chẽ. Định kỳ, căn cứ vào kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp của Nhà trường, Hội đồng cấp Khoa họp rà soát điều kiện tốt nghiệp cho người học, chuyển kết quả về phòng Đào tạo; phòng Đào tạo phối hợp cùng trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan tiến hành tổng hợp và trình Hội đồng xét tốt nghiệp cấp trường [H11.11.01.03]. Hệ thống dữ liệu người học thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng kỳ học, được theo dõi, quản lý tại

Khoa, các phòng/ban đầu mối và trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (CMC) [H11.11.01.02], [H11.11.01.04].

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học ngành Tài chính - Ngân hàng được Khoa và Nhà trường thường xuyên đánh giá, phân tích nguyên nhân và giám sát để cải tiến chất lượng. Chuyên viên văn phòng khoa, trợ lý QLSV, trợ lý đào tạo, cố vấn học tập và hệ thống giáo viên chủ nhiệm lớp là các bộ phận hỗ trợ cho Khoa trong việc xác lập, đánh giá và giám sát các chỉ tiêu này [H11.11.01.05]. Trong từng đợt xét thôi học, cảnh báo kết quả học tập tại Khoa, trợ lý QLSV thực hiện thống kê danh sách, nêu lý do thôi học của từng sinh viên. Trên cơ sở đó Hội đồng cấp Khoa đánh giá, phân tích nguyên nhân thôi học và đưa ra các biện pháp nhằm hạn chế tỉ lệ thôi học. Đối với công tác xét tốt nghiệp cho từng khóa học, Khoa cũng đã đưa ra tỉ lệ tốt nghiệp, đánh giá, phân tích và tìm nguyên nhân chậm tốt nghiệp của người học [H11.11.01.06]. Hiện nay, Khoa và Nhà trường chưa đưa ra các dự báo về xu hướng tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng.

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng, trường Đại học Vinh đã được đối sánh giữa các khóa đào tạo, giữa CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng với CTĐT các ngành khác trong Trường [H11.11.01.07].

Kết quả xác lập và giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học ngành Tài chính - Ngân hàng trong giai đoạn 2016 - 2020 được phản ánh thông qua bảng 11.1 và 11.2 sau đây:

**Bảng 11.1. Tỷ lệ sinh viên thôi học giai đoạn 2016-2020
ngành Tài chính - Ngân hàng**

TT	Năm tuyển sinh (khóa đào tạo)	SL SV nhập học	Tỉ lệ SV thôi học %	Trong đó, tỉ lệ thôi học (%)			
				Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4 và tiếp theo
1	2016 (Khóa 57)	56	14.29	0	10.71	3.58	-
2	2017 (Khóa 58)	66	9.09	6.06	3.03	0	-
3	2018 (Khóa 59)	76	3.95	1.32	2.63	-	-
4	2019 (Khóa 60)	72	-	-	-	-	-
5	2020 (Khóa 61)	92	-	-	-	-	-

Nguồn: Phòng Công tác Chính trị - HSSV

Bảng 11.1 cho thấy: Giai đoạn 2016 - 2020, tỉ lệ sinh viên thôi học tính trên tổng số nhập học từ khóa K57 đến khóa K61 dao động trong khoảng từ 3.95% đến 14.29%. Diễn biến theo năm học cho thấy năm thứ nhất và năm thứ hai có số lượng sinh viên thôi học nhiều hơn và giảm dần qua các năm sau.

Bảng 11.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2016-2020
ngành Tài chính - Ngân hàng

TT	Khóa (niên khóa)	SL SV nhập học	Tỷ lệ SV tốt nghiệp %	Trong đó, tỷ lệ tốt nghiệp (%)			
				Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6 trở đi
(A)	(B)	(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khóa 53 (2012- 2016)	237	84.39	0	79.32	3.8	1.27
2	Khóa 54 (2013- 2017)	176	77.27	0	71.02	4.55	1.7
3	Khóa 55 (2014- 2018)	148	82.43	0	74.32	6.76	1.35
4	Khóa 56 (2015- 2019)	159	72.96	0	65.41	7.55	-
5	Khóa 57 (2016- 2020)	56	64.29	0	62.5	1.79	-

Nguồn: Phòng Đào tạo

Bảng 11.2 cho thấy: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp toàn khóa của ngành Tài chính - Ngân hàng tính đến thời gian học tối đa (6 năm) trong giai đoạn từ khóa học K53(2012 - 2016) đến khóa học K57(2016 - 2020) đạt từ 64.29% đến 84.39%. Trong đó, tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn (năm thứ 4) chiếm tỷ lệ lớn, đạt từ 62.5% (đối với K57) đến 79.32% (đối với K53). Điều này chứng tỏ Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều biện pháp thường xuyên, tích cực hỗ trợ người học hoàn thành chương trình đào tạo, đã thực hiện giám sát và cải tiến kết quả đào tạo của ngành Tài chính - Ngân hàng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ sinh viên đến cấp Khoa/Viện, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học nhằm mục đích cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

- Chưa thực hiện những đối sánh về tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học giữa ngành Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Vinh với CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng của các trường đại học trong nước và quốc tế.

- Chưa thực hiện phân tích, dự đoán xu hướng tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thực hiện phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2020 - 2021, do Khoa kinh tế (đầu mối) phối hợp với phòng CTCT-HSSV.	- Phòng CT CTHSSV; - Khoa Kinh tế	Năm 2021	
		- Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học với ngành Tài chính - Ngân hàng của các trường đại học trong nước và quốc tế từ năm học 2020 - 2021, do Khoa Kinh tế làm đầu mối.	- Khoa Kinh tế	Năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	- Ban hành Sổ tay nghiệp vụ về sinh viên thôi học, chậm tốt nghiệp từ năm học 2020 - 2021, do Trung tâm ĐBLC làm đầu mối	- TT ĐBCL; - Khoa Kinh tế	Năm 2021	
		Khoa Kinh tế ban hành nhật ký tư vấn cho người học sau khi thôi học (Phòng CT CTHSSV hỗ trợ) từ năm học 2020 - 2021.	- Phòng CT CTHSSV; - Khoa Kinh tế	Năm 2021	
		- Nâng cấp phần mềm hệ thống thông tin để tăng cường giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2020 - 2021, do Trung tâm CNTT chủ trì.	- TT CNTT; - Bộ phận ĐBCL Khoa	Năm 2021	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Từ năm 2008, khoa Kinh tế bắt đầu thực hiện quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo tín chỉ, đến năm 2017 đào tạo theo tín chỉ tiếp cận CDIO. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học của sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng được quy định trung bình 4 năm, tối thiểu là 3 năm và tối đa không quá 6 năm để tốt nghiệp [H11.11.02.01]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của từng khóa học được Ngành thường xuyên thiết lập và giám sát nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học [H11.11.02.02]. Do đó, trong năm học gần đây, số lượng sinh viên tốt nghiệp là 610 sinh viên, chiếm đến 78,6% số lượng sinh viên toàn Ngành. Trong đó, có 562 SV (chiếm 72,42%) hoàn thành chương trình và được cấp bằng đúng thời hạn, 48 SV (chiếm 6,19%) tốt nghiệp sau 4 năm đào tạo, thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,08 năm như thống kê chỉ ra trong Bảng 11.3 [H11.11.02.03]

**Bảng 11.3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2016-2020
ngành Tài chính - Ngân hàng**

TT	Khoá (niên khoá)	SL SV nhập học	SL SV tốt nghiệp	Thời gian TN trung bình	Trong đó, số lượng SV tốt nghiệp (%)			
					Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6
(A)	(B)	(1)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Khoá 53 (2012-2016)	237	200	4,08	0	188	9	3
2	Khoá 54 (2013-2017)	176	136	4,10	0	125	8	3
3	Khoá 55 (2014-2018)	148	122	4,11	0	110	10	2
4	Khoá 56 (2015-2019)	159	116	4,10	0	104	12	0
5	Khoá 57 (2016-2020)	56	36	4,02	0	35	1	0
	Cộng	776	610	TB: 4,08	0	562	40	8

Nguồn: Phòng Đào tạo

Để giám sát và cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học, Nhà trường và Khoa đã thực hiện thống kê tình hình kết quả học tập của người học, tìm hiểu và phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn để hỗ trợ kịp thời người học

nhằm giảm tối đa thời lượng học tập [H11.11.02.04]. Trên cơ sở phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp, Khoa đã thực hiện một số biện pháp nhằm cải tiến thời gian tốt nghiệp của người học. Đầu mỗi kỳ học, Khoa gửi thông báo đến những sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập, tổ chức gặp các em để tư vấn, hướng dẫn cụ thể tiến trình học tập, phương pháp học tập hiệu quả, lựa chọn môn học phù hợp,... [H11.11.02.05]. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên tổ chức Hội nghị học tốt để định hướng phương pháp học tập hiệu quả cho SV, thành lập câu lạc bộ Tài chính đồng thời tăng cường hoạt động thực tế nhằm kích lệ lòng yêu nghề, tạo môi trường bổ ích để tăng cường chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho SV [H11.11.02.06]. Những biện pháp trên phần nào đã cải tiến được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, cụ thể thời gian tốt nghiệp trung bình giảm từ 4,11 năm (khoá 55) xuống còn 4,02 năm (khoá 57).

Đối với SV có hoàn cảnh đặc biệt, SV dân tộc thiểu số (SV nước ngoài) theo học ngành Tài chính - Ngân hàng, do sự khác biệt trình độ của bậc học phổ thông so với SV Việt Nam hoặc rào cản ngôn ngữ nên nhiều em gặp khó khăn trong học tập. Trường và Ngành đã kịp thời có các giải pháp hỗ trợ như: miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; phân công các SV Việt Nam hỗ trợ học tập với tinh thần tình nguyện, vừa giúp học tiếng Việt, vừa hỗ trợ học chuyên môn; các giảng viên tăng cường quan tâm giúp đỡ trong quá trình học tập, phụ đạo thêm ngoài giờ,... Biện pháp tương tự cũng đã được áp dụng với một số SV dân tộc thiểu số thuộc diện cử tuyển, nên đã có tác dụng tích cực trong việc cải thiện kết quả học tập của sinh viên [H11.11.02.07].

Bảng 11.4. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của người học giữa các CTĐT trong Trường Đại học Vinh

Khoá	Tài chính - Ngân hàng %	Kế toán		Quản trị kinh doanh		Giáo dục mầm non		Sư phạm hoá học	
		Tỷ lệ TN (%)	Chênh lệch %	Tỷ lệ TN (%)	Chênh lệch %	Tỷ lệ TN (%)	Chênh lệch %	Tỷ lệ TN (%)	Chênh lệch %
(A)	(1)	(2)	(3=1-2)	(4)	(5=1-4)	(6)	(7=1-6)	(8)	(9=1-8)
Khoá 53 (2012-2016)	79,3	69	+10,3	77,3	+2	97,0	-17,7	84,7	-5,4
Khoá 54 (2013-2017)	71,0	57,2	+13,8	67,4	+3,6	91,9	-20,9	94,4	-23,4
Khoá 55 (2014-2018)	74,3	83,2	-8,9	59,7	+14,6	92,4	-18,1	100	-25,7
Khoá 56 (2015-2019)	65,4	77,9	-12,5	-	-	83,3	-17,9	94,9	-29,5
Khoá 57 (2016-2020)	62,5	69,4	-6,9	-	-	71,4	-8,9	-	-

Nguồn: Phòng Đào tạo

Theo số liệu bảng 11.4, trong 5 năm gần đây, Ngành Tài chính - Ngân hàng có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn khá cao, duy trì ổn định so với các khối ngành Kinh Tế khác như ngành Kế Toán và Quản trị kinh doanh. Đặc biệt, từ khoá 53 đến khoá 55, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn nằm trong khoảng từ 70-80%. Tuy nhiên, so với các ngành khác như Giáo dục mầm non, Sư phạm hoá học thì tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của Ngành vẫn thấp hơn và đang có xu hướng giảm [H11.11.02.08]. Đây là một trong những cơ sở để Ngành thiết kế CTĐT phù hợp hơn để sinh viên có thể tốt nghiệp sớm và đúng với thời gian đào tạo cho các khóa học bắt đầu từ năm học 2020-2021.

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập và giám sát, được đối sánh giữa các khóa đào tạo. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát người học được triển khai đồng bộ, kịp thời. Các hoạt động tổng kết, đánh giá hiệu quả hỗ trợ người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định.

3. Điểm tồn tại

- Chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên chậm tốt nghiệp.
- Ngành cần có những phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên và rà soát, điều chỉnh phù hợp về CTĐT để SV có thể tốt nghiệp sớm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên ngành TCNH - Rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp - Sử dụng công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân	- Trợ lý đào tạo - Hội đồng đào tạo khoa - Phòng Đào tạo	Từ năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của người học đảm bảo tỉ lệ tốt nghiệp sớm và tốt nghiệp đúng hạn cao	- TL QLSV - TL Đào tạo - Cố vấn học tập	Từ năm 2021	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Để hỗ trợ người học sau tốt nghiệp và có thông tin phản hồi nhằm cải tiến chất lượng, Nhà trường đã triển khai thực hiện việc điều tra khảo sát SV sau tốt nghiệp [H11.11.03.02], giao chủ trì đầu mối thực hiện là Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, đồng thời phân cấp đến Khoa/Viện chỉ đạo trực tiếp các bộ phận chức năng tiến hành thu thập thông tin việc làm của 100% SV sau khi ra trường trong vòng 6 tháng và 1 năm theo quy định [H11.11.03.01]. Kết quả điều tra hàng năm được báo cáo cho Bộ GD&ĐT [H11.11.03.02].

Bảng 11.5. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp Ngành Tài chính - Ngân hàng

Năm tốt nghiệp	Số lượng SV được Khảo sát	Số lượng SVTN có việc làm	Tỷ lệ (%)	Khu vực làm việc (%)			
				Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh	Tự tạo VL
2016	229	153	68,56	5,2	88,9	4,6	1,3
2017	143	119	83,9	9,2	70,6	10,9	9,2
2018	129	109	84,5	57,8	30,3	0	11,9
2019	94	77	81,91	8,5	66	3,2	3,2

Nguồn: Trung tâm DV, HTSV&QHDN- Trường Đại học Vinh

Kết quả khảo sát có thể thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng trường Đại học Vinh có việc làm là khá cao, chủ yếu làm việc trong khu vực tư nhân. Trong đó sinh viên có việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo với tỷ lệ bình quân 79,7%. Nhà trường và Khoa cũng đã tiến hành đối sánh tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm với các cơ sở giáo dục khác để cải tiến chất lượng [H11.11.03.03].

Để nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng tìm việc làm của SV sau tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa/Viện đã có nhiều biện pháp tích cực và thường xuyên như:

+ Tổ chức các khóa huấn luyện kỹ năng mềm với các chuyên gia có uy tín trong nước, tổ chức các chương trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, tổ chức các chương trình tham quan thực tế doanh nghiệp, khuyến khích hoạt động của các Câu lạc bộ Tài chính, Khởi nghiệp [H11.11.03.04].

+ Thường xuyên phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp tổ chức các diễn đàn tư vấn về tuyển dụng, hội thảo nghề nghiệp, hội chợ việc làm, chương trình tuyển thực tập viên tiềm năng, ra mắt Cổng thông tin việc làm cho sinh viên [H11.11.03.05].

+ Thiết lập hệ thống thông tin hai chiều giữa nhà trường với các doanh nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; Hợp tác triển khai xây dựng và chuyển giao mô hình thực hành cho sinh viên các ngành Kinh tế; Tổ chức các hoạt động liên kết với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng về việc tiếp nhận người học thực tập tại doanh nghiệp/đơn vị liên kết. [H11.11.03.06].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học.

Phần lớn sinh viên sau khi tốt nghiệp được làm đúng ngành nghề, làm tốt công việc được giao và hài lòng về mức thu nhập.

3. Điểm tồn tại

Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm nhưng đang còn ít đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và thêm nhiều đối sánh.	- Trung tâm DV, HTSV&QHDN - Khoa Kinh tế	Hàng năm, kể từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi, cung cấp và hỗ trợ thông tin việc làm cho SV đã tốt nghiệp.	- Trung tâm DV, HTSV&QHDN - Khoa Kinh tế	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hoạt động NCKH của sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và khoa Kinh tế. Hội đồng khoa học khoa, bộ môn kết hợp với phòng KH&HTQT chuyên trách quản lý, theo dõi và giám sát hoạt động NCKH của người học [H11.11.04.01]. Các quy định về đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH, hồ sơ đánh giá sản phẩm nghiên cứu được quy định cụ thể [H11.11.04.02], [H11.11.04.06].

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng bao gồm các đề tài NCKH được nghiệm thu, tham gia các sinh hoạt học thuật như seminar khoa học của bộ môn, các buổi bảo vệ luận văn thạc sĩ, báo cáo khoa học của các đề tài nghiên cứu, tham gia viết bài công bố trên các tạp chí khoa học, đồ án môn học. Hàng năm, Khoa giao cho các bộ môn triển khai công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên, tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH cấp khoa, lựa chọn những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Trường [H11.11.04.03], [H11.11.04.04].

Bảng 11.6. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng

TT	Loại hình NCKH	2016		2017		2018		2019		2020	
		SL	SL SV tham gia	SL	SL SV tham gia	SL	SL SV tham gia	SL	SL SV tham gia	SL	SL SV tham gia
1	Đề tài cấp Trường	1	3	0	0	1	3	1	5	1	5
2	Bài báo được công bố	0	0	0	0	0	0	0	0	3	10
3	Giải thưởng NCKH	0	0	0	0	1	3	1	5	1	5

Nguồn: Khoa Kinh tế tổng hợp

Nhà trường và khoa cũng đã thực hiện đối sánh về loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học giữa các ngành trong trường và với ngành Tài chính - Ngân hàng của các trường đại học trong nước [H11.11.04.05].

Trường Đại học Vinh đã xây dựng chiến lược phát triển KHCN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường. Các đề xuất NCKH phù hợp với khả năng của người học và phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường [H11.11.04.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chiến lược cụ thể về hoạt động NCKH. Các quy định, hướng dẫn về quá trình thực hiện cũng như đánh giá đề tài rõ ràng, cụ thể. Các đề xuất NCKH phù hợp với khả năng của người học.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH chưa cao, nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên quy mô các đề tài còn nhỏ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường nguồn lực cho hoạt động NCKH của người học.	- Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC - Khoa Kinh tế	Hàng năm, từ năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các đề xuất NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với chiến lược phát triển KHCN của nhà trường.	- Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC - Khoa Kinh tế	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Tiêu chí 11.5: *Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

1. Mô tả

Tổ chức các hội nghị CB, viên chức và Hội nghị CB chủ chốt là hoạt động hàng năm của Nhà trường nhằm lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới để cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đối với công tác tổ chức và quản lý đào tạo [H11.11.05.01]. GV và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị CB viên chức và tham gia đối thoại với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Phòng, Ban để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của CB trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các CB GV của các đơn vị trong đó có đóng góp ý kiến của khoa Kinh tế.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tổ chức Hội nghị dân chủ sinh viên, hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và sinh viên, đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn thể sinh viên, góp phần khai thông thông tin, giúp Khoa và các đơn vị liên quan kịp thời xử lý, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn công tác đào tạo của Nhà trường [H11.11.05.02].

Mỗi học kỳ, Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [H11.11.05.03]. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2018, Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo và thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của các bên liên quan đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017-2018 tại trường Đại học Vinh [H11.11.05.04].

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Quản lý SV khoa [H11.11.05.05]. Từ đó, bộ phận chức năng của Khoa tổng hợp ý kiến để báo cáo BCN khoa, Hội đồng KHĐT của Khoa và các Bộ môn nhằm áp đề xuất các giải pháp kịp

thời để cải tiến chất lượng đào tạo và phản hồi tới người học.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CĐR của CTĐT [H11.11.05.06] để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

Trường và Khoa hàng năm cũng tiến hành khảo sát vị trí việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng. [H11.11.05.07].

Bảng 11.7. Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong 5 năm gần đây

	Khoá 53 (2012- 2016)	Khoá 54 (2013- 2017)	Khoá 55 (2014- 2018)	Khoá 56 (2015- 2019)	Khoá 57 (2016- 2020)
1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	35/186 (18,8%)	28/143 (19,6%)	28/129 (21,7%)	29/95 (24,2%)	-
2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm ít hơn 3 tháng (%).	53/186 (28,5%)	71/143 (49,7%)	65/129 (50,4%)	42/95 (44,2%)	-
3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung từ 3-6 tháng (%).	19/186 (10,2%)	15/143 (10,5%)	12/129 (9,3%)	9/95 (9,5%)	-
4. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	7/186 (3,8%)	5/143 (3,5%)	4/129 (3,1%)	3/95 (3,2%)	-

Nhìn chung, đa số các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của SV ngành Tài chính - Ngân hàng, chủ yếu là có thể làm ngay hoặc đào tạo bổ sung thời gian ngắn (dưới 6 tháng) để phù hợp với đặc trưng và kỹ năng nghề của từng đơn vị cụ thể. Tuy nhiên, nhà tuyển dụng cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV ngành. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng.

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH.

Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của Ngành.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động đối sánh chưa được thực hiện thường xuyên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trung tâm HTSV&QHĐN tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho Khoa các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng;	- Trung tâm HTSV&QHĐN - Phòng CTCT-HSSV; - Khoa Kinh tế.	Tháng 7/2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện định kỳ, thường xuyên và xử lý đầy đủ thông tin phản hồi cho mục đích cải tiến chất lượng CTĐT và nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của nhà trường	Bộ phận ĐBCL, các GV Khoa/Viện		

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhà trường có hệ thống quản lí và hỗ trợ người học đến cấp Khoa/viện, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học và CB, GV, có quy định rõ ràng về xử lí thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT. Những năm gần đây, việc khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV đã được quan tâm và thực hiện thường xuyên.

Khoa Kinh tế rất chú trọng đến việc tạo điều kiện về không gian và thời gian, cơ sở vật chất, phòng thực hành và tổ chức nhóm nghiên cứu để SV tham gia các hoạt động NCKH. Tuy nhiên, việc thu thập ý kiến phản hồi của cựu SV, nhà tuyển dụng còn chưa được nhiều.

Kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 11:

- Số điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,4/7
- Số tiêu chí đạt: 5/5
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Ngành Tài chính - Ngân hàng, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh đã triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo. Đây là hoạt động được Nhà trường triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên trong Trường nói chung và khoa Kinh tế nói riêng. Để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với tầm nhìn trường đại học trọng điểm, thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á thì việc đánh giá các chương trình là tất yếu, trong đó có ngành Tài chính - Ngân hàng nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì.

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy

- Mục tiêu CTĐT của ngành Tài chính - Ngân hàng được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học; được xác định và mô tả rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; được định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung. CĐR của CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng được xác định rõ ràng làm căn cứ để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Hoạt động dạy học và đánh giá kết quả người học được xác định rõ ràng bởi các kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng, thái độ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. CĐR của CTĐT đã được xây dựng một cách khoa học, có chú trọng đến ý kiến đóng góp của các bên liên quan. CĐR cơ bản phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có nhấn mạnh đến vị trí việc làm và khả năng học tập của người học sau khi tốt nghiệp. CĐR được công bố công khai rộng rãi là cơ sở để sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học, phản ánh sứ mạng của Nhà trường.

- Bản mô tả CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng dạy, hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản mô tả CTĐT ngành TCNH cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội.

- Các học phần trong CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận môn học - CĐR và phân nhiệm ma trận ITU. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

- Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng và

phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và người học nắm rõ trên hệ thống website của nhà trường. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên và người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận CDIO từ khóa đào tạo thứ 58 của nhà trường.

- Khoa Kinh tế đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của sinh viên cũng như việc thực tập, thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp bên ngoài. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của bộ môn Tài Chính - Ngân Hàng thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tính tích cực, sáng tạo của người học, phát triển năng lực học sinh, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra.

- Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa Kinh tế đưa ra đã tạo động lực cho SV Tài chính - Ngân hàng rèn luyện các kỹ năng, giúp SV có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho SV tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình. Giảng viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

- Việc đánh giá kết quả học tập của ngành Tài chính - Ngân hàng đảm bảo tính phù hợp với CDR của học phần cũng như CDR của CTĐT. Những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong thực tiễn công việc được giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và đồng thời có những điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn công việc của người học sau khi tốt nghiệp. Kế hoạch và các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp đánh giá, các quy trình đánh giá được thiết kế khoa học dựa trên CDR, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

- Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Nhà trường luôn chú trọng công tác đo lường, giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng công việc của GV theo định kỳ, làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá cụ thể về năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Đồng thời, hoạt động đánh giá được tổ chức thường xuyên (hàng năm) dựa trên các tiêu chí có sẵn. Như vậy, năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, nhất quán, công bằng. Việc thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không

ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo,...).

- Trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường; Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc. Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức, quy định bổ nhiệm của Nhà trường được xác định và phổ biến công khai. Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

- Trường Đại học Vinh có bề dày về kinh nghiệm tuyển sinh và công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; mục tiêu đào tạo được công khai các chính sách tuyển sinh ngành Tài chính - Ngân hàng được xác định rõ ràng và cập nhật thường xuyên, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Có các hình thức quảng bá tuyển sinh phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Khoa

- Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học. Các hoạt động tư vấn học tập được bộ môn Tài chính - Ngân hàng triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của sinh viên; bên cạnh đó các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa được SV ngành Tài chính - Ngân hàng hưởng ứng tích cực; giúp sinh viên phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

- Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Có phòng thực hành riêng cho ngành Tài chính - Ngân hàng, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành Tài chính ngân hàng.

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

- Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

- Trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trường có Trạm y tế đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho giảng viên và sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng và toàn trường nói chung.

- Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Hoạt động lấy ý kiến sinh viên về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm. Khoa đã có hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của sinh viên. Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập người học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản và có chất lượng. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Đại học Vinh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

- Khoa Kinh tế chủ trương tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; Bộ môn Tài chính - Ngân hàng đã tổ chức tham dự giờ giảng của các giảng viên để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Khoa Kinh tế có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học ngành Kinh tế. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công

bổ trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống với đa dạng đối tượng và hình thức khảo sát một cách công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức & thông tin thu thập được từ các bên liên quan cũng như liên tục được cải tiến.

- Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học. Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH.

- Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của Ngành.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

- Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu CTĐT còn hạn chế. Quá trình khảo sát thị trường lao động chưa được toàn diện, rộng rãi, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

- Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước nhưng chưa nhiều và thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú. Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà quản lý, doanh nghiệp vẫn chưa thực sự được họ chú ý và quan tâm để góp ý cho chương trình đào tạo.

- Do CTDH mới được xây dựng theo tiếp cận năng lực (CDIO) từ Năm học 2016-2017 nên vẫn còn có sự chông chéo về kiến thức giữa một vài môn học để đáp ứng CĐR. Có môn học phục vụ quá nhiều CĐR và cũng còn một số CĐR có ít môn học đảm nhiệm

- Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa đôi khi chưa hiệu quả tới các bên liên quan. Sinh viên tham gia vào quá trình học còn có thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực, đây là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học.

- Việc cho sinh viên có môi trường tiếp xúc với thực tế các doanh nghiệp thời gian còn ngắn và chủ yếu là giai đoạn cuối của khóa học; Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá kết quả học tập tuy đa dạng nhưng chưa được thực hiện thường xuyên

trong suốt học kỳ (mới chỉ tập trung khảo sát vào thời điểm đầu kỳ học và cuối kỳ học).

- Chưa tổ chức khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học. Việc đánh giá độ giá trị, độ tin cậy còn chưa thực sự có tính chuyên nghiệp.

- Việc thông báo kết quả học tập của người học đến gia đình vào cuối mỗi năm học chưa thực sự phát huy được hiệu quả của việc cung cấp kết quả học. Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh chóng.

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.

- Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế, Số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn ít.

- Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tăng dần theo từng năm nhưng vẫn còn ít so với chi cho các đối tượng khác

- Nhà Trường chưa có quy trình xây dựng tiêu chí và PP tuyển chọn người học trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Tiêu chí, PP tuyển chọn người học, trong đó có người học của CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng chưa được rà soát, đánh giá hàng năm.

- Do cơ hội tìm kiếm việc làm của sinh viên ngành Tài chính ngân hàng trong thời điểm hiện tại là cao, nhu cầu xã hội đáp ứng tốt việc tuyển dụng việc làm cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng nên Khoa và Bộ môn chưa quá chú trọng công tác hỗ trợ và tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.

- Cần có thêm nhiều phòng tự học ở các giảng đường cho sinh viên. Ngành Tài chính ngân hàng chưa có phòng sinh hoạt riêng, phòng semina số lượng còn ít, cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

- Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của sinh viên, giảng viên ngành Tài chính - Ngân hàng chưa đa dạng, Tốc độ mạng internet tại các phòng học máy tính còn chưa ổn định, đôi lúc còn gây gián đoạn hoạt động đào tạo của giảng viên và người học.

- Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến người học, đồng nghiệp; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dạy - học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT và CDR chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học.

- Việc thực hiện cải tiến chất lượng ở một số bộ phận dịch vụ hỗ trợ chưa thực sự toàn diện. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

- Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin. Một số người học chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện lấy ý kiến người học nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó) việc khảo sát giảng viên theo quy định của Nhà trường nhưng phần mềm CMC chưa thống kê, tổng hợp được. Chưa thực hiện phân tích, dự đoán xu hướng tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, Chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên chậm tốt nghiệp.

- Chưa có những phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên và rà soát, điều chỉnh phù hợp về CTĐT để SV có thể tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH chưa cao, nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên quy mô các đề tài còn nhỏ.

3. Kế hoạch hành động

Khắc phục những tồn tại ở trên, nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng thì cần thiết phải thực hiện một số nội dung sau:

- Tiến hành khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn đối với các bên liên quan. Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động tích cực hơn. Tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả chương trình đào tạo từ phía doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các đơn vị sử dụng lao động cụ thể mời chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo và kết quả đầu ra của sinh viên.

- Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CDR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT:

+ Hàng năm, Khoa cần xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình và công cụ; điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát; bổ sung phương pháp khảo sát. Mở rộng quy mô khảo sát đặc biệt chú trọng lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động;

+ Căn cứ vào kế hoạch xây dựng và phát triển CDR, CTĐT hàng năm của Nhà trường, Hội đồng KHĐT Khoa cần thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CDR để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và nâng cao chất lượng đào tạo;

+ Mở rộng hình thức công bố công khai CDR CTĐT như thông qua các trang mạng xã hội như facebook, instagram, zalo, youtube...bên cạnh các kênh truyền thống như website, tờ rơi quảng bá, cẩm nang sinh viên, truyền hình.

- Đối sánh CDR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết. Chủ động rà soát CTDH trên cơ sở góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà

sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học...).

- Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết.

- Thường xuyên điều chỉnh, cập nhật đề cương môn học đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ của bản đề cương nhằm cải tiến chất lượng.

- Rà soát lại phân nhiệm cho các môn học, đảm bảo không bị chồng chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng 01 CĐR. Đồng thời, khi xây dựng đề cương cũng như bài giảng chương trình các môn học cần căn cứ vào CĐR chung của ngành để tránh trường hợp trùng lặp hoặc bỏ sót các yêu cầu của CĐR ngành Tài chính - Ngân hàng. Định kỳ rà soát, điều chỉnh để các học phần đạt được CĐR của CTĐT.

- Thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong nước và nước ngoài và việc chỉnh sửa bổ sung các học phần trong chương trình đào tạo cần có sự tham gia sâu hơn nữa của các bên liên quan.

- Tăng cường số môn học và tín chỉ mang tính thực hành, kỹ năng, cũng như số tín chỉ/môn học trong các học phần tự chọn.

Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và khoa Kinh tế tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn thông qua website của trường, của khoa, qua mạng xã hội, trực tiếp,... đặc biệt vào các thời điểm như dịp hè, thời điểm tuyển sinh, kết thúc các kỳ học, năm học để các bên liên quan đều có thể biết đến Trường Đại học Vinh, khoa Kinh tế và ngành Tài chính - Ngân hàng, biết rõ Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu về trường, khoa và ngành Tài chính - Ngân hàng một cách dễ dàng.

- Cần tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp dạy học tích hợp cho giảng viên và sinh viên;

- Hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu ngay từ năm đầu đại học;

- Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV;

- Tăng cường tổ chức hàng năm các chương trình thực tế tham quan các doanh nghiệp, nhà máy để sinh viên có tầm nhìn sát thực về công việc tương lai.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, trao đổi với sự tham gia trực tiếp của SV về những bất cập và cải cách, đổi mới các PPDH theo tiếp cận CDIO;

- Mở hòm thư tự động hay kênh góp ý trực tiếp để lắng nghe những vướng mắc của SV và giải đáp một cách kịp thời.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả việc triển khai quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực với tất cả các học phần của CTĐT.

- Khoa tiến hành bổ sung việc khảo sát lấy ý kiến người học vào thời điểm giữa kỳ học để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.
- Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần. Từng bước xây dựng các phương pháp đánh giá về độ giá trị, độ tin cậy một cách chuyên nghiệp.
- Cần thực hiện thông báo kết quả học tập người học đến gia đình sau mỗi kỳ học. Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lý học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của người học trong quá trình học.
- Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng để đảm bảo thuận lợi cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập. Thông báo kết quả khiếu nại của SV về kết quả học tập trên website của nhà trường.
- Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập xây dựng và hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo nhanh, gọn và hiệu quả hơn.
- Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm PGS, học NCS cho các giảng viên, nghiên cứu viên
 - Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên;
 - Cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.
 - Tăng cường đầu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước, Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế. Bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ
 - Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo vị trí việc làm
 - Tăng ngân sách đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ
 - Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
 - Tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia sáng kiến kinh nghiệm, NCKH
 - Tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường
 - Phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh
 - Có kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên;
 - Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lý đào tạo và quản lý SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập và rèn luyện.
 - Khoa và bộ môn lập kế hoạch chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn bộ CB, GV về việc hỗ trợ cho SV trong công tác tiếp cận với nhà tuyển dụng, thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp, kết nối mạng lưới cựu

người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp

- Bố trí nhiều phòng tự học cho sinh viên tại các giảng đường A,B,D. Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng xê mi na cho ngành Tài chính ngân hàng nói riêng và các bộ môn/ngành trong trường Đại học Vinh nói chung.

- Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc. Cải thiện tốc độ mạng internet tại các phòng học máy tính.

- Tổ chức nhiều Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.

- Đề xuất với Nhà trường xuất bản các giáo trình phục vụ nhu cầu của người học

- Lập danh mục học liệu, đề nghị Nhà trường mua thêm các giáo trình của một số trường đại học, xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho người học.

- Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thời học với ngành Tài chính - Ngân hàng của các trường đại học trong nước và quốc tế từ năm học 2020 - 2021, do Khoa Kinh tế làm đầu mối.

- Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên ngành TCNH

- Tăng cường khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và thêm nhiều đối sánh.

- Tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho Khoa các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng.

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Vinh**

Tên chương trình đào tạo: **Tài chính - Ngân hàng**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>										
Tiêu chí 2.1					5			4.7	3	100
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					4					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>										
Tiêu chí 3.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>										
Tiêu chí 5.1					5			4,4	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>										
Tiêu chí 6.1					5			4,9	7	100
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					

Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1				4				4,00	5	100
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1				4				4,60	5	100
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5	5	100
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				4				4,30	6	100
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				5						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			4,40	5	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,62	50	100

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT

ngành Tài chính - Ngân hàng

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/9/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
 - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: TDV
 - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 038 3855 452 Số fax: 038 3855 269
E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: www.vinhuni.edu.vn
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1961
10. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế
 - Tiếng Anh: Economic Department
13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng

- Tiếng Anh: Finance - Banking

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Kinh tế

15. Mã CTĐT: 7.34.02.01

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng

17. Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Tầng 2 Nhà A0 Trường Đại học Vinh số 182 Lê Duẩn Thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

18. Số điện thoại liên hệ: 02383.855.452; E-mail: khoakinhte@vinhuni.edu.vn; Website: www/http/khoakinhtevinhuni

19. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): 2003

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2007

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2011

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trải qua hơn 18 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Kinh tế đã đào tạo hàng ngàn Cử nhân, hàng trăm Thạc sĩ kinh tế khẳng định được vị thế của mình đối với sự phát triển của Nhà trường và xã hội. Hiện nay, Khoa có 58 cán bộ, trong đó có 54 giảng viên với 2PGS, 26 TS, 26 ThS (có 13 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh). Năm 2003 đến nay, Khoa Kinh tế đã có 17 khoá học chính quy khối ngành Kinh tế với trên 6.500 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Khoa Kinh tế hiện nay đang đào tạo 6 mã ngành đại học (Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Kinh tế nông nghiệp, Thương mại điện tử), ba chuyên ngành thạc sĩ (Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh) và 01 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ (Quản lý kinh tế) với 3.474 sinh viên chính quy, 131 sinh viên hệ không chính quy và 551 học viên cao học và 14 nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Khoa còn đào tạo và cấp chứng chỉ: Kế toán tổng hợp, Kế toán máy, Kế toán trưởng, Quản trị doanh nghiệp, Marketing bán hàng, Đầu tư chứng khoán, Nghiệp vụ ngân hàng,... cho hơn 3.200 học viên.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng chục giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

Sau 18 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa không ngừng được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng nhiều. Nhiều đồng chí hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt của trường. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao trên địa bàn.

Chức năng, nhiệm vụ

- *Chức năng*: Khoa Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế, nghiên cứu khoa học, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước.

- *Nhiệm vụ*:

+ Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

+ Đào tạo Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp, Cử nhân thương mại điện tử.

+ Đào tạo trình độ Thạc sĩ Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành Quản lý kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

+ Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

+ Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về Kinh tế và Quản lý kinh tế.

+ Đào tạo liên thông từ Trung cấp, Cao đẳng lên Đại học.

+ Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Hoạt động đào tạo

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, Khoa luôn xác định hoạt

động đào tạo là hoạt động cơ bản và có ý nghĩa sống còn. Hoạt động đào tạo của Khoa được biểu hiện ở các nội dung cơ bản như sau:

- Hệ đại học chính quy:

Đây được xem là hệ đào tạo xương sống của Khoa. Từ khi thành lập Khoa (2003) đến nay, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo hệ cử nhân kinh tế với các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính Ngân hàng, Kinh tế, Kinh tế nông nghiệp, Thương mại điện tử. Khoa đã xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết các học phần cho tất cả 06 mã ngành đào tạo Đại học. Tất cả các chương trình này được xây dựng mang tính khoa học và cập nhật. Từ năm học 2007- 2008, cùng với toàn Trường, các ngành đào tạo chính quy của Khoa đã chuyển sang phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Khoa cũng đã công bố được chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đại học chính quy do Khoa quản lý và Khoa đang xây dựng chương trình đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Kinh tế nông nghiệp theo hướng tiếp cận CDIO. Hoạt động đào tạo hệ đại học chính quy của Khoa luôn được thực hiện đúng quy định. Các hoạt động dạy, học, thi và đánh giá được tổ chức một cách cơ bản, khoa học, công bằng và khách quan.

- Hệ đào tạo Sau đại học:

Đây là một mảng đào tạo đang ngày càng phát triển do nhu cầu nâng cao trình độ của xã hội và uy tín, thương hiệu của nhà trường. Hiện tại Khoa đang đào tạo Thạc sĩ các chuyên ngành: Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế và Quản trị kinh doanh; đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Để nâng cao chất lượng và đảm bảo uy tín đào tạo, Khoa chú trọng đến việc quản lý học viên cả về thời gian và chất lượng học tập nghiên cứu. Việc kiểm tra, đánh giá, luôn chặt chẽ từ khâu dạy, ra đề thi, coi thi và chấm bài. Các chuyên ngành đã phát triển khá mạnh mẽ các hướng nghiên cứu gắn với yêu cầu phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

Ban chủ nhiệm Khoa, các Bộ môn và đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo sau đại học của Khoa xác định, đây là bậc đào tạo cán bộ có chất lượng cao cho đất nước. Khung chương trình, chương trình chi tiết các ngành Cao học do Khoa quản lý, đào tạo đều được biên soạn công phu, nghiêm túc, khoa học và cập nhật. Từ năm học 2013 - 2014 đến nay, đồng thời với việc đổi mới khung và nội dung chương trình, các cán bộ đào tạo sau đại học của khoa đã biên soạn chương trình chi tiết của hơn 40 chuyên

đề đào tạo cao học thạc sĩ theo học chế tín chỉ.

Kể từ đợt tuyển sinh năm 2012, ngoài tuyển sinh 6 mã ngành Đại học chính quy, 03 mã ngành đào tạo vừa làm vừa học và 01 mã ngành từ xa, Khoa Kinh tế chính thức đào tạo Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế chính trị từ năm 2012, thạc sĩ Quản lý kinh tế từ năm 2016, thạc sĩ quản trị kinh doanh từ năm 2020. Đến nay, Khoa đã và đang đào tạo và cấp bằng cho 06 khóa Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, 03 khóa đã tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Số lượng học viên cao học tăng nhanh qua các năm cho thấy nhu cầu học cao học kinh tế ở Nghệ An nói riêng và khu vực Bắc Trung Bộ đang rất lớn.

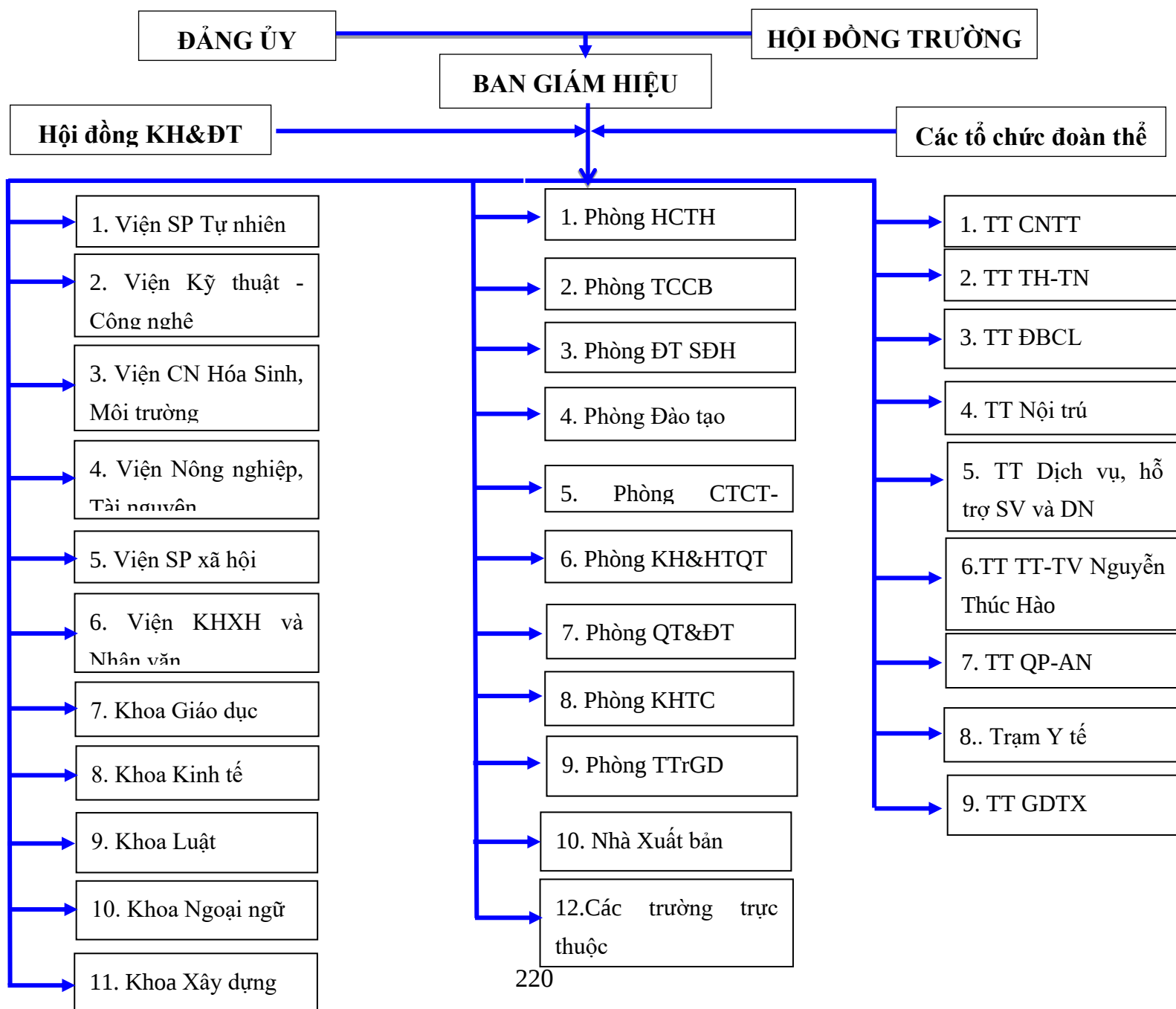
Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Khoa Kinh tế còn có Phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

- Trải qua 18 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa Kinh tế đã được khen thưởng:

- + Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc;
- + Tập thể lao động giỏi;
- + 04 Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; 01 Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- + 05 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + 04 Bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- + 03 Giấy khen Tỉnh Đoàn cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

Cơ cấu tổ chức trường Đại học Vinh



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC KHOA KINH TẾ

TRƯỞNG KHOA

TS. NGUYỄN THỊ THU CÚC

Điện thoại: 0932 341 888

Email: cucntt@vinhuni.edu.vn



PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. HỒ MỸ HẠNH

Điện thoại: 0912 431741

Email: hanhbm@vinhuni.edu.vn



DANH SÁCH TRƯỞNG BỘ MÔN

TT	HỌ VÀ TÊN	TRƯỞNG BỘ MÔN	ĐIỆN THOẠI	EMAIL
1	TS. Hồ Thị Diệu Ánh	Quản trị kinh doanh	0989 729035	anhhtd@vinhuni.edu.vn
2	TS. Đặng Thành Cương	Tài chính ngân hàng	0914 792688	cuongdt@vinhuni.edu.vn
3	TS. Phạm Thị Thúy Hằng	Kế toán	0914 316268	hangptt@vinhuni.edu.vn
4	PGS, TS. Nguyễn Thị Minh Phượng	Kinh tế	0942 726777	phuongntm@vinhuni.edu.vn

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo Trường Đại học Vinh					
1	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐ Trường	Nguyễn Ngọc Hiền	1975	TS	0912.574484	hiennn@vinhuni.edu.vn
2	Hiệu trưởng	Nguyễn Huy Bằng	1977	GS.TS	038.3733888	bangnh@vinhuni.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Trần Bá Tiến	1972	TS	0943299777	tientb@vinhuni.edu.vn
4.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thu Cúc	1978	TS	0932 341 888	cucntt@vinhuni.edu.vn
5.	Chủ tịch Công đoàn	Phạm Thị Bình	1971	TS	0983.551387	binhpt@vinhuni.edu.vn
	Khoa Kinh tế					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Trưởng khoa	Nguyễn Thị Thu Cúc	1978	TS	0912341888	cucntt@vinhuni.edu.vn
2	Phó Trưởng khoa	Hồ Mỹ Hạnh	1977	TS	1092431741	hanhbm@vinhuni.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Đảng bộ BP	Nguyễn Thị Thu Cúc	1978	TS, Bí thư	0912341888	cucntt@vinhuni.edu.vn
2	Công đoàn	Nguyễn Thị Thanh Hòa	1981	TS, Chủ tịch	0915235888	hoantt@vinhuni.edu.vn
3	Liên chi đoàn	Nguyễn Thanh Huyền	1989	ThS, Bí thư	0915253186	huyentt@vinhuni.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
4	Liên chi hội sinh viên	Hoàng Minh Kỳ	1998	Sinh viên, LCH trưởng	0708198004	hoangminhky9@gmail.com
III. Các trợ lý hành chính						
1	Trợ lý đào tạo	Đinh Ngọc Hà	1995	CN	0976773368	hadn@vinhuni.edu.vn
2	Trợ lý QLSV	Đào Thị Lợi	1983	ThS	0989808346	loidt@vinhuni.edu.vn
3	Trợ lý QLSV	Lê Như Lai	1988	ThS	0979945679	lailn@vinhuni.edu.vn
4	Văn phòng khoa	Lê Thị Hồng Phương	1976	ThS	0915562586	phuonglth@vinhuni.edu.vn
IV. Các bộ môn						
1	BM Quản trị kinh doanh	Hồ Thị Diệu Ánh	1979	TS, TBM	0948983777	anhhtd@vinhuni.edu.vn
2	BM Kế toán	Phạm Thị Thúy Hằng	1983	TS, TBM	0914316268	hangptt@vinhuni.edu.vn
3	BM Tài chính ngân hàng	Đặng Thành Cương	1980	TS, TBM	0914792688	cuongdt@vinhuni.edu.vn
4	BM Kinh tế	Nguyễn Thị Minh Phượng	1978	PGS, TS TBM	0942726777	phuongntm@vinhuni.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 6

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 1

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 2

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 6

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☒	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 6

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	7	49	58
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	1		
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)		1	
	Tổng số	8	50	58

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc cán bộ được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	2	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	26	26	0	10	0	0
5	Thạc sĩ	26	26	0	3	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	54	54	0	13	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 54 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93,1%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

Số liệu bảng 35 được lấy từ bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư	3,0	2	2	0	0	0	0	6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	
4	Tiến sĩ	2	26	26	0	10	0	0	58
5	Thạc sĩ	1	26	26	0	3	0	0	26,9
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	
	Tổng		54	54	0		0	0	84,9

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	3,7	0	2	0	0	1	1	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	26	48,15	2	20	0	13	9	0	0
5	Thạc sĩ	26	48,15	5	25	3	26	1	0	0

6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	54	100			3	39	11	1	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 41,38%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 55,17%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	32	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	61	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	7	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017	113	108	95,58	65	15	17.25	3
2017-2018	102	90	88,23	66	15.5	17.75	4

2018-2019	94	93	98,93	84	14	16.25	9
2019-2020	95	90	94,73	72	15	17.5	15
2020-2021	105	100	95,23	90	15	17	4

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	548	440	375	288	311
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Số lượng (người)	3	4	9	15	4

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	4.61	6.06	10.71	20.83	4.44

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	6.008	6.008	6.008	6.008	6.008
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	285	265	194	176	152
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	58	36	21	38	41
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5.3m ²	5.3m ²	5.3m ²	5.3m ²	5.3m ²

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Số lượng (người)	3	0	6	10	20
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0,55%	0%	1,6%	3,47%	6,43%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	200	136	122	116	36
Hệ chính quy	200	136	122	116	36
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...	0	0	0	0	0

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên chính quy của CTĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	200	136	122	116	36
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	84,39%	77,27%	82,43%	72,96%	64,29%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	84,1%	86,1%	85,9%	85,7%	-
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	12,6%	10,8%	11,5%	10,7%	-

3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	3,3%	3,1%	2,6%	3,6%	-
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	36,0%	50,4%	15,5%	44,3%	-
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	25,3%	32,9%	69%	36,8%	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu đồng)	6,1	6,9	7,4	7,5	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	19,6%	21,7%	24,2%	-	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	60,2%	59,7%	53,7%	-	-

5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	3,5%	3,1%	3,2%	-	-
--	------	------	------	---	---

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						-
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0				3	3	6
3	Đề tài cấp trường	0,5	9	6	3	8	11	18,5
4	Tổng		9	6	3	11	14	24,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 24,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 44,55%

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị

thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016			
2	2017			
3	2018			
4	2019			
5	2020			

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài		10	55	
Từ 4 đến 6 đề tài		-	1	
Trên 6 đề tài		-	2	
Tổng số cán bộ tham gia		10	58	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1				3	8
2	Sách giáo trình	1,5		3	3	3	7	24
3	Sách tham khảo	1,0	2		1	2	3	8
4	Sách hướng dẫn	0,5						-
5	Tổng		3	3	4	5	13	40

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 40

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 48

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	17	47	10	
Từ 4 đến 6 cuốn sách		1	1	
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	17	48	11	

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5			6	11	66	124,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	61	36	32	44	44	217
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5						
	Tổng		61	36	40	55	110	341,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 341,4

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 56

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	20	46	
Từ 6 đến 10 bài báo	8	10	
Từ 11 đến 15 bài báo	1		
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	29	56	

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0						
2	Hội thảo trong nước	0,5			8	11	3	11
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
4	Tổng				8	11	3	11

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 11

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo		6	
Từ 6 đến 10 báo cáo			

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia		6	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	-
2017-2018	-
2018-2019	-
2019-2020	-
2020-2021	-

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài			16	
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			16	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	0	1	1	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	2	1

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 441.265

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 81.143

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 3.266 m² Nơi học: 51.054 m² Nơi vui chơi giải trí: 26.823 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 51.054 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3,81 m²/1 SV

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 1.082 đầu sách.

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng khoa: 06 bộ)

- Dùng cho người học học tập: 1.116 bộ cho toàn bộ sinh viên chính quy của trường.

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,37 máy tính/ 1 người học chính quy.

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 54

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 93,1

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 51,85

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 48,15

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): Năm học 2020 – 2021: 311 SV

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 5.76

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): Năm 2015 - 2016: 84,39%; Năm 2016 - 2017: 77,27%; Năm 2017 - 2018: 82,43%; Năm 2018 - 2019: 72,96%; Năm 2019 - 2020: 64,29%.

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Năm 2015 - 2016: 84,1%; Năm 2016 - 2017: 86,1%; Năm 2017 - 2018: 85,9%; Năm 2018 - 2019: 85,7%.

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Năm 2015 - 2016: 12,6%; Năm 2016 - 2017: 10,8%; Năm 2017 - 2018: 11,5%; Năm 2018 - 2019: 10,7%.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): Năm 2015 - 2016: 36,0%; Năm 2016 - 2017: 50,4%; Năm 2017 - 2018: 15,5%; Năm 2018 - 2019: 44,3%.

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): Năm 2015 - 2016: 25,3%; Năm 2016 - 2017: 32,9%; Năm 2017 - 2018: 69%; Năm 2018 - 2019: 36,8%.

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): Năm 2015 - 2016: 6,1; Năm 2016 - 2017: 6,9; Năm 2017 - 2018: 7,4; Năm 2018 - 2019: 7,5.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): Năm 2015 - 2016: 19,6%; Năm 2016 - 2017: 21,7%; Năm 2017 - 2018: 24,2%.

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): Năm 2015 - 2016: 60,2%; Năm 2016 - 2017: 59,7%; Năm 2017 - 2018: 53,7%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 44,55%

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 48

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 56

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,37 máy tính/ 1 người học chính quy.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3,81 m²/1 sv

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 8 m²/1 SV

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *122* /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày *15* tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
các ngành Sư phạm tiếng Anh, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục Thể chất
và Tài chính - Ngân hàng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH, ngày 28/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV, ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-ĐHV, ngày 30/10/2019 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2019 - 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành Sư phạm tiếng Anh, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục Thể chất và Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trường các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL ✓

HIỆU TRƯỞNG ✓

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng

(Kèm theo Quyết định số 122 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Trần Bá Tiến	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Trưởng khoa Kinh tế	Phó Chủ tịch
4	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thư ký
5	Ông Hoàng Vĩnh Phú	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên
7	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
8	Bà Đặng Thị Thu	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
9	Ông Đinh Đức Tài	Phó Trưởng phòng PT phòng KH&HTQT	Thành viên
10	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
11	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
12	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
13	Bà Hồ Mỹ Hạnh	Phó Trưởng khoa Kinh tế	Thành viên
14	Ông Đặng Thành Cường	TBM Tài chính - Ngân hàng	Thành viên
15	Hoàng Thị Thanh Huyền	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
16	Nguyễn Đình Tiến	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
17	Hoàng Thị Việt	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
18	Nguyễn Thị Bích Thủy	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
19	Hoàng Minh Kỳ	Sinh viên lớp 60B1, Tài chính - Ngân hàng	Thành viên

Danh sách này gồm có 19 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
Ngành Tài chính - Ngân hàng**

(Kèm theo Quyết định số: 112 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thành viên
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
5	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
6	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
7	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
8	Ông Nguyễn Anh Lương	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
9	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
10	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
11	Ông Hồ Xuân Thủy	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
12	Ông Đào Quang Thắng	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
13	Bà Trần Thị Thái	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
14	Ông Đặng Thành Cương	TBM Tài chính Ngân hàng	Thành viên
15	Nguyễn Thanh Huyền	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
16	Nguyễn Thị Yến	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
17	Đoàn Thị Ngọc Hân	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
18	Nguyễn Thị Anh Giang	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
19	Hoàng Thị Thanh Huyền	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
20	Bành Thị Thảo	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
21	Ngô Hồng Nhung	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
22	Trần Thị Lưu Tâm	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
23	Trịnh Thị Hằng	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên

Danh sách này gồm có 23 người./.



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Ngành Tài chính - Ngân hàng)

(Kèm theo Quyết định số: 122 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 1 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
NHÓM 1:			
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.			
1	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Trưởng khoa Kinh tế	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Thảo	Giảng viên khoa Kinh tế	Thư ký
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Trần Thị Lưu Tâm	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
5	Ông Đào Quang Thắng	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
NHÓM 2:			
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.			(6 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			
1	Bà Hoàng Thị Việt	Giảng viên khoa Kinh tế	Trưởng nhóm
2	Hoàng Thị Thanh Huyền	Giảng viên khoa Kinh tế	Thư ký
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Nguyễn Đình Tiến	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
5	Ông Hồ Xuân Thủy	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
NHÓM 3:			
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.			(10 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			
1	Ông Đặng Thành Cương	TBM Tài chính - Ngân hàng	Trưởng nhóm
2	Ngô Hồng Nhung	Giảng viên khoa Kinh tế	Thư ký
3	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
4	Nguyễn Thị Anh Giang	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
5	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 4:			
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.			(12 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.			
1	Bà Hồ Mỹ Hạnh	Phó Trưởng khoa Kinh tế	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thư ký
3	Nguyễn Thanh Huyền	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
4	Trịnh Thị Hằng	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
5	Bà Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 5:			
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Bà Hồ Mỹ Hạnh	Phó Trưởng khoa Kinh tế	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	Thư ký
3	Nguyễn Thị Bích Thủy	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
4	Ông Nguyễn Anh Lương	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên

NHÓM 6: Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.			(11 tiêu chí)
1	Ông Đặng Thành Cương	TBM Tài chính - Ngân hàng	Trưởng nhóm
2	Đoàn Thị Ngọc Hân	Giảng viên khoa Kinh tế	Thư ký
3	Nguyễn Thị Yến	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
4	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Trần Thị Thái	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
NHÓM 7: - Viết báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Trưởng khoa Kinh tế	Trưởng nhóm
2	Ông Đặng Thành Cương	TBM Tài chính - Ngân hàng	Thư ký
3	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên
4	Hoàng Thị Việt	Giảng viên khoa Kinh tế	Thành viên
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên

Nghệ An, ngày 15 tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng

1. Mục đích tự đánh giá

- Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.
- Đăng kí kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng (01/01/2016 -31/12/2020).

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Tài chính - Ngân hàng* được thành lập theo Quyết định số 112 /QĐ-ĐHV ngày 15/ 01 /2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, Hội đồng gồm có 19 thành viên (có danh sách kèm theo).

4.2. Ban Thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách gồm 23 người (có danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện (có danh sách kèm theo)

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2	Nhóm 1	25/01/2021 - 05/07/2021	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2	25/01/2021 - 05/07/2021	
3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm 3	25/01/2021 - 05/07/2021	
4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 4	25/01/2021 - 05/07/2021	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	25/01/2021 - 05/07/2021	

6	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 6	25/01/2021 - 05/07/2021	
7	Báo cáo tự đánh giá, Danh mục MC Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Nhóm 7	25/01/2021 - 12/07/2021	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1 và 2	- Phân tích tiêu chí (1-6); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (1-6); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Kinh tế, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
2	Tiêu chuẩn 3 và 4	- Phân tích tiêu chí (7-12); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (7-12); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Kinh tế, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
3	Tiêu chuẩn 5 và 8	- Phân tích tiêu chí (13-34); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (13-34); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Kinh tế, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HSSV, TT DV, HTSV& QHDN; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
4	Tiêu chuẩn 6 và 7	- Phân tích tiêu chí (18-29); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (18-29); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng TCCB; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
5	Tiêu chuẩn 9	- Phân tích tiêu chí (35-39); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (35-39); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng QT&ĐT, Trung tâm TT-TV, Trung tâm TH - TN - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
6	Tiêu chuẩn 10 và 11	- Phân tích tiêu chí (40-50); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (40-50); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Kinh tế, phòng Đào tạo, TT ĐBCL; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

Thu thập ý kiến phản hồi về báo cáo tự đánh giá từ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động, ... có sinh viên tốt nghiệp của ngành đang công tác.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia tập huấn về tự đánh giá chương trình đào tạo (1 ngày).

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 (04/01/2021 - 17/01/2021)	- Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT (Khoa Kinh tế) để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 (18/01/2021 - 24/01/2021)	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 4 - 12 (25/01/2021 - 28/03/2021) (Thời gian nghỉ tết từ ngày 10/02/2021 đến ngày 16/02/2021)	- Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 13 - 19 (29/03/2021 - 16/05/2021)	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 20 (17/05/2021 - 23/05/2021)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 21 - 22 (24 /05/2021	Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).

Thời gian	Các hoạt động
- 06/06/2021)	2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT hợp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 23 - 25 (07/06/2021 - 21/06/2021)	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 26 - 27 (22/06/2021 - 05/07/2021)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tuần 28 (06/07/2021 - 12/07/2021)	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng